BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 40/2026
Từ 12/10 - 16/10/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*
ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN
WEBSITE
HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TIN TRUNG ƯƠNG

THÀNH QUẢ TĂNG TRƯỞNG PHẢI TẠO ĐIỀU KIỆN ĐỂ MỖI NGƯỜI DÂN PHÁT TRIỂN BẢN THÂN VÀ ĐÓNG GÓP CHO ĐẤT NƯỚC

Sáng ngày 16/10/2026, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV.



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm phát biểu chỉ đạo Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, sáng ngày 16/10 - Ảnh: chinhphu.vn/Nhật Bắc

Củng cố những điều kiện mang tính quyết định

Phát biểu chỉ đạo Hội nghị, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm cho biết, tiếp nối các quyết sách từ đầu nhiệm kỳ Đại hội XIV, Trung ương 4 tập trung củng cố những điều kiện mang tính quyết định đối với việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIV của Đảng.

Các quyết sách của Trung ương đòi hỏi đổi mới tư duy, đổi mới đồng bộ công tác xây dựng Đảng, phương thức lãnh đạo và công tác cán bộ. Những chủ trương đúng phải được chuyển hóa thành năng lực phát triển thực chất, được kiểm chứng qua hiệu quả hoạt động của bộ máy trong hệ thống chính trị, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và sự cải thiện đời sống nhân dân.

Thông qua việc thực hiện nhiệm vụ, phải nâng cao năng lực cán bộ, phát huy sức sáng tạo của nhân dân, huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực. Những kết quả ấy phải được tích lũy qua từng giai đoạn, góp phần nâng cao khả năng tự chủ và sức mạnh của đất nước, tạo nền tảng phát triển lâu dài cho quốc gia.

"Là Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội, Đảng ta chịu trách nhiệm trước nhân dân về quyết sách và kết quả lãnh đạo của mình. Quán triệt nghị quyết đòi hỏi mỗi cấp ủy, mỗi đảng viên nghiêm túc xem xét: Vì sao chủ trương đúng nhưng công việc vẫn chậm, nguồn lực chưa được phát huy, trách nhiệm chưa được thực hiện đầy đủ? Phải xác định nguyên nhân để sửa từ cách lãnh đạo, chất lượng tham mưu đến bố trí cán bộ, tổ chức triển khai thực hiện. Kết quả xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải được kiểm nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc và chăm lo nâng cao đời sống nhân dân", Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm phát biểu.

Trên tinh thần này, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nêu 5 yêu cầu cần tập trung thực hiện tốt.

Gắn xây dựng, chỉnh đốn Đảng với đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền

Thứ nhất, gắn xây dựng, chỉnh đốn Đảng với đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền và nâng cao năng lực tổ chức thực hiện.

Theo đó, đổi mới cách lãnh đạo cần đi đôi với việc chuẩn bị đội ngũ cán bộ có đủ năng lực và tinh thần trách nhiệm. Khi công việc trì trệ hoặc không có chuyển biến, phải xem xét chất lượng tổ chức đảng, phương thức lãnh đạo và cán bộ phụ trách. Việc đánh giá tổ chức đảng phải căn cứ vào kết quả thực hiện nhiệm vụ, làm rõ trách nhiệm lãnh đạo đối với những yếu kém chưa được khắc phục.

Đổi mới phương thức lãnh đạo bắt đầu từ việc cấp ủy lựa chọn đúng vấn đề cần quyết định và tổ chức thực hiện. Việc giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể phải gắn với trách nhiệm cá nhân. Sự lãnh đạo toàn diện của Đảng phải gắn với việc phát huy đầy đủ chức năng, thẩm quyền của các cơ quan nhà nước theo Hiến pháp, pháp luật và quyền làm chủ của nhân dân. Phải phân định rõ việc cần xin ý kiến cấp ủy với việc cơ quan có thẩm quyền chủ động quyết định; chấn chỉnh tình trạng xin ý kiến để chuyển trách nhiệm. Các quyết định lãnh đạo, chỉ đạo phải có căn cứ thực tiễn và được theo dõi đến kết quả cuối cùng.

Ở cơ sở, phải đưa những vấn đề gắn với nhiệm vụ và đời sống nhân dân vào sinh hoạt chi bộ. Khi có phản ánh về cán bộ thiếu trách nhiệm, gây phiền hà hoặc có kiến nghị kéo dài, tổ chức đảng phải xem xét, yêu cầu đảng viên có trách nhiệm báo cáo và khắc phục. Thông qua giải quyết công việc, phải rèn luyện cán bộ, củng cố tổ chức, để người dân thấy rõ vai trò của tổ chức đảng và sự gương mẫu của đảng viên.

Thứ hai, xây dựng, bố trí và phát huy đội ngũ cán bộ, trọng dụng nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước. Mỗi cấp ủy phải rà soát đội ngũ cán bộ theo yêu cầu nhiệm vụ; gắn việc tạo nguồn, đào tạo với đánh giá, sử dụng và sàng lọc cán bộ. Công tác đánh giá phải được thực hiện thường xuyên, coi trọng phẩm chất chính trị, đạo đức, uy tín và đóng góp thực chất, đồng thời xét đến điều kiện và độ khó của nhiệm vụ.

Kết quả đánh giá phải được sử dụng kịp thời để giao việc, bồi dưỡng hoặc bố trí lại cán bộ. Việc bố trí lại phải có căn cứ, đúng quy định, không chờ hết nhiệm kỳ, không gây xáo trộn tùy tiện. Cần xem xét thay thế người không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, không chờ đến khi có vi

phạm phải xử lý kỷ luật; việc bố trí lại không thay thế việc xử lý vi phạm. Người đánh giá, giới thiệu, bố trí cán bộ phải chịu trách nhiệm về nhận xét, đề xuất của mình. Kiên quyết ngăn chặn tình trạng chạy chức, chạy quyền, lợi ích nhóm và can thiệp trái quy định vào công tác cán bộ.

Cán bộ cấp chiến lược phải được đánh giá qua khả năng xử lý những vấn đề lớn của ngành, địa phương trong tổng thể phát triển đất nước. Người lãnh đạo phải biết lựa chọn ưu tiên, có bản lĩnh đặt lợi ích quốc gia lên trên lợi ích riêng của ngành, địa phương. Tập thể lãnh đạo phải có sự bổ sung về chuyên môn, kinh nghiệm giữa các thành viên và phối hợp tốt trong giải quyết công việc chung. Việc chuẩn bị đội ngũ kế cận cần gắn với giao việc khó để rèn luyện, kiểm nghiệm năng lực; chú trọng cán bộ nữ, cán bộ trẻ, người dân tộc thiểu số và cán bộ khoa học, kỹ thuật, bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng.

Thứ ba, thể chế hóa kịp thời các quyết sách, phân định rõ trách nhiệm và bảo đảm điều kiện thực hiện. Các cấp ủy phải rà soát các nghị quyết trong tổng thể chương trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, làm rõ những nội dung hỗ trợ lẫn nhau, xử lý tình trạng chồng chéo, thiếu thống nhất và những nhiệm vụ còn bỏ sót. Những vấn đề liên ngành, liên vùng phải được xem xét trong mối quan hệ giữa các chính sách, phân định rõ trách nhiệm để phối hợp giải quyết. Chương trình hành động cần tập trung vào những nhiệm vụ có tác động lớn, xác định rõ cơ quan chủ trì, phối hợp, thẩm quyền, thời hạn, nguồn lực và kết quả cần đạt. Những nhiệm vụ đã phân công phải tiếp tục được thực hiện, tránh giao lại nhiệm vụ hoặc ban hành kế hoạch trùng lặp.

Cần chủ động nhận diện sự thay đổi của các điểm nghẽn trong quá trình phát triển. Khi những vướng mắc về thể chế, cơ chế đã được tháo gỡ mà công việc vẫn chậm, phải xem xét lại năng lực thực hiện, sự phối hợp và trách nhiệm của cán bộ. Đồng thời, cần dự báo những hạn chế về nhân lực, công nghệ, hạ tầng khi quy mô và yêu cầu phát triển tăng lên để chuẩn bị giải pháp từ sớm. Việc tháo gỡ khó khăn trước mắt phải tạo được điều kiện cho bước phát triển tiếp theo.

Chuẩn bị tốt các điều kiện thực hiện kế hoạch năm 2027

Thứ tư, phấn đấu ở mức cao nhất để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ năm 2026; chuẩn bị tốt các điều kiện thực hiện kế hoạch năm 2027.

Trong những tháng cuối năm 2026, kết quả quán triệt nghị quyết phải được thể hiện bằng những chuyển biến trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành. Các bộ, ngành, địa phương rà soát từng mục tiêu, xác định những nhiệm vụ còn chậm tiến độ và nguyên nhân để có biện pháp giải quyết. Phải phân biệt khó khăn khách quan với sự chậm trễ do thiếu phối hợp, né tránh hoặc chậm ra quyết định. Người đứng đầu trực tiếp xử lý những vướng mắc có ảnh hưởng lớn đến sản xuất, kinh doanh, đầu tư và đời sống nhân dân.

Cần đưa các nguồn lực đã huy động vào sử dụng; đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công gắn với chất lượng, hiệu quả công trình; xử lý theo thẩm quyền các dự án tồn đọng, kéo dài, gây lãng phí. Các địa phương phối hợp giải quyết những vấn đề về hạ tầng, thị trường và chuỗi sản xuất vượt ra ngoài phạm vi một địa phương. Phải tạo thuận lợi để doanh nghiệp tư nhân mở rộng đầu tư, sản xuất, tạo việc làm. Thu hút đầu tư nước ngoài cần gắn với sự tham gia của

doanh nghiệp trong nước và tiếp nhận công nghệ, từng bước nâng cao năng lực tự chủ của nền kinh tế.

Mục tiêu phấn đấu đạt mức tăng trưởng GDP từ 10% trở lên trong năm 2027 đòi hỏi từng ngành, địa phương phải chuẩn bị phương án có căn cứ về nguồn lực và khả năng thực hiện. Kế hoạch phải chỉ rõ tăng trưởng đến từ đâu, năng lực sản xuất nào được bổ sung, vướng mắc nào phải tháo gỡ và cơ quan nào chịu trách nhiệm. Tăng trưởng phải dựa ngày càng nhiều vào năng suất, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Công tác chuẩn bị phải được triển khai từ cuối năm nay; đồng thời, cần phối hợp chính sách tài khóa, tiền tệ để giữ ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn.

Dự toán ngân sách năm 2027 phải gắn với mục tiêu phát triển và khả năng cân đối lâu dài; việc phân chia nguồn thu giữa Trung ương và địa phương phải thực hiện đúng phương án. Nguồn lực của Trung ương cần được tập trung cho những nhiệm vụ có ý nghĩa đối với cả nước, hỗ trợ các địa bàn khó khăn; các địa phương chủ động trong phạm vi được giao. Phải bảo đảm nguồn lực cho các nhiệm vụ thiết yếu, cải cách tiền lương và an sinh xã hội; thực hành tiết kiệm ngay từ khâu phân bổ, khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải. Đối với mỗi khoản đầu tư, phải tính toán hiệu quả sử dụng, chi phí vận hành và trách nhiệm quản lý, giữ nghiêm kỷ luật tài chính.

Trong mọi phương án phát triển, phải quan tâm đến việc làm, thu nhập và khả năng tiếp cận giáo dục, y tế, các dịch vụ thiết yếu của người dân, nhất là ở vùng khó khăn. Phát triển văn hóa, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bảo vệ môi trường và chủ động phòng, chống thiên tai phải được bảo đảm trong quá trình lựa chọn chính sách. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại cần gắn chặt với nhiệm vụ kinh tế, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, bảo vệ lợi ích quốc gia. Thành quả tăng trưởng phải tạo điều kiện để mỗi người dân phát triển bản thân và đóng góp cho đất nước.

Thứ năm, giữ nghiêm kỷ luật, kiểm soát quyền lực và phát huy vai trò của nhân dân trong thực hiện nghị quyết. Công tác kiểm tra, giám sát phải bám sát các nhiệm vụ trọng tâm, phát hiện sớm nguy cơ chậm trễ, sai phạm để kịp thời chấn chỉnh. Người lãnh đạo phải xuống cơ sở, nắm tình hình công việc và điều kiện thi hành. Khi kết quả chưa đạt yêu cầu, phải làm rõ nguyên nhân từ quyết định, việc bố trí nguồn lực hay trách nhiệm của người thực hiện. Kết luận kiểm tra phải làm rõ trách nhiệm, biện pháp và thời hạn khắc phục khuyết điểm, vi phạm. Phải giám sát việc thực hiện, kiểm chứng kết quả và khắc phục những sơ hở trong quản lý, kiểm soát quyền lực để ngăn ngừa tái phạm.

Việc thực hiện các quy định mới về kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật và giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng phải đúng thẩm quyền, quy trình, bảo đảm khách quan, công bằng. Quyền lực trong công tác cán bộ, quản lý nguồn lực và hoạt động kiểm tra đều phải được kiểm soát. Cần bảo vệ những người đổi mới vì lợi ích chung theo quy định. Khi xem xét trách nhiệm, phải đánh giá đầy đủ động cơ, cách thức thực hiện, thông tin và điều kiện thực tế tại thời điểm cán bộ ra quyết định. Đồng thời, xử lý nghiêm hành vi lợi dụng đổi mới để vụ lợi, bao che sai phạm; chấn chỉnh tình trạng né tránh nhiệm vụ.

Nêu cao trách nhiệm, thực hiện có kết quả các quyết sách của Trung ương

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nêu rõ, sau Hội nghị, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương tiếp tục tổ chức học tập, quán triệt; khẩn trương cụ thể hóa chương trình hành động. Mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, mỗi người đứng đầu phải cùng tập thể xác định những thay đổi cần thực hiện ngay.

Các cấp ủy, cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến cơ sở phải chủ động thực hiện nhiệm vụ, giải quyết công việc thuộc thẩm quyền; kịp thời báo cáo, đề xuất xử lý những vấn đề vượt thẩm quyền. Các cơ quan Trung ương phải nêu gương về chất lượng tham mưu, hướng dẫn và giải quyết công việc, phối hợp với địa phương tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

"Thời gian từ nay đến năm 2030 không còn nhiều, trong khi yêu cầu phát triển đất nước ngày càng cao. Mỗi sự chậm trễ do chủ quan đều có thể làm mất cơ hội của đất nước và nhân dân. Tôi đề nghị mỗi đồng chí nêu cao trách nhiệm, cùng tập thể thực hiện có kết quả các quyết sách của Trung ương; tháo gỡ những cản trở phát triển, chủ động nắm bắt thời cơ, phát huy tiềm năng và sức sáng tạo của nhân dân. Công việc hôm nay phải góp phần hoàn thành mục tiêu trước mắt, đồng thời chuẩn bị con người, nguồn lực và điều kiện cho sự phát triển lâu dài của đất nước", Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh.

Nguồn: baochinhphu.vn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ LÊ MINH HƯNG: CẢ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ ĐẶT TRỌN NIỀM TIN VÀ TẠO MỌI ĐIỀU KIỆN THUẬN LỢI NHẤT CHO THANH NIÊN

Chiều ngày 15/10/2026 tại Hà Nội, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng chủ trì chương trình đối thoại với thanh niên năm 2026 với chủ đề "Phát huy vai trò thanh niên Việt Nam trong khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và tạo việc làm".

Một nửa thành viên Chính phủ có mặt tại cuộc đối thoại

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng nêu rõ, với sự quan tâm của Đảng, cả hệ thống chính trị, thời gian qua, tuổi trẻ Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực, rất quan trọng và toàn diện; trong đó nổi bật là:

Thứ nhất, thanh niên đạt nhiều thành tích ấn tượng trong học tập, nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thông qua các phong trào thi đua, khởi nghiệp. Nhiều tổ công nghệ số cộng đồng của thanh niên đã đồng hành cùng người dân trong xây dựng, vận hành Chính phủ số, xã hội số, đặc biệt là góp phần vào thành công của cuộc cách mạng về tổ chức bộ máy lớn nhất trong lịch sử từ trước tới nay, bảo đảm bộ máy vận hành theo mục tiêu đã đề ra khá thông suốt, không có gián đoạn, thông qua việc đưa các tổ công nghệ,

lực lượng tình nguyện hỗ trợ cho các địa phương tại những nơi khó khăn nhất, tại cấp cơ sở ngay từ những ngày đầu tiên.

Các kỹ sư, nhà khoa học, doanh nghiệp trẻ đã có nhiều đóng góp tiên phong vào các lĩnh vực mới như trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, Internet vạn vật, Fintech, blockchain... Đặc biệt, các startup công nghệ do thanh niên làm chủ đã triển khai thành công nhiều dự án công nghệ số với quy mô đầu tư lên tới hàng chục triệu USD. Nhiều tấm gương thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp, vươn lên làm giàu cho bản thân, gia đình, quê hương và đất nước.

Nhờ sự đóng góp tích cực của lực lượng thanh niên hệ sinh thái khởi nghiệp Việt Nam năm 2026 đã tăng trưởng mạnh mẽ gần 68% so với năm 2025, lọt vào Top 50 Hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu và top 10 châu Á. Qua đó, đóng góp về chất cho tăng trưởng cao và bền vững, thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ cho sản xuất, đời sống, tăng cường năng lực, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Thứ hai, thanh niên tích cực giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Điểm sáng nổi bật là các "concert quốc gia" và sự bùng nổ của các tác phẩm kết hợp giữa âm nhạc dân gian với đương đại do các nghệ sĩ trẻ thực hiện, thu hút hàng triệu lượt xem và giành nhiều giải thưởng quốc tế; qua đó, khơi dậy niềm tự hào dân tộc và quảng bá bản sắc văn hóa Việt Nam trên trường quốc tế. Triển khai tích cực Đề án "Thanh niên tham gia bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam giai đoạn 2024 – 2029".

Thứ ba, thanh niên sẵn sàng xung kích bảo vệ Tổ quốc, tiên phong trong công tác tình nguyện, thực hiện an sinh xã hội và bảo vệ môi trường. Rất nhiều thanh niên gia nhập lực lượng vũ trang và triển khai hiệu quả các phong trào "Tuổi trẻ bảo vệ biên giới, biển đảo quê hương", góp phần bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và giữ gìn an ninh trật tự.

Nhiều thanh niên cũng tích cực tham gia nghiên cứu, đóng góp vào các sản phẩm công nghệ chiến lược, góp phần hiện đại hóa lực lượng Quân đội, Công an, phát triển công nghệ lưỡng dụng; chủ động, tích cực tham gia xây dựng các trường nội trú liên cấp ở các xã biên giới, khắc phục hậu quả thiên tai.

Các sáng kiến sử dụng năng lượng tái tạo, mô hình kinh tế tuần hoàn do thanh niên khởi xướng dần được nhân rộng, góp phần xây dựng môi trường sống bền vững.

Thứ tư, thanh niên chủ động hội nhập quốc tế sâu rộng, tham gia và đóng góp tích cực vào nhiều diễn đàn, hội nghị quốc tế quan trọng. Thanh niên đã tham gia các chương trình giao lưu, hợp tác học thuật và trao đổi văn hóa toàn cầu hằng năm, qua đó xây dựng tình hữu nghị bền vững với bạn bè các nước. Bản lĩnh và trí tuệ Việt Nam tiếp tục tỏa sáng thông qua những thành tích xuất sắc tại các kỳ thi Olympic, cuộc thi đổi mới sáng tạo, công nghệ cao, các sân chơi nghệ thuật và giải đấu thể thao quốc tế.

Bên cạnh những kết quả đạt được, Thủ tướng nêu rõ, vẫn còn một số khó khăn, hạn chế cần nghiêm túc nhìn nhận, đánh giá như: Một bộ phận thanh niên chưa xác định được lý tưởng sống đúng đắn, đặc biệt là trách nhiệm trước tương lai dân tộc, tương lai đất nước, khát vọng cống hiến cho quá trình phát triển của xã hội, của đất nước. Cùng với đó là xu thế lạm

dụng và phụ thuộc quá mức vào mạng xã hội và tới đây, nếu không cẩn thận thì có thể sẽ là xu thế lạm dụng, phụ thuộc quá mức vào trí tuệ nhân tạo.

Một vấn đề khác là trình độ, kỹ năng chưa đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao và sự chuyển dịch mạnh mẽ của cơ cấu thị trường lao động khi một số ngành sẽ không còn nữa và rất nhiều ngành mới xuất hiện. Bên cạnh đó, cơ chế, chính sách hỗ trợ thanh niên học tập, nghiên cứu khoa học - công nghệ, khởi nghiệp chưa có sự đột phá; nguồn lực huy động, bố trí cho các nhiệm vụ phát triển thanh niên còn hạn chế; một số nơi chưa quan tâm chỉ đạo đúng mức, chưa có hành động thiết thực để phát triển thanh niên...

Có cơ chế, chính sách để đáp ứng được nhu cầu nhà ở cho thế hệ trẻ

Người đứng đầu Chính phủ nhấn mạnh, bước vào giai đoạn phát triển mới, tình hình quốc tế và khu vực có nhiều diễn biến mới, nhanh, phức tạp, khó lường, vượt dự báo, Việt Nam đang đổi mới mạnh mẽ mô hình phát triển đất nước, cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển dịch từ chiều rộng sang chiều sâu, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Yêu cầu thu hẹp khoảng cách công nghệ so với các quốc gia tiên tiến cùng sự biến động không ngừng của thị trường lao động đang đặt ra sự cần thiết, cấp bách phải xây dựng và phát triển một nguồn nhân lực chất lượng cao, có tư duy đột phá, kỹ năng toàn diện và khả năng thích ứng linh hoạt.

Trong bối cảnh đó, **Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Bộ Nội vụ** chủ trì thực hiện hiệu quả Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam đến năm 2030; Kết luận số 62-KL/TW ngày 29/6/2026 của Ban Bí thư về nâng cao năng suất lao động quốc gia gắn với phát triển thị trường lao động đồng bộ, hiện đại, hiệu quả và Thông báo số 123-KL/TW ngày 16/7/2026 của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước về tạo việc làm bền vững ở nông thôn, đô thị, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đào tạo nguồn nhân lực trong giai đoạn mới.

Nâng cao hơn nữa chất lượng công tác theo dõi, dự báo nhu cầu nhân lực và thị trường lao động; tăng cường kết nối cung - cầu lao động, nhất là các ngành, nghề mới và các lĩnh vực có nhu cầu nhân lực lớn; phát triển các hình thức tư vấn, giới thiệu việc làm và kết nối tuyển dụng trên nền tảng số.

Rà soát cơ chế, chính sách hiện hành về giải quyết việc làm và phát triển năng lực nghề nghiệp cho thanh niên để đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, báo cáo cấp có thẩm quyền trong Quý I/2027.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án tái cấu trúc các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia giai đoạn 2026 - 2035, danh mục công nghệ, sản phẩm chiến lược. Thúc đẩy đặt hàng các nhiệm vụ nghiên cứu gắn với nhu cầu của người dân, doanh nghiệp và xã hội, tạo điều kiện để các nhà khoa học, kỹ sư trẻ có năng lực được thử sức, đề xuất, tham gia, chủ trì và trưởng thành qua nhiệm vụ thực tiễn theo các cơ chế hỗ trợ quy định tại Nghị định số 263/2025/NĐ-CP của Chính phủ. Nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách phát triển mạnh mẽ nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao trong các

lĩnh vực mới như: trí tuệ nhân tạo, hàng không vũ trụ, năng lượng nguyên tử...; hoàn thành trong Quý IV/2026.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED), Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (NATIF) và các chương trình hỗ trợ nghiên cứu, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo hướng tới mục tiêu hỗ trợ, bồi dưỡng các nhà khoa học trẻ, phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Bộ mời các doanh nghiệp, nhà khoa học tham gia các thiết chế, hạ tầng dùng chung mà Nhà nước đã đầu tư.

Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các Bộ, cơ quan, địa phương thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa liên kết 03 Nhà: Nhà nước - Viện, trường - Doanh nghiệp nhằm tăng cường hợp tác, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu.

Bộ Tài chính nghiên cứu, hoàn thiện các cơ chế, chính sách để khơi thông, đa dạng hóa nguồn vốn cho thanh niên khởi nghiệp, doanh nghiệp trẻ và doanh nghiệp đổi mới sáng tạo; trong đó chú trọng huy động nguồn lực xã hội và lồng ghép, sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhà nước để thực hiện các chương trình, đề án hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và tạo việc làm.

Triển khai hiệu quả Luật Doanh nghiệp nhỏ và vừa sau khi được Quốc hội thông qua, trong đó quan tâm đối tượng doanh nghiệp do thanh niên làm chủ; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, giảm mạnh chi phí thành lập và vận hành doanh nghiệp, tạo thuận lợi để doanh nghiệp trẻ, dự án khởi nghiệp tiếp cận vốn và các chương trình hỗ trợ.

Bộ Giáo dục và Đào tạo tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục – đào tạo, trong đó chú trọng phát triển năng lực tư duy, đổi mới sáng tạo, thực hành, ngoại ngữ, kỹ năng số và năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn, có trách nhiệm.

Tăng cường hướng nghiệp, phân luồng và gắn kết cơ sở giáo dục với doanh nghiệp, thị trường lao động; thúc đẩy đào tạo theo nhu cầu xã hội. Khuyến khích các cơ sở giáo dục hình thành không gian sáng tạo, phòng thí nghiệm, trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp và kết nối chuyên gia, doanh nghiệp.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì rà soát, đề xuất tháo gỡ các khó khăn trong phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn để mở rộng cơ hội cho thanh niên khởi nghiệp, sản xuất, kinh doanh tại nông thôn, làm giàu trên chính quê hương mình. Chú ý tạo điều kiện cho sự tham gia của thế hệ trẻ, các doanh nghiệp trẻ trong hướng dẫn triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia. Đẩy mạnh đào tạo nâng cao chất lượng lao động ngành nông nghiệp; chú trọng hỗ trợ và tạo cơ hội cho người học (nhất là thanh niên) được thực hiện, áp dụng kiến thức vào sản xuất, kinh doanh.

Bộ Công Thương tăng cường các chương trình đào tạo, tư vấn cho doanh nghiệp do thanh niên làm chủ về vươn ra thị trường quốc tế, xây dựng thương hiệu, bảo hộ sở hữu trí tuệ; tăng

cường phổ biến pháp luật, hỗ trợ thông tin cho doanh nghiệp trẻ về tiêu chuẩn, quy định, xu hướng thị trường trong nước và quốc tế.

Tăng cường xúc tiến thương mại, kết nối cung – cầu, phát triển thương mại điện tử; trong đó quan tâm các sản phẩm khởi nghiệp, sản phẩm đổi mới sáng tạo, sản phẩm OCOP và sản phẩm của các doanh nghiệp do thanh niên làm chủ. Phát huy vai trò của hệ thống Thương vụ trong hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi cho các doanh nghiệp trẻ Việt Nam. Cung cấp thông tin thường xuyên cho Trung ương Đoàn, Hội Liên hiệp thanh niên và các doanh nghiệp trẻ.

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo, đôn đốc các ngân hàng thương mại triển khai thực chất, hiệu quả Chương trình tín dụng hỗ trợ cho vay mua nhà ở xã hội đối với người trẻ theo Nghị quyết số 33/NQ-CP ngày 11/03/2023 của Chính phủ. Khẩn trương hoàn thiện đề án để có cơ chế chính sách, phù hợp, kể cả tái cấp vốn cho các tổ chức tín dụng và Ngân hàng Chính sách để cho vay thuê nhà dài hạn.

Thủ tướng cho biết, Chính phủ đang trình Quốc hội Luật Nhà ở (sửa đổi) và Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi); sẽ có những giải pháp, cơ chế, chính sách hỗ trợ, trong đó hỗ trợ người trẻ thuê nhà, mua nhà với chi phí phù hợp mà không mất quá nhiều nguồn lực.

Cùng với đó, Ngân hàng Nhà nước đẩy mạnh triển khai các giải pháp nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh và doanh nghiệp khởi nghiệp do thanh niên làm chủ tiếp cận nguồn vốn tín dụng; tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình tín dụng chính sách cho học sinh, sinh viên.

Với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Thủ tướng đề nghị xây dựng môi trường thuận lợi để thanh niên khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và tạo việc làm. Chủ động lựa chọn các vấn đề phát triển của địa phương để đặt hàng thanh niên, trí thức trẻ, doanh nghiệp trẻ tham gia giải quyết.

Tăng cường hỗ trợ thanh niên nông thôn, thanh niên dân tộc thiểu số, thanh niên có hoàn cảnh khó khăn tiếp cận đào tạo nghề, việc làm, vốn, công nghệ và thị trường; nhân rộng các mô hình hiệu quả, tạo sinh kế và việc làm bền vững tại địa phương. Tạo điều kiện cho các bạn trẻ, doanh nghiệp trẻ tham gia triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia.

Thủ tướng Chính phủ đề nghị Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tiếp tục phát huy mạnh mẽ vai trò đại diện, đồng hành với thanh niên; chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của thanh niên. Trung ương Đoàn, Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam tích cực tham gia đóng góp ý kiến, cũng như tổng hợp ý kiến của thanh niên, các doanh nghiệp trẻ tham gia xây dựng, hoạch định chính sách.

Chủ động phối hợp cùng Bộ Khoa học Công nghệ đăng ký các sản phẩm công nghệ chiến lược trên một số lĩnh vực cụ thể. Tích cực đóng góp ý kiến trong quá trình Quốc hội thảo luận dự án Luật Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa, cũng như trong xây dựng các văn bản hướng dẫn; phối hợp cùng VCCI trong tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý các kiến nghị cũng như hỗ trợ các doanh nghiệp trẻ.

Kết nối thanh niên với các nhà khoa học, doanh nghiệp, nhà đầu tư, cơ sở đào tạo và thị trường; hỗ trợ hình thành mạng lưới thanh niên đổi mới sáng tạo, doanh nhân trẻ, trí thức trẻ và thanh niên nông thôn làm kinh tế giỏi.

Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức các phong trào, chương trình để đoàn kết, tập hợp, khuyến khích thanh niên tiên phong trong học tập, khởi nghiệp, làm chủ khoa học - công nghệ, phát triển kinh tế tư nhân.

Nguồn: baochinhphu.vn

THÚC ĐẨY LIÊN KẾT "3 NHÀ", GẮN NGHIÊN CỨU VỚI THỰC TIỄN ĐỂ PHÁT TRIỂN HỆ SINH THÁI ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Sáng ngày 14/10/2026, tại trụ sở Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng chủ trì cuộc họp với các bộ, cơ quan về phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia.

Phát biểu tại cuộc họp, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng cho biết, thời gian qua, Việt Nam đã nỗ lực hoàn thiện thể chế, ban hành nhiều chủ trương, chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo; hệ sinh thái đổi mới sáng tạo từng bước hình thành và phát huy hiệu quả.

Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn nhiều vướng mắc về cơ chế, chính sách, hoạt động của các quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, cũng như khả năng huy động nguồn lực xã hội. Các tổ chức trung gian còn hạn chế, liên kết giữa viện nghiên cứu, trường đại học và doanh nghiệp chưa hiệu quả trong việc tạo ra sản phẩm mới. Phó Thủ tướng đề nghị các đại biểu tập trung đánh giá những kết quả đạt được, làm rõ các điểm nghẽn, nguyên nhân và trách nhiệm; đồng thời đề xuất giải pháp tháo gỡ, thúc đẩy phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia.

Hệ sinh thái đổi mới sáng tạo Việt Nam tăng 5 bậc trong 5 năm (202 2- 2026)

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia được đánh giá thông qua Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) và các đối tác công bố hằng năm.

Theo GII 2026, Việt Nam xếp thứ 43/139 quốc gia, tăng 1 bậc so với năm 2025; đứng thứ 3 ASEAN.

Đáng chú ý, chỉ số đầu ra đổi mới sáng tạo của Việt Nam tăng 2 bậc, từ vị trí 37 lên 35. WIPO tiếp tục ghi nhận Việt Nam là một trong 7 quốc gia có thu nhập trung bình cải thiện thứ hạng nhanh nhất kể từ năm 2013, đồng thời thuộc nhóm 3 quốc gia có thành tích đổi mới sáng tạo vượt trội so với mức độ phát triển. Trong 16 năm liên tiếp, Việt Nam duy trì kết quả đổi mới sáng tạo cao hơn mức độ phát triển, cho thấy hiệu quả trong chuyển hóa nguồn lực đầu vào thành kết quả đầu ra.

Giai đoạn 2022 - 2026, thứ hạng GII của Việt Nam tăng 5 bậc, từ 48 lên 43. Trong đó, đầu vào đổi mới sáng tạo tăng 5 bậc, từ vị trí 59 lên 54, dù giảm 4 bậc so với năm 2025; đầu ra đổi mới sáng tạo cải thiện liên tục, từ vị trí 41 lên 35.

Về các trụ cột đổi mới sáng tạo, Việt Nam có thế mạnh về thương mại, quy mô thị trường, xuất khẩu công nghệ cao, hàng hóa sáng tạo và ứng dụng công nghệ số. Hạ tầng số, hạ tầng kinh tế và khả năng tiếp cận tín dụng cũng có những tiến bộ đáng ghi nhận. Đặc biệt, thứ hạng nhóm sản phẩm tri thức và công nghệ tăng từ 44 năm 2024 lên 39 năm 2025 và 35 năm 2026, phản ánh sự cải thiện trong tạo ra và khai thác các kết quả tri thức, công nghệ.

Tuy nhiên, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo vẫn còn những hạn chế về chất lượng thể chế và hiệu quả thực thi chính sách; đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D); nguồn nhân lực chất lượng cao; đầu tư mạo hiểm; năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ và sáng tạo tri thức mới. Mặc dù liên kết giữa các chủ thể đổi mới sáng tạo được cải thiện, khả năng chuyển hóa tri thức, công nghệ từ bên ngoài thành năng lực nội sinh của doanh nghiệp vẫn là thách thức lớn.

Bên cạnh đó, dù có lợi thế về quy mô thị trường, độ mở thương mại và khả năng tiếp cận tín dụng, Việt Nam vẫn hạn chế trong huy động vốn đầu tư dài hạn cho doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và doanh nghiệp tăng trưởng nhanh. Hạ tầng số, hạ tầng kinh tế có tiến bộ, song tính bền vững sinh thái và tỉ trọng năng lượng phát thải carbon thấp còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng thu hút đầu tư.

Rà soát thể chế, phát triển đồng bộ hệ sinh thái ĐMST

Kết luận cuộc họp, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng nhấn mạnh về yêu cầu đưa đổi mới sáng tạo thực sự trở thành phương thức phát triển, động lực tăng trưởng của toàn bộ nền kinh tế, tạo ra năng suất, giá trị gia tăng, sản phẩm, ngành nghề và thị trường mới.

Theo Phó Thủ tướng Chính phủ, đổi mới sáng tạo phải góp phần nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, chất lượng dịch vụ công; giúp doanh nghiệp làm chủ công nghệ, giảm chi phí, nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Qua đó, tạo thêm việc làm, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của người dân.

Theo đó, trong thời gian tới, cần phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia theo hướng đồng bộ, thực chất, hiệu quả; lấy doanh nghiệp làm trung tâm, thương mại hóa công nghệ và phát triển doanh nghiệp đổi mới sáng tạo làm khâu đột phá; lấy năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh và kết quả đóng góp vào tăng trưởng kinh tế làm thước đo.

Trên cơ sở các nhiệm vụ được giao, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng giao Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Môi trường cùng các bộ, ngành liên quan khẩn trương rà soát tổng thể, nhận diện đầy đủ những vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách để đề xuất giải pháp tháo gỡ. Việc hoàn thiện thể chế phải tạo đột phá mạnh mẽ, hình thành môi trường thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Phó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu đánh giá tổng thể hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, xác định rõ vai trò, chức năng và cơ chế liên kết giữa các chủ thể; đồng thời đề xuất định hướng phát triển giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Cùng với đó, phát triển mạng lưới trung tâm đổi mới sáng tạo và các tổ chức trung gian gắn với lợi thế của từng ngành, lĩnh vực, địa phương. Quá trình triển khai không chạy theo số lượng

mà phải chú trọng chất lượng, hiệu quả hoạt động và khả năng kết nối giữa các chủ thể trong hệ sinh thái.

Gắn nghiên cứu với doanh nghiệp, đẩy mạnh thương mại hóa công nghệ

Nhấn mạnh yêu cầu đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, Phó Thủ tướng Chính phủ đề nghị khẩn trương xây dựng, ban hành hướng dẫn để hình thành và đưa vào hoạt động hiệu quả các quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Các bộ, ngành, địa phương cần sớm hoàn thành việc thành lập, đồng thời phát huy hiệu quả hoạt động của các quỹ, tạo điều kiện huy động và sử dụng nguồn lực cho nghiên cứu, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Phó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu đổi mới hoạt động nghiên cứu theo nhu cầu thực tiễn, lấy doanh nghiệp làm đối tác và gắn nhiệm vụ nghiên cứu với khả năng ứng dụng, thương mại hóa. Mục tiêu đặt ra đến năm 2030, ít nhất 50% đề tài nghiên cứu phải gắn với doanh nghiệp, tạo ra sản phẩm và kết quả đầu ra cụ thể.

Cùng với đó, cần nghiên cứu cơ chế đặt hàng nghiên cứu, phát triển sản phẩm công nghệ; xây dựng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo có tiềm năng tăng trưởng nhanh, nâng cao năng lực làm chủ công nghệ. Chú trọng hình thành các doanh nghiệp có quy mô, đủ năng lực tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; tăng cường thu hút chuyên gia, nhân lực chất lượng cao và đẩy mạnh hợp tác với các tập đoàn công nghệ, trung tâm đổi mới sáng tạo quốc tế.

Phó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu nghiên cứu đổi mới hoạt động nghiên cứu theo nhu cầu thực tiễn, gắn với doanh nghiệp, tăng cường liên kết 3 nhà (Nhà nước - nhà khoa học - doanh nghiệp) ngay từ khâu xác định nhiệm vụ nghiên cứu, thử nghiệm đến thương mại hóa, nâng cao chất lượng khả năng ứng dụng.

Các bộ, ngành được giao chủ trì những chỉ số thành phần của Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu cần chủ động phối hợp, xác định rõ nhiệm vụ và giải pháp cải thiện từng chỉ số. Các địa phương tiếp tục triển khai hiệu quả các giải pháp nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), gắn kết quả đánh giá với yêu cầu nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.

Nguồn: baochinhphu.vn

NGÀY CÔNG DÂN SỐ VIỆT NAM LẦN ĐẦU ĐƯỢC TỔ CHỨC VÀO 15/10

Ngày 15/10, Ngày Công dân số Việt Nam lần đầu tiên được tổ chức theo nghị quyết của Chính phủ về phát triển công dân số. Đây là dấu mốc nhằm thúc đẩy người dân chủ động tham gia môi trường số, đưa các tiện ích công nghệ vào đời sống hằng ngày.

Ngày Công dân số Việt Nam ra đời trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia được thúc đẩy mạnh mẽ với yêu cầu kết nối dữ liệu, mở rộng các nền tảng phục vụ người dân. Bên cạnh quyết định tổ chức ngày Công dân số, Nghị quyết còn xác lập khuôn khổ chính sách về phát triển

công dân số, quy định các nguyên tắc thực hiện, quyền và trách nhiệm của công dân, chính sách khuyến khích của Nhà nước, phát triển ứng dụng định danh quốc gia và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ số.

Nhà nước có nhiều chính sách khuyến khích người dân sử dụng tài khoản định danh điện tử, tích hợp giấy tờ thiết yếu trên VNeID, chủ động cập nhật và xác thực thông tin, sử dụng dịch vụ công trực tuyến theo quy định. Xa hơn, chính sách hướng tới nâng cao năng lực số, mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu, củng cố niềm tin vào môi trường số và tạo điều kiện để người dân tham gia sâu hơn vào các hoạt động kinh tế, xã hội.

Một điều kiện quan trọng khác để hình thành các công dân số là thu hẹp khoảng cách số. Chuyển đổi số chỉ thực sự bao trùm khi người cao tuổi, người khuyết tật, người dân ở vùng sâu, vùng xa và những người hạn chế về kỹ năng hoặc điều kiện tiếp cận công nghệ không bị bỏ lại phía sau. Phát triển công dân số phải đi cùng với hỗ trợ kỹ năng, thiết bị, kết nối và các phương thức phục vụ phù hợp với từng nhóm dân cư.

Theo thông tin được cung cấp, hiện hơn 80% dân số Việt Nam sử dụng điện thoại thông minh và hơn 87% dân số sử dụng internet. Đây là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy người dân tham gia môi trường số, nâng cao khả năng tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số trong đời sống.

Nguồn: vtv.vn

8 QUY TẮC GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THUẾ

Cục Thuế (Bộ Tài Chính) vừa ban hành Quyết định số 1361/QĐ-CT về Quy tắc giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, nhằm nâng cao chất lượng phục vụ người nộp thuế, bảo đảm thủ tục được giải quyết đúng pháp luật, nhanh chóng, minh bạch và thuận tiện.

Theo Quyết định, quy định mới xác lập các chuẩn mực nội bộ áp dụng tại cơ quan thuế các cấp trong tổ chức thực hiện và giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực thuế. Quy định không thay thế, không làm thay đổi thành phần hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục, thời hạn, quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế hoặc thẩm quyền của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Quy tắc hướng tới lấy kết quả giải quyết công việc, sự thuận lợi và hài lòng của người nộp thuế làm thước đo chất lượng phục vụ. Trong đó, cơ quan thuế phải hướng dẫn người nộp thuế đúng ngay từ đầu, giảm thời gian, chi phí tuân thủ và công sức thực hiện nghĩa vụ thuế; hạn chế yêu cầu bổ sung, cung cấp lại thông tin hoặc thực hiện lại những nội dung không cần thiết.

Quy định ban hành 8 quy tắc cốt lõi gồm: “Giao tiếp đúng mực”; “Hướng dẫn đúng ngay”; “Có dữ liệu – chủ động khai thác”; “Linh hoạt – không tùy tiện”; “Đủ điều kiện – không chờ đến hạn”; “Vướng phải báo – vượt phải trình – đúng thẩm quyền phải xử lý”; “Giải quyết đến cùng”; “Minh bạch – liêm chính – kiểm soát chặt – xử lý nghiêm”.

Theo đó, trong giao tiếp với người nộp thuế, công chức thuế phải thể hiện thái độ tôn trọng, bình tĩnh, lắng nghe, sử dụng ngôn ngữ rõ ràng, dễ hiểu và chủ động hỗ trợ. Công chức không được thiếu tôn trọng, gây áp lực, ngắt lời, trả lời qua loa hoặc hướng người nộp thuế sang nơi khác mà không giải thích rõ lý do.

Với quy tắc "Hướng dẫn đúng ngay", cơ quan thuế phải xác định đúng thủ tục và nhu cầu của người nộp thuế; kiểm tra hồ sơ, dữ liệu liên quan trước khi yêu cầu bổ sung; hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng về nội dung cần thực hiện, căn cứ và các bước tiếp theo. Việc hướng dẫn phải hạn chế tối đa tình trạng người nộp thuế phải sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc liên hệ nhiều lần do hướng dẫn chưa đầy đủ, chưa rõ ràng hoặc thiếu thống nhất.

Quy định cũng yêu cầu cơ quan thuế chủ động khai thác, sử dụng dữ liệu đã có và được phép khai thác để phục vụ giải quyết thủ tục hành chính. Công chức không được yêu cầu người nộp thuế cung cấp lại thông tin mà cơ quan thuế hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã có và được phép sử dụng, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Khi dữ liệu không khớp, cơ quan thuế phải kiểm tra nguyên nhân, phân biệt lỗi của người nộp thuế với lỗi dữ liệu, hệ thống hoặc quy trình xử lý.

Đối với việc tổ chức giải quyết thủ tục, quy tắc "Linh hoạt – không tùy tiện" yêu cầu công chức tuân thủ pháp luật nhưng không áp dụng máy móc khi pháp luật cho phép nhiều phương thức thực hiện. Cơ quan thuế cần chủ động lựa chọn cách thức hướng dẫn, phối hợp và xử lý thuận lợi cho người nộp thuế, đồng thời bảo đảm khách quan, công bằng, thống nhất, không tự ý đặt ra điều kiện hoặc ngoại lệ không có căn cứ pháp lý.

Một nội dung đáng chú ý là yêu cầu xử lý hồ sơ ngay khi đủ điều kiện, không chờ đến thời hạn cuối cùng mới giải quyết. Công chức phải chủ động phối hợp để rút ngắn thời gian xử lý trong phạm vi pháp luật cho phép, theo dõi hồ sơ có nguy cơ chậm và kịp thời thông tin cho người nộp thuế khi phát sinh vấn đề ảnh hưởng đến tiến độ. Việc để hồ sơ tồn đọng do chờ phối hợp nội bộ hoặc chờ người nộp thuế nhắc nhở không phù hợp với quy tắc này.

Đối với các vướng mắc phát sinh, công chức phải chủ động xác định nguyên nhân, báo cáo kịp thời và trình người có thẩm quyền xem xét, quyết định khi vấn đề vượt thẩm quyền. Việc chuyển hồ sơ không đồng nghĩa với kết thúc trách nhiệm; công chức phải theo dõi, phối hợp đến khi có kết quả. Trách nhiệm giải quyết chỉ kết thúc khi công việc thuộc phạm vi trách nhiệm được xử lý đúng, đầy đủ và người nộp thuế nhận được kết quả rõ ràng.

Quy định đồng thời nhấn mạnh yêu cầu minh bạch, liêm chính và kiểm soát chặt chẽ quá trình giải quyết thủ tục hành chính. Công chức không được nhũng nhiễu, gây khó khăn, cố tình kéo dài thời gian, đặt ra yêu cầu không có căn cứ, gợi ý hoặc nhận lợi ích trái quy định, né tránh trách nhiệm hay gây áp lực đối với người nộp thuế khi họ thực hiện quyền hợp pháp.

Để tổ chức thực hiện, thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Cục Thuế có trách nhiệm niêm yết công khai 8 quy tắc tại trụ sở cơ quan thuế nơi giải quyết thủ tục hành chính; đồng thời tuyên truyền trên các kênh thông tin của ngành, phổ biến đến công chức và công khai các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, đánh giá của người nộp thuế.

Các kênh tiếp nhận gồm Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Cục Thuế, ứng dụng eTax Mobile, đường dây nóng của cơ quan thuế, Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ Tài chính.

Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời phát hiện và xử lý vi phạm. Công chức thuế phải nắm vững, thực hiện đầy đủ các quy tắc, đồng thời chủ động phối hợp, nhắc nhở và góp ý với đồng nghiệp trong quá trình thực hiện.

Kết quả thực hiện các quy tắc là một trong những tiêu chuẩn đánh giá, xếp loại và bình xét danh hiệu thi đua, khen thưởng hằng năm của tập thể, cá nhân. Tùy mức độ vi phạm, công chức có thể bị nhắc nhở, phê bình; trường hợp vi phạm nghiêm trọng sẽ bị xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật và của ngành thuế

Nguồn: vnanet.vn

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG ĐẠT KẾT QUẢ NỔI BẬT TRONG CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUÝ III/2026

Trong quý III năm 2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã triển khai quyết liệt công tác cải cách hành chính, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

Chỉ đạo điều hành và thực hiện nhiệm vụ: Bộ đã ban hành và triển khai Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 với 32 nhiệm vụ và 54 hoạt động. Tính đến ngày 14/9/2026, Bộ đã hoàn thành 19/32 nhiệm vụ, đạt tỷ lệ 59,38%. Đối với 425 nhiệm vụ được Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao có thời hạn, Bộ đã hoàn thành 205 nhiệm vụ (đạt 55,88%), số còn lại đang trong hạn xử lý và không có nhiệm vụ nào bị quá hạn.

Cải cách thể chế và Thủ tục hành chính: Bộ đã trình ban hành và tự ban hành 17 văn bản quy phạm pháp luật trong quý. Đồng thời, Bộ thực hiện tổng rà soát 933 văn bản còn hiệu lực, đề xuất sửa đổi, thay thế hoặc bãi bỏ 413 văn bản. Đặc biệt, Bộ đã phối hợp bãi bỏ 13/40 ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, đạt tỷ lệ cắt giảm 32,5%, vượt yêu cầu tối thiểu (30%) của Chính phủ. Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ đã xử lý tổng số 299.732 hồ sơ, ghi nhận tỷ lệ giải quyết và trả kết quả đúng hạn đạt tới 97,8%.

Cải cách tổ chức bộ máy và Chế độ công vụ: Điểm nhấn lớn nhất là Bộ đã phối hợp trình Chính phủ ban hành Nghị định số 355/2026/NĐ-CP ngày 11/9/2026 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức mới của Bộ. Ngay sau đó, Bộ đã thực hiện tinh gọn mạnh mẽ các đầu mối trực thuộc: Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam giảm 4,17% đơn vị; Cục Chăn nuôi và Thú y giảm từ 10,7% đến 20,6% các tổ chức trực thuộc Chi cục; Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam giảm đến 25% các tổ chức trực thuộc. Về công vụ, Bộ đã ban hành Quy chế bổ nhiệm, điều động, luân chuyển mới áp dụng cho công chức, viên chức lãnh đạo.

Cải cách tài chính công và Quản lý tài sản: Tính đến ngày 14/9/2026, Bộ đã giải ngân đầu tư công đạt 4.594 tỷ đồng (đạt 49,94% kế hoạch giao). Thực hiện phương án tiết kiệm chi, Bộ đã tạm giữ lại 10% dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026. Trong quản lý tài sản công, Bộ đã tiến hành rà soát thực chất và bàn giao 58 cơ sở nhà, đất dôi dư về cho các địa phương quản lý, xử lý.

Xây dựng Chính phủ điện tử, Chính phủ số: Bộ đã hoàn thành tái cấu trúc quy trình đối với 100% thủ tục hành chính (44/44 thủ tục) thuộc phạm vi Nghị quyết 66.7/2025/NQ-CP. Bộ triển khai cập nhật 25 cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hoàn thành kết nối 12/12 cơ sở dữ liệu quốc gia theo kế hoạch, đồng thời phối hợp tích hợp thành công Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá lên ứng dụng định danh điện tử VNeID.

Bước sang quý IV/2026, Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác định tiếp tục dồn lực hoàn thành các chỉ tiêu còn lại của năm. Các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm ban hành quyết định quy định chức năng cụ thể cho các đơn vị theo bộ máy mới, thúc đẩy tiến độ giải ngân đầu tư công và đẩy mạnh số hóa hồ sơ để xây dựng toàn diện mô hình Chính phủ số.

Nguồn: mae.gov.vn

BỘ XÂY DỰNG: ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TẠI CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Cục Hàng không Việt Nam vừa ban hành Quyết định 2437/QĐ-CHK về Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31/8/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030 tại Cục Hàng không Việt Nam.

Kế hoạch triển khai nhằm cụ thể hóa đầy đủ, kịp thời các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 258/NQ-CP thành các nhiệm vụ cụ thể thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Cục HKVN, góp phần thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030.

Đồng thời đảm bảo tiến độ, trách nhiệm chủ trì, phối hợp của các cơ quan, đơn vị thuộc Cục trong việc tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 258/NQ-CP.

Kế hoạch bám sát và thể hiện đầy đủ các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm tại Nghị quyết số 258/NQ-CP; vận dụng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tiễn; Xác định cải cách thủ tục hành chính là nhiệm vụ trọng tâm ưu tiên, thường xuyên, liên tục, gắn với trách nhiệm người đứng đầu; thực hiện thống nhất, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bao gồm cả thủ tục hành chính với người dân, doanh nghiệp và thủ tục hành chính nội bộ. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Cục trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm trước Cục trưởng về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch; Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp

thời hướng dẫn, giải quyết vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; đảm bảo tiến độ, hiệu quả thực hiện Nghị quyết.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2027: 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa, tái sử dụng dữ liệu (trừ trường hợp thực hiện theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước).

100% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước đủ điều kiện được thực hiện trên môi trường điện tử.

100% chế độ báo cáo của doanh nghiệp đủ điều kiện được thực hiện điện tử.

100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030: Công tác chỉ đạo, điều hành, đánh giá cải cách thủ tục hành chính được thực hiện dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, gắn với đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức.

Bảo đảm không phát sinh thêm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không cần thiết thuộc phạm vi quản lý trong lĩnh vực hàng không.

Đổi mới toàn diện cơ chế rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng dựa trên dữ liệu và quản lý theo vòng đời sự kiện của người dân, doanh nghiệp.

Số hóa, thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường số, bảo đảm nguyên tắc "người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần", tăng cường tái sử dụng dữ liệu và quản trị dựa trên dữ liệu, theo thời gian thực.

100% dịch vụ công được cung cấp chủ động khi đã đảm bảo điều kiện về dữ liệu và hạ tầng số.

100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được tiếp nhận, xử lý, công khai kết quả đúng thời hạn quy định.

Chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trong giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%.

Nguồn: moc.gov.vn

ĐÔN ĐỐC SỬ DỤNG NỀN TẢNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO HỖ TRỢ CÔNG VỤ

Cục Công nghiệp công nghệ thông tin (Bộ Khoa học và Công nghệ) vừa đề nghị các đơn vị đầu mối tại bộ, ngành, địa phương thông báo đầy đủ tài khoản nền tảng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công vụ đến từng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. Việc thông báo, đôn đốc sử dụng nền tảng phục vụ công việc hằng ngày phải hoàn thành trước ngày 20/10/2026.

Theo Cục nghiệp công nghệ thông tin, qua rà soát số liệu trên hệ thống theo dõi, các cơ quan, đơn vị cơ bản đã được cấp đầy đủ tài khoản theo danh sách gửi đăng ký. Tuy nhiên, đơn

vị đầu mối chưa thông báo đầy đủ đến từng người dùng về việc đã được cấp tài khoản, cùng thông tin đăng nhập, đường dẫn truy cập và tài liệu hướng dẫn sử dụng.

Trước đó, ngày 08/9/2026, Cục Công nghiệp công nghệ thông tin đã có Công văn đề nghị các đơn vị lập danh sách cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi triển khai để đăng ký tài khoản. Cục đã thông báo toàn bộ danh sách tài khoản được tạo và hướng dẫn sử dụng đến đơn vị đầu mối.

Để đưa nền tảng vào sử dụng, Cục Công nghiệp công nghệ thông tin đề nghị các đơn vị đầu mối thông báo ngay thông tin tài khoản đến từng người dùng thuộc phạm vi quản lý; đồng thời đôn đốc đăng nhập, sử dụng phục vụ công việc hằng ngày.

Hai nền tảng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ công vụ được đôn đốc sử dụng là Nền tảng AI luật, do Công ty Cổ phần MISA và Công ty Cổ phần Truyền thông luật Việt Nam (LuatVietnam.vn) phát triển, và Nền tảng Clex do Tập đoàn Công nghệ CMC phát triển. Hai nền tảng này đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức đánh giá và lựa chọn, đáp ứng yêu cầu triển khai trên phạm vi cả nước, trọng tâm phục vụ tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.

Bộ Khoa học và Công nghệ khuyến nghị các cơ quan, đơn vị ưu tiên sử dụng hai nền tảng này để hỗ trợ công tác rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Các nền tảng có khả năng hỗ trợ tra cứu, hệ thống hóa, xác định tình trạng hiệu lực của văn bản; so sánh, đối chiếu quy định và phát hiện dấu hiệu mâu thuẫn, chồng chéo, không thống nhất, giúp cán bộ rà soát, kiểm tra và xác minh kết quả.

Việc đôn đốc sử dụng nền tảng nhằm thực hiện các chỉ tiêu tại Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/6/2026 và Quyết định số 1671/QĐ-TTg ngày 28/8/2026. Trong đó, các chỉ tiêu được nêu gồm 100% cán bộ, công chức, viên chức có tài khoản và được đào tạo sử dụng nền tảng trợ lý AI công vụ; 100% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo trong công việc hằng tuần và 60% quyết định chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước được hỗ trợ bởi dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.

Công ty Cổ phần Truyền thông luật Việt Nam (LuatVietnam.vn) cho biết, hiện số lượng cán bộ, công chức đã cài đặt và đăng nhập sử dụng Nền tảng AI luật là 11.316 người trong tổng số 316.000 người được cấp tài khoản.

Nguồn: nhandan.vn

TIN ĐỊA PHƯƠNG

HÀ NỘI PHÊ DUYỆT BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

Ngày 12/10/2026, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Kế hoạch số 396/KH-UBND về điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính đối với các sở, cơ quan tương đương sở và Ủy ban nhân dân các xã, phường thuộc thành phố năm 2026.

Theo đó, thông qua điều tra xã hội học, thành phố hướng tới nâng cao nhận thức, trách nhiệm và sự tham gia của các ngành, các cấp, người dân trong công tác cải cách hành chính; đồng thời xác định điểm đánh giá kết quả cải cách hành chính thông qua kết quả điều tra, làm căn cứ cấu thành Chỉ số cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị.

Hoạt động này cũng nhằm thu thập thông tin, ý kiến đánh giá đồng bộ, khách quan, khoa học, toàn diện và phù hợp với điều kiện thực tế. Trên cơ sở đó, các cơ quan, đơn vị phát huy kết quả đạt được, khắc phục hạn chế, đề ra giải pháp phù hợp để tiếp tục nâng cao hiệu quả cải cách hành chính của thành phố và từng đơn vị.

Theo kế hoạch, đối với các sở, cơ quan tương đương sở, đối tượng điều tra xã hội học gồm đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; trưởng phòng, phó trưởng phòng thuộc Ủy ban nhân dân các xã, phường và người dân. Ý kiến của người dân được tích hợp từ kết quả đo lường Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan nhà nước (SIPAS) thuộc thành phố Hà Nội.

Đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường, đối tượng khảo sát gồm đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường; giám đốc, thủ trưởng các sở, cơ quan tương đương sở; trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố và người dân thông qua kết quả đo lường Chỉ số SIPAS.

Thời kỳ thu thập số liệu được tính từ ngày 01/01/2026 đến thời điểm điều tra, tập trung đánh giá kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính của các cơ quan, đơn vị trong năm 2026. Thời gian tổ chức điều tra xã hội học từ tháng 9 đến tháng 12-2026.

Nội dung phiếu khảo sát đối với cán bộ, công chức, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được xây dựng dựa trên các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định tại Quyết định số 5666/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố. Đối với nhóm đối tượng là người dân, nội dung phiếu được xây dựng theo các nội dung, yếu tố, tiêu chí quy định tại Quyết định số 5997/QĐ-UBND ngày 02/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Việc khảo sát cán bộ, công chức, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện trực tuyến, có định danh trên Hệ thống trực tuyến điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số cải cách hành chính của thành phố. Đối với người dân, kết quả điều tra được tích hợp từ khảo sát, đo lường Chỉ số SIPAS năm 2026.

Kết quả điều tra sẽ được xử lý, tổng hợp và tính điểm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định. Việc tổng hợp, tính toán được thực hiện tự động trên hệ thống phần mềm của thành phố.

Theo tiến độ triển khai, Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội xây dựng phương án khảo sát, điều tra và mẫu phiếu. Trong tháng 10/2026, Sở Nội vụ tổng hợp danh sách đối tượng khảo sát; tổ chức giám sát điều tra xã hội học và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị sử dụng hệ thống phục vụ công tác điều tra.

Đến tháng 01/2027, kết quả điều tra xã hội học xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2026 sẽ được tổng hợp trên hệ thống và cập nhật vào kết quả Chỉ số cải cách hành chính chung (PAR INDEX). Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế - xã hội Hà Nội có trách nhiệm xây dựng báo cáo nghiên cứu, phân tích kết quả điều tra năm 2026 và gửi Ủy ban nhân dân thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu thủ trưởng các đơn vị thuộc diện điều tra chỉ đạo, phối hợp tổ chức thực hiện nghiêm túc các phương án, kế hoạch đã được phê duyệt; bảo đảm chất lượng, tiến độ và tuân thủ các tiêu chí đánh giá. Việc triển khai phải đáp ứng yêu cầu tại Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 22/5/2026, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách hành chính của từng cơ quan, đơn vị và toàn thành phố.

Nguồn: hanoimoi.vn

SƠN LA: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, TẠO THUẬN LỢI CHO DOANH NGHIỆP

Năm 2025, Sở Công Thương (tỉnh Sơn La) là một trong 3 sở, ngành của tỉnh được vinh danh với nhiều sáng kiến cải thiện chất lượng phục vụ, đồng hành cùng doanh nghiệp. Phát huy kết quả đạt được, Sở tiếp tục rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đẩy mạnh giải quyết hồ sơ trên môi trường điện tử, từng bước đổi mới phương thức quản lý, hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp thuận tiện và hiệu quả hơn.

Ngay từ đầu năm, Sở đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố 115 thủ tục hành chính mới ban hành, 202 thủ tục được sửa đổi, bổ sung và thay thế, 141 thủ tục bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực Công Thương. Duy trì các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị để nắm bắt khó khăn, vướng mắc về thủ tục hành chính, kịp thời đề xuất giải pháp tháo gỡ cho tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh đơn giản hóa thành phần hồ sơ, quy trình giải quyết và các khâu trung gian không còn phù hợp, tạo thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Cùng với đó, Sở đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục; tiếp nhận hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến và trả kết quả điện tử. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành về doanh nghiệp, sản xuất công nghiệp, thị trường, năng lượng và thương mại cũng được chú trọng xây dựng, kết nối, chia sẻ với các cơ quan liên quan. Qua đó, cơ quan chuyên môn có điều kiện khai thác thông tin phục vụ công tác quản lý, đồng thời từng bước hạn chế yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại những dữ liệu đã có trên hệ thống.

Để quá trình giải quyết hồ sơ thông suốt, Sở tăng cường phối hợp giữa bộ phận tiếp nhận và các phòng chuyên môn; thường xuyên theo dõi tiến độ, kịp thời hướng dẫn bổ sung hồ sơ khi cần thiết và xử lý những vướng mắc phát sinh. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông gắn với nâng cao trách nhiệm của công chức giúp bảo đảm hồ sơ được xử lý theo đúng quy trình, thời hạn. Đội ngũ cán bộ chủ động cập nhật quy định chuyên ngành, nâng cao kỹ năng số và hướng dẫn người dân, doanh nghiệp tiếp cận phương thức thực hiện thủ tục trên môi trường điện tử.

9 tháng năm 2026, Sở Công Thương tiếp nhận 1.390 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó, 1.372 hồ sơ được giải quyết đúng hạn, đạt khoảng 98,7%; các hồ sơ còn lại đang trong thời gian xử lý. Toàn bộ hồ sơ được thực hiện trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến. Kết quả này phản ánh nỗ lực duy trì tiến độ giải quyết thủ tục, đồng thời đặt ra yêu cầu tiếp tục nâng cao chất lượng xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử.

Cải cách hành chính tại Sở Công Thương đang từng bước chuyển từ hoàn thiện quy trình sang nâng cao hiệu quả phục vụ, với nỗ lực cao nhất để giải quyết hồ sơ đúng hạn, đẩy mạnh khai thác dữ liệu và giảm những giấy tờ không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh, thúc đẩy phát triển chung của tỉnh.

Nguồn: baosonla.vn

CAO BẰNG: NÂNG CAO HIỆU QUẢ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH QUA CÔNG TÁC KIỂM TRA

Cải cách hành chính chỉ thực sự đi vào chiều sâu khi từng nhiệm vụ được triển khai đúng tiến độ, đúng yêu cầu và mang lại hiệu quả thiết thực trong hoạt động của cơ quan Nhà nước, nhất là phục vụ người dân, doanh nghiệp. Vì vậy, kiểm tra cải cách hành chính không đơn thuần là việc đánh giá kết quả, mà còn là dịp để các cơ quan, đơn vị nhìn lại quá trình tổ chức thực hiện, nhận diện những điểm còn hạn chế, kịp thời điều chỉnh và nâng cao chất lượng phục vụ.

Năm 2026, công tác kiểm tra cải cách hành chính được tỉnh chú trọng gắn với kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính và văn hóa công vụ. Qua kiểm tra tại các xã, sở, ngành cho thấy, bên cạnh những kết quả tích cực, vẫn còn những nội dung cần tiếp tục khắc phục, nhất là trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ, giải quyết thủ tục hành chính, số hóa hồ sơ, dịch vụ công trực tuyến và trách nhiệm của người đứng đầu.

Tại xã Trường Hà, qua kiểm tra của Đoàn kiểm tra cải cách hành chính và thực hiện công vụ tỉnh, những kết quả đạt được trong giải quyết thủ tục hành chính cho thấy địa phương đã có nhiều cố gắng trong đổi mới phương thức phục vụ người dân. Từ ngày 15/12/2025 đến thời điểm kiểm tra, trên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, xã tiếp nhận 2.262 hồ sơ, trong đó, 84 hồ sơ thực hiện trực tiếp, 1.613 hồ sơ dịch vụ công trực tuyến một phần, 565 hồ sơ dịch vụ công trực tuyến toàn trình. Có 2.249 hồ sơ được giải quyết trước hạn và đúng hạn; 4 hồ sơ quá hạn do lỗi

hệ thống; 9 hồ sơ đang giải quyết. Đáng chú ý, 100% thành phần hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa; 1.971/1.971 hồ sơ được thực hiện thanh toán trực tuyến.

Hệ thống quản lý văn bản, chữ ký số được khai thác thường xuyên; cán bộ, công chức được cấp chứng thư số chuyên dùng; Tổ chuyển đổi số cộng đồng duy trì việc hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số. Kỷ luật, kỷ cương hành chính được duy trì, văn hóa công vụ từng bước gắn với tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ nhân dân.

Qua kiểm tra, đoàn công tác chỉ rõ một số nội dung xã Trường Hà chưa thực hiện đầy đủ, như: công khai thông tin theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin; chưa ban hành kế hoạch thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; chưa niêm yết đầy đủ thủ tục hành chính trên trang thông tin điện tử; một số nội dung liên quan đến ủy quyền và rà soát, thống kê, trình công bố danh mục, phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính chưa bảo đảm tiến độ. Những vấn đề được chỉ ra không chỉ là yêu cầu khắc phục đối với từng tồn tại cụ thể, mà còn giúp địa phương nhìn nhận lại cách thức tổ chức thực hiện cải cách hành chính. Từ việc xây dựng kế hoạch đến phân công nhiệm vụ, theo dõi tiến độ, cập nhật kết quả và tự kiểm tra, mỗi khâu đều cần được thực hiện thường xuyên, tránh tình trạng có kế hoạch nhưng thiếu đôn đốc, có nhiệm vụ nhưng chưa xác định rõ trách nhiệm và thời hạn hoàn thành.

Không chỉ ở cấp xã, công tác kiểm tra còn cho thấy yêu cầu nâng cao chất lượng cải cách hành chính tại các sở, ngành. Năm 2026, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch triển khai 47 nhiệm vụ cải cách hành chính, đến thời điểm kiểm tra hoàn thành 35 nhiệm vụ, đạt 74,5%. Trong giải quyết thủ tục hành chính, Sở tiếp nhận 144 hồ sơ, đã giải quyết 142 hồ sơ; 141 hồ sơ được giải quyết trước và đúng hạn, đạt 99,3%; 100% hồ sơ giải quyết được số hóa kết quả. Trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, Sở tiếp nhận 94 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 100%; dịch vụ công trực tuyến toàn trình đạt 71,3%, thanh toán trực tuyến đạt 56%.

Kết quả này cho thấy cải cách hành chính đã được gắn với việc xử lý công việc chuyên môn, ứng dụng công nghệ và xây dựng văn hóa công vụ. Tuy nhiên, tỷ lệ hoàn thành nhiệm vụ cải cách hành chính của Sở mới đạt 74,5% đặt ra yêu cầu phải rà soát kỹ những nhiệm vụ chưa hoàn thành, nhất là những nội dung có nguy cơ chậm tiến độ vào cuối năm.

Tại buổi kiểm tra, thay vì chỉ dừng ở việc ghi nhận kết quả, Đoàn công tác yêu cầu đơn vị làm rõ tiến độ, nguyên nhân và giải pháp đối với từng nhóm nhiệm vụ; cụ thể hóa các kiến nghị, đề xuất; đồng thời tăng cường tự kiểm tra, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các phòng, đơn vị. Đoàn lưu ý việc gắn kết quả cải cách hành chính với tiến độ, chất lượng công việc và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức; chú trọng xử lý, cập nhật, kết thúc văn bản trên hệ thống điện tử.

Như vậy, từ cấp xã đến sở, ngành, điểm chung được đặt ra qua các cuộc kiểm tra là cải cách hành chính phải được đo bằng kết quả cụ thể, không chỉ bằng số lượng kế hoạch, văn bản hay nhiệm vụ đã triển khai. Một hồ sơ được giải quyết đúng hạn, một thủ tục được công khai đầy đủ, một quy trình được số hóa, một văn bản được xử lý kịp thời trên môi trường điện tử hay một kiến nghị của người dân được giải quyết thỏa đáng đều là những thước đo trực tiếp về hiệu quả cải cách hành chính.

Từ những cuộc kiểm tra cho thấy, kiểm tra cải cách hành chính đang dần chuyển từ cách đánh giá nặng về hồ sơ sang tiếp cận thực chất hơn: kiểm tra để phát hiện, hướng dẫn để tháo gỡ, yêu cầu khắc phục để nâng cao hiệu quả. Đây cũng là cơ sở để các cơ quan, đơn vị chủ động tự kiểm tra, tự điều chỉnh thay vì chờ đến khi đoàn kiểm tra chỉ ra hạn chế.

Theo báo cáo đánh giá công tác cải cách hành chính 9 tháng năm 2026, toàn tỉnh đã hoàn thành 47/57 nhiệm vụ, đạt 82,45% kế hoạch; kiểm tra cải cách hành chính tại 7/14 cơ quan, đơn vị, đạt 50% kế hoạch. Tại cấp xã, tỷ lệ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn đạt 97,74%. Những kết quả này cho thấy cải cách hành chính đang có chuyển biến tích cực, song khối lượng nhiệm vụ trong những tháng cuối năm vẫn còn lớn, trong đó còn những vấn đề về hồ sơ quá hạn, hạ tầng và dữ liệu phục vụ chuyển đổi số, năng lực sử dụng dịch vụ công trực tuyến của một bộ phận người dân.

Để cải cách hành chính tiếp tục đi vào chiều sâu, sau mỗi cuộc kiểm tra, điều quan trọng nhất không phải là một báo cáo kết luận được hoàn thành, mà là những thay đổi cụ thể trong thực tế. Mỗi cơ quan, đơn vị cần coi kết quả kiểm tra là căn cứ để rà soát lại phương thức điều hành, phân công rõ người, rõ việc, rõ thời hạn; tăng cường tự kiểm tra, thường xuyên cập nhật tiến độ và chủ động khắc phục những điểm còn yếu. Cùng với đó là nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có tinh thần phục vụ và khả năng thích ứng với môi trường số.

Khi công tác kiểm tra thực sự trở thành một khâu của quá trình cải cách, những hạn chế được phát hiện kịp thời sẽ trở thành động lực để đổi mới cách làm. Từ đó, cải cách hành chính không chỉ dừng ở việc hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ theo kế hoạch, mà hướng tới mục tiêu cuối cùng là xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ ngày càng tốt hơn người dân và doanh nghiệp.

Nguồn: baocaobang.vn

PHÚ THỌ: 98,87% HỒ SƠ CẤP TỈNH ĐƯỢC GIẢI QUYẾT ĐÚNG VÀ TRƯỚC HẠN

Thời gian qua, công tác cải cách thủ tục hành chính tại Phú Thọ tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp, hướng tới xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, hiện đại, công khai, minh bạch.

Trong quý III/2026, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 81 quyết định công bố danh mục thủ tục hành chính và thủ tục hành chính nội bộ; công khai 707 thủ tục hành chính, gồm 81 thủ tục ban hành mới, 445 thủ tục sửa đổi, bổ sung và 181 thủ tục bãi bỏ. Hiện nay, toàn tỉnh có 2.021 thủ tục hành chính đang áp dụng, trong đó 1.594 thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết cấp tỉnh và 427 thủ tục thuộc cấp xã.

Cơ chế "Luồng xanh 24 giờ" phát huy hiệu quả với 507/507 hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn, đạt 100%. Đối với "Luồng xanh 50%", đã giải quyết đúng và trước hạn 33/37 hồ sơ, đạt 89,18%; 4/37 hồ sơ đang giải quyết, chiếm 10,82%...

Việc triển khai Đề án 06 tiếp tục đạt kết quả tích cực. Trong quý III/2026, toàn tỉnh tiếp nhận 567.781 hồ sơ thuộc nhóm dịch vụ công trực tuyến thiết yếu, trong đó 537.566 hồ sơ được tiếp nhận qua dịch vụ công, đạt 94,69%. Nhiều thủ tục như đăng ký hộ tịch, cấp hộ chiếu phổ thông, đăng ký xe mô tô, xe gắn máy và cấp điện mới được thực hiện trực tuyến với tỷ lệ đạt 100%.

Nguồn: baophutho.vn

THUẾ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG TRIỂN KHAI ĐỢT CAO ĐIỂM HỖ TRỢ NGƯỜI NỘP THUẾ CÀI ĐẶT ETAX MOBILE, NỘP THUẾ ĐIỆN TỬ

Vừa qua, Thuế thành phố Hải Phòng đồng loạt triển khai đợt cao điểm hỗ trợ người nộp thuế cài đặt, sử dụng ứng dụng eTax Mobile, nộp thuế điện tử và thực hiện nghĩa vụ thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trên địa bàn toàn thành phố.

Theo Thuế thành phố Hải Phòng, hoạt động được triển khai tại 14/14 Thuế cơ sở, với sự phối hợp của Đoàn Thanh niên Thuế thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu, Đoàn Thanh niên địa phương và các lực lượng tại cơ sở.

Đợt cao điểm nhằm đưa công tác hỗ trợ người nộp thuế đến gần hơn với người dân, tạo thuận lợi trong thực hiện nghĩa vụ thuế, đồng thời thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực thuế. Các điểm hỗ trợ được bố trí tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, phường, bộ phận một cửa, nhà văn hóa và các địa điểm sinh hoạt cộng đồng, giúp người dân dễ dàng tiếp cận, được hướng dẫn trực tiếp ngay tại địa bàn cư trú.

Tại các điểm ra quân, công chức thuế cùng đoàn viên, thanh niên tận tình hướng dẫn người dân cài đặt, đăng nhập ứng dụng eTax Mobile; tra cứu thông tin mã số thuế, thửa đất, số thuế phải nộp và tình trạng nộp thuế; liên kết ngân hàng để thực hiện thanh toán điện tử, lưu chứng từ sau khi hoàn thành giao dịch. Đối với những trường hợp có vướng mắc về dữ liệu, thông tin thửa đất hoặc nghĩa vụ thuế, lực lượng hỗ trợ tiếp nhận, phân loại và chuyển đến bộ phận chuyên môn để kiểm tra, xử lý theo quy định.

Điểm nổi bật của đợt cao điểm là sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan Thuế với chính quyền địa phương và lực lượng đoàn viên, thanh niên. Với tinh thần xung kích, tình nguyện, các đoàn viên không chỉ trực tiếp hỗ trợ người dân thao tác trên ứng dụng mà còn góp phần lan tỏa kỹ năng số, khuyến khích người dân chủ động sử dụng các tiện ích điện tử trong thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước. Đối với người cao tuổi, người gặp khó khăn khi sử dụng thiết bị

công nghệ hoặc những địa bàn đông dân cư, các đơn vị có thể tổ chức hỗ trợ lưu động, đưa dịch vụ đến tận khu dân cư.

Việc đồng loạt ra quân thể hiện quyết tâm của Thuế thành phố Hải Phòng trong đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thuế và nâng cao chất lượng phục vụ người nộp thuế. Qua đó, từng bước hình thành thói quen chủ động tra cứu, kê khai và nộp thuế điện tử, góp phần xây dựng nền hành chính thuế minh bạch, thuận tiện, lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ.

Theo kế hoạch, đợt cao điểm được triển khai trong 8 ngày thứ Bảy, Chủ nhật thuộc 4 tuần, từ ngày 10/10 đến ngày 01/11/2026; đồng thời, các Thuế cơ sở tiếp tục duy trì hoạt động hỗ trợ thường xuyên trong các ngày làm việc đến hết ngày 31/12/2026. Thuế thành phố đặt mục tiêu hoàn thành dự toán thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp chậm nhất ngày 2/11/2026.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

MỞ RỘNG TIỆN ÍCH I-HATINH, THÚC ĐẨY HÌNH THÀNH CÔNG DÂN SỐ

Hà Tĩnh tiếp tục mở rộng các tiện ích thiết thực trên i-HaTinh, nâng cao hiệu quả phục vụ, từng bước hình thành thói quen sử dụng nền tảng số trong đời sống và thúc đẩy phát triển công dân số.

Sau gần 7 tháng vận hành, ứng dụng công dân số Hà Tĩnh (i-HaTinh) ghi nhận 469.993 lượt cài đặt, đạt 40,89% dân số từ 18 tuổi trở lên. Kết quả này giúp tỉnh vượt mục tiêu 40% người dân trong độ tuổi trưởng thành cài đặt, kích hoạt ứng dụng theo Kế hoạch số 98/KH-TU ngày 21/7/2026 của Tỉnh ủy về tiếp tục đẩy mạnh Phong trào "Bình dân học vụ số".

Thực tế, sau khi đưa vào vận hành từ ngày 17/3/2026, i-HaTinh đã từng bước hình thành kênh tiếp nhận phản ánh, góp ý của người dân trên môi trường số. Theo số liệu từ Trung tâm Điều hành thông minh, Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Hà Tĩnh (Sở Khoa học và Công nghệ), hệ thống hiện có 112 đơn vị tham gia xử lý phản ánh, góp ý.

Tổng số phản ánh, góp ý, ý kiến được ghi nhận qua ứng dụng và tổng đài 19009038 là 12.434 lượt. Trong đó, phản ánh qua ứng dụng i-HaTinh đạt 8.047 lượt, góp ý đạt 1.519 lượt; có 4.790 phản ánh qua ứng dụng đã được tiếp nhận, phân phối đến các cơ quan xử lý; 32 phản ánh đang chờ bổ sung thông tin và 3.225 phản ánh không đủ điều kiện tiếp nhận. Qua đó cho thấy ứng dụng đang trở thành một kênh quan trọng để người dân phản ánh các vấn đề phát sinh, đóng góp ý kiến và kết nối với cơ quan chức năng. Thông qua nền tảng số, thông tin được chuyển đến đơn vị có trách nhiệm xử lý, góp phần nâng cao tính thuận tiện và khả năng theo dõi quá trình giải quyết.

Theo Kế hoạch số 591/KH-UBND ngày 25/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai các nền tảng số, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đồng bộ với hệ thống Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (IOC) và phát triển ứng dụng công dân số i-

HaTinh giai đoạn 2026 - 2027, tỉnh phấn đấu đến hết năm 2026 có trên 50% dân số trưởng thành cài đặt, sử dụng ứng dụng. Đây là bước tiếp theo trong lộ trình mở rộng khả năng tiếp cận các dịch vụ số, đồng thời đặt ra yêu cầu đưa ứng dụng trở thành công cụ hữu ích, thiết thực hơn trong sinh hoạt và tương tác của người dân với cơ quan nhà nước.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, Sở Khoa học và Công nghệ cùng các địa phương đang tiếp tục triển khai các đợt cao điểm phổ cập ứng dụng i-HaTinh theo phương châm "đi từng ngõ, gõ từng nhà". Cách làm trực tiếp tại cộng đồng giúp tăng cơ hội tiếp cận đối với những người chưa sử dụng ứng dụng, đồng thời tạo điều kiện hướng dẫn cài đặt, kích hoạt và thao tác trên nền tảng, nhất là với những người còn hạn chế về kỹ năng số.

Cùng với nâng cao hiệu quả của chức năng phản ánh hiện trường, việc mở rộng các tiện ích đang được Hà Tĩnh xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo. Bà Dương Thị Ngân - Giám đốc Trung tâm Điều hành thông minh, Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo Hà Tĩnh cho biết: "Thực hiện kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh, chúng tôi đang hoàn thiện, tích hợp các nhóm tiện ích phục vụ nhu cầu thiết yếu, gồm phản ánh hiện trường, cổng tương tác, tổng đài 1900 9038; thông tin việc làm; báo cáo số phục vụ theo dõi, điều hành kinh tế - xã hội; giáo dục số; bình dân học vụ số; dịch vụ điện và tra cứu văn bản, chính sách. Trong năm 2027, dự kiến tiếp tục nghiên cứu, phát triển các tiện ích về kết nối chính quyền cấp xã với cán bộ thôn, tổ dân phố, giao thông vận tải, thời tiết và thiên tai, quản lý môi trường, y tế số, hồ sơ sức khỏe điện tử, dữ liệu giá, thương mại và nông nghiệp số".

Việc i-HaTinh từng bước phát huy hiệu quả và đang tiếp tục được mở rộng tiện ích đang góp phần giúp người dân hình thành thói quen tương tác với chính quyền và tham gia các hoạt động trên môi trường số. Đây cũng là nền tảng quan trọng để mỗi người dân Hà Tĩnh từng bước trở thành công dân số, chủ động tiếp cận công nghệ, sử dụng dịch vụ số an toàn, hiệu quả, góp phần xây dựng xã hội số.

Nguồn: baohatinh.vn

HUẾ ĐƯỢC VINH DANH TẠI HẠNG MỤC "CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CHUYỂN ĐỔI SỐ XUẤT SẮC"

Tại Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam - Vietnam Digital Awards (VDA) 2026, thành phố Huế được vinh danh ở hạng mục "Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc". Kết quả này ghi nhận nỗ lực ứng dụng công nghệ số trong quản lý, điều hành, cải cách hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Huế cho biết, Lễ trao Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam-Vietnam Digital Awards 2026 diễn ra chiều 14/10 tại Hà Nội với sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân tiêu biểu trong lĩnh vực chuyển đổi số. Thành phố Huế được vinh danh tại hạng mục "Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc" với Giải pháp chuyển

đổi số trong quản lý, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp thông qua nền tảng Hue-S và Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh (HueIOC).

Giải thưởng này là sự ghi nhận đối với quá trình thúc đẩy ứng dụng công nghệ số của thành phố Huế, trong đó chú trọng đổi mới phương thức quản lý nhà nước, nâng cao hiệu quả điều hành và tăng cường tương tác giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp.

Điểm nổi bật trong mô hình chuyển đổi số của thành phố Huế là sự kết hợp giữa nền tảng Hue-S và HueIOC, hình thành hệ sinh thái hỗ trợ kết nối dịch vụ, tiếp nhận thông tin và nâng cao năng lực giám sát, điều hành đô thị thông minh. Trong đó, Hue-S đóng vai trò là kênh kết nối trực tiếp giữa chính quyền với người dân, doanh nghiệp.

Thông qua nền tảng này, người dân có thể tiếp cận thông tin, sử dụng các tiện ích số, tương tác với cơ quan nhà nước và tiếp cận các dịch vụ thiết yếu thuận tiện hơn. Việc đưa các dịch vụ, tiện ích lên môi trường số góp phần đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ công, tạo điều kiện để người dân tham gia vào quá trình xây dựng, vận hành chính quyền số.

Trong khi đó, HueIOC hỗ trợ giám sát, tổng hợp và phân tích dữ liệu, cung cấp thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành. Việc khai thác dữ liệu giúp các cơ quan chức năng theo dõi tình hình đô thị, nắm bắt các vấn đề phát sinh và nâng cao khả năng phối hợp xử lý công việc.

Sự kết hợp giữa Hue-S và HueIOC thể hiện định hướng chuyển đổi số của Huế theo hướng lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, lấy dữ liệu làm nền tảng và hiệu quả thực tế làm thước đo. Qua đó, công nghệ số không chỉ hỗ trợ hoạt động quản lý mà còn góp phần tăng cường tính công khai, minh bạch và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Với thông điệp "Tôn vinh giá trị thực - Lan tỏa tương lai số", VDA 2026 hướng đến ghi nhận những mô hình chuyển đổi số tạo ra hiệu quả thiết thực trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội.

Mở rộng hệ sinh thái số, thúc đẩy phát triển đô thị thông minh

Theo Tiến sĩ Nguyễn Quân, nguyên Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Hội đồng Chung khảo giải thưởng, các tiêu chí đánh giá được cập nhật theo định hướng của Nghị quyết 57, chú trọng công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược và các kết quả có thể đo lường trong thực tiễn.

Cùng với kết quả đạt được trong chuyển đổi số ở khu vực cơ quan nhà nước, các đơn vị công nghệ của thành phố Huế cũng ghi dấu ấn tại VDA 2026. Theo đó, Trung tâm Công nghệ thông tin thành phố Huế (HueCIT) cũng được vinh danh tại hạng mục "Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp chuyển đổi số xuất sắc" với giải pháp Hệ sinh thái số văn hóa-du lịch.

Giải pháp này đã tích hợp các công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), hệ thống thông tin địa lý (GIS), thực tế ảo 360 độ (VR360) cùng các tiện ích số, hỗ trợ số hóa tài nguyên văn hóa, quảng bá điểm đến và nâng cao trải nghiệm tham quan trực tuyến. Qua đó, công nghệ số được ứng dụng vào bảo tồn, phát huy giá trị di sản và phát triển du lịch thông minh.

Đây là lần thứ tư HueCIT được vinh danh tại Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam, sau các năm 2020, 2021 và 2022. Kết quả tiếp tục ghi nhận năng lực nghiên cứu, phát triển và triển

khai các giải pháp công nghệ đáp ứng nhu cầu thực tiễn, đồng thời cho thấy vai trò của đơn vị trong đồng hành cùng thành phố trên hành trình chuyển đổi số.

Điểm mới của giải thưởng năm nay là chuyển trọng tâm đánh giá từ việc ứng dụng công nghệ sang hiệu quả thực tế, với các tiêu chí gắn với năng suất lao động, chi phí vận hành, doanh thu và mức độ hài lòng của người dân, khách hàng. Định hướng này nhấn mạnh yêu cầu chuyển đổi số phải tạo ra giá trị thiết thực, có thể đo lường trong hoạt động quản lý và đời sống xã hội.

Việc được vinh danh tại VDA 2026 tạo thêm động lực để thành phố Huế tiếp tục hoàn thiện hệ sinh thái số Hue-S và HueIOC theo hướng đồng bộ, liên thông, khai thác dữ liệu hiệu quả và mở rộng các tiện ích phục vụ cộng đồng.

Trên nền tảng đó, Huế hướng đến tiếp tục gắn chuyển đổi số với cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công, đổi mới phương thức quản lý, điều hành, hướng tới, hướng đến xây dựng chính quyền số hiện đại, minh bạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; tạo thuận lợi để người dân, doanh nghiệp tham gia và thụ hưởng những thành quả của chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Nguồn: nhandan.vn

ĐÀ NẴNG: ĐÁNH GIÁ VÀ CÔNG KHAI MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Trên hệ thống phần mềm khảo sát mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với chất lượng cung ứng dịch vụ công của chính quyền thành phố và triển khai các cuộc khảo sát chuyên ngành tại địa chỉ https://khaosathailong.danang.gov.vn tiếp tục ghi nhận chỉ số hài lòng đạt 99,9%. Sự đánh giá khách quan và công khai chỉ số này phản ánh tinh thần quyết liệt, nỗ lực phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Đo lường mức độ hài lòng

Theo phiếu hẹn, sáng 9/10, bà Trần Thị Lương (thôn Dương Đàn, xã Phú Ninh) đến Trung tâm Phục vụ hành chính công xã nhận kết quả điều chỉnh biến động diện tích đất ở và đất trồng cây lâu năm. Bà Lương chia sẻ rất hài lòng đối với thái độ phục vụ, hướng dẫn hoàn thiện các thành phần hồ sơ của cán bộ, công chức trung tâm.

Trên bản đồ khảo sát của hệ thống phần mềm khảo sát của thành phố ghi nhận mức độ hài lòng của người dân đối với kết quả giải quyết thủ tục hành chính của xã Phú Ninh đạt 99,9%.

Theo ông Võ Văn Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phú Ninh, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã được giao phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội xã thường xuyên tổ chức tập huấn, hướng dẫn cài đặt các ứng dụng phục vụ công tác nộp hồ sơ trực tuyến, cài đặt chữ ký số cá nhân trong nhân dân. Nhờ đó tỷ lệ thực hiện dịch vụ công trực tuyến đạt 100%, tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt 100%; hồ sơ hành chính giải quyết đúng và trước hạn đạt 99,83%.

Cũng ở tuần thứ 41, trên bản đồ khảo sát ghi nhận mức độ hài lòng đối với Ủy ban nhân dân xã Tây Hồ đạt 100%. Ông Hồ Văn Trị, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Tây Hồ cho biết "Trung tâm Phục vụ hành chính công xã được Ủy ban nhân dân xã giao thông báo, hướng dẫn người dân quét mã QR đánh giá mức độ hài lòng ngay sau khi hoàn thành thủ tục hành chính".

Đối với xã Thăng Phú, tỷ lệ hài lòng được khảo sát trên hệ thống phần mềm của thành phố đạt 99,6%. Trong nỗ lực lấy hiệu quả phục vụ và sự hài lòng của người dân làm trung tâm đánh giá kết quả cải cách hành chính, Ủy ban nhân dân xã Thăng Phú xây dựng mô hình "Một cửa tiện ích".

Theo bà Thái Thị Mỹ Hạnh, Phó Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội xã Thăng Phú, với mô hình trên khi tổ chức, cá nhân đến yêu cầu thực hiện một số thủ tục hành chính giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã vào thứ Ba hằng tuần, nếu đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định sẽ được tiếp nhận và giải quyết ngay nhằm giảm thời gian đi lại của người dân.Từ đó mang đến sự hài lòng cho người dân và góp phần nâng cao tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng và trước hẹn.

"Thời gian tới, Ủy ban nhân dân xã tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến; tăng cường tái sử dụng dữ liệu số; đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong thực hiện nhiệm vụ và tăng cường tương tác số giữa chính quyền với người dân", bà Hạnh chia sẻ.

Không ngừng cải thiện chất lượng phục vụ

Theo đánh giá kết quả công tác cải cách hành chính quý III năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố, tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn đối với cấp tỉnh là 98,34% và 99,65% ở cấp xã. Thành phố duy trì các kênh tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp liên quan đến quy định hành chính, quá trình giải quyết, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và những khó khăn phát sinh.

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Quang Bửu, thành phố xác định nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp là một trong những yêu cầu trọng tâm trong cải cách thủ tục hành chính và tổ chức hoạt động của trung tâm phục vụ hành chính công, bộ phận một cửa. Việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thông tin về thủ tục hành chính, thành phần hồ sơ, thời hạn giải quyết, phí, lệ phí và tình trạng xử lý hồ sơ từng bước được công khai trên môi trường điện tử, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp theo dõi, giám sát quá trình giải quyết.

Thành phố duy trì việc khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính, cũng như thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại các điểm tiếp nhận. Qua theo dõi, mức độ hài lòng đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc tại các quầy đạt trên 99%.

Đồng thời triển khai các tiện ích hỗ trợ như wifi miễn phí, thiết bị hỗ trợ nộp hồ sơ trực tuyến, lấy số thứ tự trực tuyến, các kênh thông tin qua website, zalo, facebook và các giải pháp hỗ trợ bằng trí tuệ nhân tạo. Nhờ đó, chất lượng phục vụ từng bước chuyển từ phương thức chủ

yếu tiếp nhận và xử lý hồ sơ sang chủ động hướng dẫn, hỗ trợ và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong toàn bộ quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

Nhằm không ngừng cải thiện, nâng cao điểm số, thứ hạng Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao các sở, ban, ngành làm đầu mối hướng dẫn, triển khai, theo dõi các hệ thống của bộ, ngành Trung ương thuộc lĩnh vực quản lý và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương.

Gần nhất, tại Công văn số 10028/UBND-HCC ban hành ngày 3/10/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc khẩn trương khắc phục các tồn tại, hạn chế, cải thiện kết quả đánh giá, nâng cao điểm số, thứ hạng Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân thành phố yêu cầu các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu tăng cường theo dõi, cảnh báo hồ sơ sắp đến hạn, hồ sơ có nguy cơ quá hạn; bảo đảm từ 99% hồ sơ trở lên được giải quyết đúng và trước hạn. Không để phát sinh phản ánh, kiến nghị quá hạn; thực hiện đầy đủ việc tiếp nhận, xử lý, trả lời và đồng bộ kết quả. Nội dung trả lời phải cụ thể, đúng trọng tâm; phấn đấu mức độ hài lòng đạt tối thiểu 95%.

Nguồn: baodanang.vn

ĐẮK LẮK CHẤN CHỈNH, NÂNG CAO TIẾN ĐỘ GIẢI QUYẾT HỒ SƠ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk vừa có văn bản gửi các ban, sở, ngành, Công an tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường về việc chấn chỉnh, nâng cao tiến độ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính.

Nhiều hồ sơ quá hạn

Thực hiện Công văn số 4142/C12-P4 ngày 01/10/2026 của Trung tâm Dữ liệu quốc gia-Bộ Công an về triển khai Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, trong đó yêu cầu đồng bộ đầy đủ trạng thái hồ sơ theo thời gian thực, đúng ma trận trạng thái và phối hợp rà soát, đối soát sai lệch số liệu đánh giá. Qua rà soát số liệu thống kê tạm thời trên Cổng Dịch vụ công quốc gia từ ngày 01/9/2026 đến ngày 30/9/2026, toàn tỉnh Đắk Lắk đã giải quyết 93.446 hồ sơ, trong đó 83.114 hồ sơ đúng và trước hạn, đạt 88,94%, ghi nhận 10.332 hồ sơ quá hạn; còn 32.487 hồ sơ đang giải quyết, trong đó có 5.702 hồ sơ quá hạn.

Kết quả cho thấy một số cơ quan, địa phương duy trì tốt tiến độ giải quyết hồ sơ; tuy nhiên, số hồ sơ ghi nhận quá hạn còn lớn, cần tập trung rà soát, đối soát dữ liệu, xác định nguyên nhân và có giải pháp khắc phục kịp thời.

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, số liệu thống kê nêu trên được trích xuất từ hệ thống tại thời điểm tra cứu, mang tính tạm thời, chưa được đối soát, xác nhận chính thức; còn chênh lệch với số liệu tổng hợp thủ công. Một số hồ sơ thực tế đã giải quyết nhưng chưa được cập nhật, kết thúc hoặc đồng bộ đúng trạng thái, dẫn đến ghi nhận chưa chính xác số hồ sơ quá hạn, ảnh hưởng đến kết quả đánh giá của tỉnh. Do đó, cần khẩn trương đối soát, làm sạch dữ liệu

trước khi sử dụng làm căn cứ đánh giá, xác định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị (dự kiến từ ngày 01/12/2026).

Theo số liệu thống kê tạm thời trên hệ thống, một số cơ quan, địa phương có kết quả tích cực như: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Dân tộc và Tôn giáo không có hồ sơ đã giải quyết quá hạn hoặc đang quá hạn; Sở Nội vụ giải quyết đúng và trước hạn 2.147/2.154 hồ sơ, đạt 99,68%, còn 5 hồ sơ đang quá hạn; Sở Xây dựng đạt 1.575/1.602 hồ sơ đúng và trước hạn, đạt 98,31%, còn 17 hồ sơ đang quá hạn.

Ở cấp xã, tỷ lệ giải quyết đúng và trước hạn của xã Ia Lốp đạt 99,70%; xã Tuy An Tây đạt 99,66%; xã Ea Ly đạt 99,30%...

Bên cạnh một số cơ quan có kết quả tích cực, thì hệ thống cũng đang ghi nhận nhiều hồ sơ trễ hạn của các đơn vị như: Sở Nông nghiệp và Môi trường có 6.556 hồ sơ đã giải quyết quá hạn, chiếm 63,45% số hồ sơ đã giải quyết quá hạn toàn tỉnh và 992 hồ sơ đang quá hạn.

Các địa phương có từ 100 hồ sơ đang giải quyết quá hạn trở lên gồm: phường Hòa Hiệp 342 hồ sơ; phường Buôn Ma Thuột có 220 hồ sơ; phường Phú Yên có 216 hồ sơ; phường Bình Kiến có 211 hồ sơ; xã Ea Bá có 162 hồ sơ; xã Krông Pắc có 139 hồ sơ; phường Tuy Hòa có 123 hồ sơ; xã Ea Drăng có 106 hồ sơ; phường Cư Bao có 100 hồ sơ. Số hồ sơ đã giải quyết quá hạn còn cao tại xã Ea Na là 181 hồ sơ; xã Xuân Lộc là 117 hồ sơ; xã Ea Ktur là 114 hồ sơ…

Nâng cao tiến độ giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính

Để kiểm tra, xác định chính xác hồ sơ quá hạn, chấn chỉnh tiến độ giải quyết thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp và cải thiện Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk yêu cầu thủ trưởng các ban, sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường tiếp tục thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về cải cách thủ tục hành chính, nhất là Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 24/4/2026 và Chỉ thị số 14/CT-UBND ngày 04/5/2026.

Trên cơ sở đối soát thực tế, rà soát từng hồ sơ quá hạn, xác định nguyên nhân, trách nhiệm và thời hạn xử lý; ưu tiên hồ sơ tồn đọng kéo dài, không để phát sinh chậm trễ do nguyên nhân chủ quan; thực hiện xin lỗi tổ chức, cá nhân khi giải quyết quá hạn theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường và các địa phương có số hồ sơ quá hạn lớn theo kết quả thống kê trên hệ thống chủ động kiểm tra, phân loại số hồ sơ thực tế quá hạn và số hồ sơ ghi nhận quá hạn do chưa cập nhật hoặc đồng bộ dữ liệu; phân công lãnh đạo trực tiếp theo dõi, chỉ đạo xử lý hằng ngày; bố trí nhân lực phù hợp, tập trung giải quyết dứt điểm hồ sơ thực tế quá hạn và báo cáo kết quả khắc phục.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động theo dõi, cảnh báo hồ sơ sắp đến hạn; phối hợp xử lý hồ sơ liên thông, kịp thời tháo gỡ vướng mắc để bảo đảm trả kết quả đúng hạn.

Các ban, sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường khẩn trương đối soát dữ liệu đến từng mã hồ sơ giữa Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh, Cổng Dịch vụ công quốc gia, các Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính dùng chung của bộ, ngành và số liệu theo dõi tại đơn vị. Phân loại rõ hồ sơ thực tế chưa giải quyết; hồ sơ đã giải quyết, trả kết quả nhưng chưa kết thúc quy trình trên hệ thống; hồ sơ thiếu trạng thái, đồng bộ sai hoặc chưa đồng bộ.

Tổng hợp danh sách mã hồ sơ sai lệch, tình trạng thực tế, nguyên nhân và thông tin lỗi gửi Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh để phối hợp xử lý.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp Công an tỉnh, các cơ quan, đơn vị và đơn vị vận hành hệ thống kiểm tra, khắc phục lỗi kỹ thuật, kết nối và đồng bộ dữ liệu; ưu tiên xử lý hồ sơ đã giải quyết nhưng chưa được ghi nhận hoàn thành trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Đối chiếu số liệu thống kê tự động với kết quả tổng hợp thủ công, xác định nguyên nhân chênh lệch và phối hợp đầu mối kỹ thuật, nghiệp vụ của Trung tâm Dữ liệu quốc gia để xử lý sai lệch, bảo đảm kết quả thống kê, đánh giá phản ánh đúng thực tế; đồng thời, hoàn thiện chức năng cảnh báo hồ sơ sắp đến hạn, quá hạn.

Sở Nội vụ phối hợp Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đánh giá kết quả giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên cơ sở số liệu đã được đối soát, xác minh; phân biệt trường hợp chậm giải quyết thực tế với trường hợp hệ thống ghi nhận quá hạn do sai lệch trạng thái, lỗi kỹ thuật hoặc đồng bộ. Xem xét trách nhiệm tập thể, cá nhân, người đứng đầu đối với trường hợp để xảy ra tình trạng hồ sơ thực tế quá hạn kéo dài do nguyên nhân chủ quan, ảnh hưởng đến kết quả cải cách hành chính của tỉnh.

Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, đôn đốc việc xử lý hồ sơ quá hạn và đối soát dữ liệu; phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp số liệu đã được kiểm tra, làm rõ chênh lệch giữa thống kê trên hệ thống và tổng hợp thủ công; kịp thời tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền và đề xuất điều chỉnh kết quả đánh giá khi có căn cứ xác định dữ liệu chưa chính xác.

Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk yêu cầu thủ trưởng các ban, sở, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện; tiếp tục duy trì các kết quả tích cực, đồng thời tập trung xử lý dứt điểm tồn tại, hạn chế, bảo đảm việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp đúng thời hạn, thông suốt, hiệu quả.

Nguồn: nhandan.vn

THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI PHẤN ĐẤU 100% DỊCH VỤ CÔNG THIẾT YẾU ĐƯỢC THỰC HIỆN TIẾP NHẬN KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai vừa ban hành Kế hoạch 292/KH-UBND về thực hiện Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31/8/2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Đồng Nai.

Với mục tiêu đổi mới thực chất, toàn diện công tác cải cách thủ tục hành chính, trọng tâm là cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, chuyển đổi thành công phương thức quản lý từ tiền kiểm sang hậu kiểm trên cơ sở quản trị rủi ro; tăng cường

kiểm soát thực thi dựa trên dữ liệu theo thời gian thực và lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ nhằm nâng cao chất lượng thể chế, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia và tạo động lực đột phá thúc đẩy tăng trưởng kinh tế hai con số. Thành phố Đồng Nai phấn đấu đến năm 2027, 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện trên địa bàn sẽ được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa và tái sử dụng dữ liệu; 100% thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước đủ điều kiện được thực hiện trên môi trường điện tử. Đồng thời, 100% chế độ báo cáo của doanh nghiệp đủ điều kiện được thực hiện điện tử; 100% thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước.

Thành phố Đồng Nai cũng đặt mục tiêu, đến năm 2030, 100% dịch vụ công thiết yếu được thực hiện tiếp nhận không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi thành phố tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công; 100% dịch vụ công được cung cấp chủ động khi đã đảm bảo điều kiện về dữ liệu và hạ tầng số; Ccông tác chỉ đạo, điều hành, đánh giá cải cách thủ tục hành chính được thực hiện dựa trên dữ liệu theo thời gian thực, gắn với đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu, cán bộ, công chức, viên chức. Đồng thời, chỉ số hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) trong giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%; 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính được tiếp nhận, xử lý và công khai kết quả đúng thời hạn quy định.

Cùng với đó, đổi mới toàn diện cơ chế rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính theo hướng dựa trên dữ liệu và quản lý theo vòng đời sự kiện của người dân, doanh nghiệp; Số hóa, triển khai thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường số; bảo đảm nguyên tắc "người dân, doanh nghiệp chỉ cung cấp thông tin một lần", tăng cường tái sử dụng dữ liệu và quản trị dựa trên dữ liệu, theo thời gian thực. Song song đó, phối hợp khai thác, vận hành hiệu quả Cổng Dịch vụ công quốc gia trở thành "một cửa số" của quốc gia.

Để triển khai thực hiện kế hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Nai yêu cầu, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường trên địa bàn xác định cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh là nhiệm vụ thường xuyên, liên tục, gắn với trách nhiệm người đứng đầu; Thực hiện cải cách thủ tục hành chính thống nhất, đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, bao gồm thủ tục hành chính với người dân, doanh nghiệp và thủ tục hành chính nội bộ trong các cơ quan hành chính nhà nước.

Song song đó, đẩy mạnh chuyển đổi số gắn với tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính, lấy dữ liệu làm nền tảng; Tập trung số hóa toàn diện, liên thông dữ liệu, thực hiện dịch vụ công chủ động; lấy thời gian, chi phí của người dân và doanh nghiệp làm thước đo chất lượng cải cách; bảo đảm môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, công khai, minh bạch, ổn định, cạnh tranh lành mạnh….; Rà soát, thực hiện việc phân cấp, ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính; bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật về phân cấp, ủy quyền.

Cùng với đó, chuẩn hóa, công bố quy trình nội bộ, quy trình điện tử, tích hợp triển khai trên Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tập trung, Cổng Dịch vụ công quốc gia; Phân bổ, bố trí nguồn lực thực hiện giải quyết các thủ tục hành chính đã được phân quyền, phân cấp cho cơ

quan, đơn vị, địa phương, bảo đảm thông suốt, không xảy ra tình trạng gián đoạn, chậm trễ trong giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức.

Nguồn: tcnnld.vn

ĐỒNG THÁP CHUYỂN ĐỔI SỐ: TỪ NỀN TẢNG ĐẾN GIÁ TRỊ THỰC CHẤT

Năm 2026, tỉnh Đồng Tháp từng bước chuyển trọng tâm chuyển đổi số từ xây dựng hạ tầng, nền tảng sang khai thác dữ liệu và công nghệ để tạo ra giá trị thiết thực. Những kết quả trên 3 trụ cột: chính quyền số, kinh tế số và xã hội số là cơ sở để tỉnh tiếp tục đổi mới quản trị, thúc đẩy phát triển kinh tế số và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giai đoạn 2026 - 2030.

Chuyển đổi số tạo chuyển biến trên 3 trụ cột

Trong 9 tháng đầu năm 2026, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tập trung chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số theo hướng rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ trách nhiệm; thường xuyên kiểm tra, tháo gỡ khó khăn, nhất là trong quá trình vận hành các hệ thống thông tin phục vụ chính quyền địa phương 2 cấp.

Tỉnh ban hành kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, kế hoạch triển khai Luật Chuyển đổi số; đồng thời, hoàn thiện quy định về dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở và mô hình chuyển đổi số cấp xã. Chính sách hỗ trợ hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng cũng được ban hành, góp phần đưa nhiệm vụ chuyển đổi số đến cơ sở.

Về chính quyền số, hạ tầng viễn thông tiếp tục được đầu tư, nâng cấp. Hiện nay, 100% ấp, khu phố có cáp quang và được phủ sóng di động 3G, 4G, 5G; tỷ lệ phủ sóng 5G đạt khoảng 90% dân số. Toàn bộ cơ quan nhà nước được kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng; hệ thống hội nghị truyền hình được kết nối đến 102 xã, phường.

Các hệ thống quản lý văn bản và điều hành, thư điện tử công vụ, hội nghị truyền hình trực tuyến, thông tin báo cáo, Trung tâm điều hành thông minh (IOC), Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở được duy trì, vận hành ổn định, bảo đảm liên thông từ tỉnh đến cơ sở.

Đáng chú ý, 100% cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh thực hiện xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử. Hơn 20.000 chữ ký số đang hoạt động, đáp ứng yêu cầu xử lý công việc trên môi trường số. Các hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung cung cấp hơn 1.800 dịch vụ công trực tuyến, chiếm tỷ lệ 99,5%.

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành với hệ thống giải quyết thủ tục hành chính góp phần giảm thời gian kiểm tra, đối chiếu thông tin, hạn chế yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại dữ liệu đã có. Qua đó, từng bước giảm thành phần hồ sơ giấy và nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính.

Cùng với hạ tầng, tỉnh chú trọng xây dựng nền tảng dữ liệu phục vụ quản trị, điều hành. Kho dữ liệu dùng chung và Cổng dữ liệu mở hiện kết nối, tích hợp, chia sẻ 156 dữ liệu thuộc 13 lĩnh vực. Mô hình chuyển đổi số cấp xã được thí điểm tại 10 xã, phường, theo hướng đồng bộ từ hạ tầng, dữ liệu, nền tảng đến các ứng dụng phục vụ quản lý và tương tác với người dân.

Ở trụ cột kinh tế số, công nghệ đang mở rộng cơ hội tiếp cận thị trường cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Hơn 60% dân số tham gia mua sắm trực tuyến; 100% xã, phường có hoạt động mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ trực tuyến; khoảng 70% doanh nghiệp có website và cập nhật thông tin thường xuyên.

Phát huy thế mạnh nông nghiệp, Đồng Tháp hỗ trợ đưa sản phẩm địa phương lên các sàn thương mại điện tử. Đến nay, có 910 sản phẩm OCOP của 403 chủ thể được hỗ trợ đưa lên các sàn; 100% sản phẩm OCOP 4 sao, 5 sao được áp dụng truy xuất nguồn gốc.

Qua 5 phiên livestream trên TikTok Shop và Shopee, các sản phẩm địa phương thu hút hơn 6,57 triệu lượt theo dõi, xem, với 3.000 đơn hàng. Bên cạnh đó, 75 doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được hỗ trợ quản lý truy xuất nguồn gốc đối với 443 sản phẩm. Trong 9 tháng đầu năm 2026, doanh thu các doanh nghiệp bưu chính trên địa bàn tỉnh ước đạt hơn 590 tỷ đồng, góp phần kết nối thương mại điện tử với hệ thống phân phối và giao nhận.

Đối với xã hội số, các tiện ích công nghệ ngày càng được đưa vào đời sống. Toàn tỉnh có 71 chợ tại 53 xã, phường đăng ký và duy trì mô hình thanh toán không dùng tiền mặt. Đến ngày 18-9-2026, tỉnh có hơn 343.000 chữ ký số cá nhân công cộng, tương ứng hơn 11% người trưởng thành.

Hơn 1.200 Tổ Công nghệ số cộng đồng với 8.000 thành viên đang hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ công, VNeID, thanh toán số và các tiện ích trên môi trường điện tử. Đến nay, hơn 2,92 triệu người trưởng thành được xác nhận phổ cập tri thức, kỹ năng số trên nền tảng VNeID, đạt hơn 90%.

Thanh toán không dùng tiền mặt được thúc đẩy trong các lĩnh vực dịch vụ công, giáo dục, y tế, thương mại và an sinh xã hội. Toàn tỉnh hiện có hơn 4.730.000 tài khoản thanh toán hoạt động tại các ngân hàng và tổ chức được phép cung ứng dịch vụ thanh toán. Đây là nền tảng để mở rộng các mô hình chợ, tuyến đường thanh toán không dùng tiền mặt, góp phần thay đổi phương thức giao dịch của người dân.

Nguồn: baodongthap.vn

KIỂM SOÁT QUYỀN LỰC HIỆU QUẢ THEO TINH THẦN ĐẠI HỘI XIV

ĐẶT VẤN ĐỀ

Quyền lực nhà nước, xét về bản chất, là quyền lực do Nhân dân ủy quyền, được tổ chức và thực thi thông qua hệ thống cơ quan nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, trên nền tảng Hiến pháp và pháp luật. Quyền lực đó chỉ chính đáng khi phục vụ Nhân dân, bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, giữ vững ổn định chính trị - xã hội và tạo lập môi trường phát triển. Nếu không được kiểm soát chặt chẽ, quyền lực có thể bị lạm dụng, bị chi phối bởi lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm, làm suy giảm hiệu lực quản lý nhà nước, xói mòn niềm tin của Nhân dân và cản trở sự phát triển của đất nước.

Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2025, xác lập nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Đây là cơ sở hiến định trực tiếp cho việc xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Đại hội XIV của Đảng tiếp tục đặt vấn đề kiểm soát quyền lực trong một yêu cầu cao hơn, toàn diện hơn và thực chất hơn. Kiểm soát quyền lực được đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, nâng cao năng lực quản lý, quản trị, kiến tạo phát triển của Nhà nước, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của Nhân dân và kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực.

Trong nhiệm kỳ Đại hội XIV, đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều quyết sách có tính bước ngoặt: sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; hoàn thiện mô hình quản trị 3 cấp theo cấu trúc Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã, đồng thời vận hành chính quyền địa phương 2 cấp; phân cấp, phân quyền mạnh hơn; thúc đẩy chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; xác lập mô hình tăng trưởng mới; phấn đấu đến năm 2030 trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Bối cảnh đó đặt ra câu hỏi có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc: kiểm soát quyền lực như thế nào để vừa ngăn ngừa lạm quyền, tha hóa quyền lực, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, vừa không làm triệt tiêu tính chủ động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ? Yêu cầu hiện nay không chỉ là có cơ chế kiểm soát quyền lực, mà là xây dựng được cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả: kiểm soát đúng mục tiêu, đúng thẩm quyền, đúng trách nhiệm, đúng phương thức và tạo ra kết quả quản trị tốt hơn.

1. Kiểm soát quyền lực hiệu quả theo tinh thần Đại hội XIV

Kiểm soát quyền lực là tổng thể các nguyên tắc, thiết chế, quy định, quy trình, phương thức và hành động nhằm bảo đảm quyền lực được trao đúng, thực thi đúng, giám sát đúng, xử

lý đúng và chịu trách nhiệm đúng. Kiểm soát quyền lực không nhằm phủ định hay làm suy yếu quyền lực công, mà nhằm đưa quyền lực vào khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật, kỷ luật của Đảng, đạo đức công vụ và sự giám sát của Nhân dân.

Theo tinh thần Đại hội XIV, kiểm soát quyền lực hiệu quả là quá trình kiểm soát quyền lực đạt đồng thời ba mục tiêu: phòng ngừa, ngăn chặn sự tha hóa quyền lực; nâng cao hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả của bộ máy; bảo đảm quyền lực được sử dụng để phục vụ phát triển nhanh, bền vững đất nước, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân. Cách tiếp cận này khắc phục nhận thức giản đơn coi kiểm soát quyền lực chỉ là phát hiện và xử lý vi phạm sau khi sai phạm đã xảy ra.

Trước hết, kiểm soát quyền lực hiệu quả phải là kiểm soát đúng mục tiêu. Mục tiêu của kiểm soát quyền lực không phải là tạo thêm tầng nấc hành chính, cũng không phải làm chậm quá trình ra quyết định, mà là bảo đảm quyền lực được sử dụng vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân, vì phát triển nhanh, bền vững đất nước. Kiểm soát quyền lực chỉ có ý nghĩa khi làm cho quyết định công đúng hơn, minh bạch hơn, chịu trách nhiệm hơn và đem lại kết quả phát triển tốt hơn.

Hai là, kiểm soát quyền lực hiệu quả phải gắn với kiểm soát thẩm quyền và trách nhiệm. Mọi chủ thể quyền lực phải được xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, phạm vi quyết định, giới hạn can thiệp, cơ chế phối hợp và trách nhiệm giải trình. Quyền hạn càng lớn thì trách nhiệm càng cao; phân cấp, phân quyền càng mạnh thì kiểm tra, giám sát, đo lường kết quả và xử lý trách nhiệm càng phải chặt chẽ. Đây là nguyên tắc đặc biệt quan trọng trong bối cảnh đổi mới mô hình tổ chức bộ máy và vận hành chính quyền địa phương 2 cấp.

Ba là, kiểm soát quyền lực hiệu quả phải được thực hiện bằng thể chế, quy trình và dữ liệu. Kiểm soát quyền lực không thể chỉ dựa vào phẩm chất cá nhân hoặc sự tự giác đạo đức, dù đây là yếu tố rất quan trọng. Cần kiểm soát bằng pháp luật, quy chế, quy trình công vụ minh bạch, công khai thông tin, dữ liệu số, kiểm toán, thanh tra, kiểm tra, giám sát, hoạt động tư pháp và sự tham gia của Nhân dân.

Bốn là, kiểm soát quyền lực hiệu quả phải được thực hiện từ sớm, từ xa, thường xuyên, liên tục. Kiểm soát không đợi đến khi sai phạm xảy ra mới xử lý, mà phải nhận diện dấu hiệu rủi ro từ khâu xây dựng chính sách, tuyển chọn cán bộ, phân bổ ngân sách, phê duyệt dự án, quản lý đất đai, tài sản công, đầu tư công, mua sắm công, tổ chức thực thi và đánh giá kết quả. Phòng ngừa bao giờ cũng ít tốn kém hơn xử lý hậu quả.

Năm là, kiểm soát quyền lực hiệu quả phải đi đôi với khuyến khích đổi mới, sáng tạo. Kiểm soát quyền lực không được biến thành tâm lý sợ trách nhiệm, né tránh, đùn đẩy, trì trệ. Kiểm soát đúng là làm rõ ranh giới giữa sai phạm vì vụ lợi với rủi ro trong đổi mới sáng tạo vì lợi ích chung; giữa vi phạm nguyên tắc với thử nghiệm chính sách có kiểm chứng; giữa lạm quyền với dám chịu trách nhiệm trong khuôn khổ pháp luật.

Về nền tảng chính trị, kiểm soát quyền lực theo tinh thần Đại hội XIV gắn trực tiếp với xây dựng Đảng cầm quyền trong sạch, vững mạnh. Trong điều kiện Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội, kiểm soát quyền lực trong Đảng có ý nghĩa quyết

định đối với kiểm soát quyền lực nhà nước và quyền lực trong toàn bộ hệ thống chính trị. Khi quyền lực trong Đảng được kiểm soát tốt, công tác cán bộ trong sạch, nguyên tắc tập trung dân chủ được thực hiện nghiêm, kỷ luật Đảng được giữ vững, quyền lực nhà nước có nền tảng chính trị vững chắc để vận hành đúng hướng.

Về nền tảng pháp lý, kiểm soát quyền lực gắn với xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nhà nước pháp quyền đòi hỏi quyền lực phải được tổ chức bằng Hiến pháp, vận hành bằng pháp luật, giới hạn bởi pháp luật và chịu trách nhiệm trước Nhân dân. Nguyên tắc phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp phải được cụ thể hóa bằng cơ chế vận hành thực chất, tránh tình trạng phân công chưa rõ, phối hợp thiếu chặt chẽ, kiểm soát hình thức.

Về yêu cầu tổ chức bộ máy, kiểm soát quyền lực gắn với đổi mới mô hình quản trị quốc gia. Đại hội XIV và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV đặt ra yêu cầu vận hành thông suốt chính quyền địa phương 2 cấp, phân định rõ thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp xã, đồng thời tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị 3 cấp trong cấu trúc Trung ương - cấp tỉnh - cấp xã. Vì vậy, trong bài viết này, cụm từ "quản trị 3 cấp" được sử dụng theo nghĩa ba tầng vận hành quyền lực công trong quản trị quốc gia; không đồng nhất với "chính quyền địa phương 3 cấp" theo mô hình cũ.

Về yêu cầu phát triển, kiểm soát quyền lực gắn với mục tiêu đến năm 2045 đưa Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Để đạt mục tiêu đó, đất nước cần một nền quản trị quốc gia hiện đại, liêm chính, hiệu quả; một bộ máy hành chính phục vụ, kiến tạo; một hệ thống chính sách ổn định, minh bạch; một môi trường đầu tư, kinh doanh an toàn, công bằng; một đội ngũ cán bộ có năng lực, đạo đức, trách nhiệm. Những yêu cầu ấy phụ thuộc trực tiếp vào chất lượng kiểm soát quyền lực.

Từ đó có thể khẳng định: kiểm soát quyền lực hiệu quả theo tinh thần Đại hội XIV là sự kết hợp giữa phòng ngừa và xử lý, giữa kỷ luật và khuyến khích, giữa pháp lý và đạo đức công vụ, giữa kiểm soát bên trong và giám sát bên ngoài, giữa yêu cầu liêm chính và yêu cầu phát triển. Đây là cơ sở để nhận diện các vấn đề đặt ra trong vận hành mô hình tổ chức bộ máy mới và đề xuất giải pháp kiểm soát quyền lực trong giai đoạn tới.

2. Kiểm soát quyền lực trong bối cảnh vận hành mô hình quản trị 3 cấp

Tổ chức và vận hành mô hình quản trị 3 cấp theo cấu trúc Trung ương - cấp tỉnh - cấp xã là bước đổi mới quan trọng về tổ chức bộ máy, hướng tới giảm tầng nấc trung gian, rút ngắn quy trình xử lý công việc, tăng tính chủ động của địa phương và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Điểm cốt lõi của đổi mới này là chuyển mạnh từ quản lý theo tầng nấc sang quản trị theo thẩm quyền, trách nhiệm và kết quả.

Trong mô hình mới, kiểm soát quyền lực cần được nhìn nhận trên ba tuyến quan hệ: giữa Trung ương và địa phương; trong nội bộ chính quyền cấp tỉnh; và ở cấp xã, phường, đặc khu - nơi trực tiếp tiếp xúc với người dân, doanh nghiệp. Mỗi tuyến quan hệ có đặc điểm quyền lực, nguy cơ rủi ro và phương thức kiểm soát khác nhau, nhưng đều phải thống nhất ở nguyên tắc rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ quy trình, rõ kết quả và rõ cơ chế giám sát.

Một là, kiểm soát quyền lực giữa Trung ương và địa phương. Phân cấp, phân quyền là yêu cầu tất yếu để phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của địa phương. Trong điều kiện đất nước phát triển nhanh, quy mô nền kinh tế lớn hơn, yêu cầu xử lý công việc phức tạp hơn, Trung ương không thể và không nên quyết định thay mọi vấn đề cụ thể của địa phương. Trung ương cần tập trung vào hoạch định chiến lược, xây dựng thể chế, ban hành tiêu chuẩn, quy chuẩn, kiểm tra, giám sát và điều phối vĩ mô; địa phương cần được trao quyền chủ động trong tổ chức thực hiện, lựa chọn giải pháp phù hợp với đặc thù, đồng thời chịu trách nhiệm về kết quả, hiệu quả và tính hợp pháp của quyết định.

Tuy nhiên, phân quyền nếu không đi kèm kiểm soát có thể dẫn tới hai nguy cơ. Nguy cơ thứ nhất là cục bộ địa phương, tùy tiện trong thực thi, vận dụng chính sách thiếu thống nhất, làm suy giảm kỷ luật, kỷ cương hành chính. Nguy cơ thứ hai là lợi dụng quyền tự chủ để hợp thức hóa lợi ích nhóm, nhất là trong các lĩnh vực nhạy cảm như đất đai, quy hoạch, đầu tư công, tài chính - ngân sách, đấu thầu, tài sản công và tổ chức cán bộ.

Do đó, kiểm soát quyền lực giữa Trung ương và địa phương phải chuyển từ tiền kiểm hành chính nặng nề sang kiểm soát bằng thể chế, tiêu chuẩn, dữ liệu, hậu kiểm và đánh giá kết quả. Trung ương không ôm việc của địa phương, nhưng phải kiểm soát được rủi ro thể chế, rủi ro tài chính, rủi ro pháp lý, rủi ro tham nhũng, lãng phí và rủi ro phát triển không bền vững.

Hai là, kiểm soát quyền lực trong nội bộ chính quyền cấp tỉnh. Trong mô hình tổ chức mới, cấp tỉnh giữ vai trò đặc biệt quan trọng. Đây là cấp trực tiếp chuyển hóa đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước thành chương trình, kế hoạch, dự án và kết quả phát triển cụ thể. Khi không còn cấp huyện là một cấp chính quyền địa phương, nhiều nhiệm vụ quản lý phát triển tập trung hơn vào cấp tỉnh và cấp xã. Điều đó đòi hỏi kiểm soát quyền lực ở cấp tỉnh phải được thiết kế chặt chẽ hơn, nhất là đối với người đứng đầu, tập thể lãnh đạo, cơ quan tham mưu và các lĩnh vực có nguy cơ cao.

Kiểm soát quyền lực ở cấp tỉnh cần tập trung vào bốn nhóm quyền lực chủ yếu: quyền quyết định chủ trương phát triển; quyền phân bổ nguồn lực; quyền tổ chức cán bộ; quyền thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm. Nếu những nhóm quyền lực này không được kiểm soát thực chất, địa phương có thể phát triển nhanh về hình thức nhưng tiềm ẩn rủi ro về sai phạm, thất thoát, lãng phí, bất bình đẳng, khiếu kiện và suy giảm niềm tin xã hội.

Cơ chế kiểm soát ở cấp tỉnh phải gắn với trách nhiệm giải trình của tập thể lãnh đạo và cá nhân người đứng đầu. Mọi quyết định lớn về quy hoạch, đầu tư công, quản lý đất đai, tài sản công, ngân sách, tổ chức cán bộ phải có căn cứ pháp lý, căn cứ thực tiễn, quy trình thẩm định độc lập, mức độ công khai phù hợp và cơ chế kiểm tra sau quyết định. Không thể để tình trạng quyền lực tập trung nhưng trách nhiệm phân tán; tập thể quyết định nhưng không rõ cá nhân chịu trách nhiệm; phân quyền mạnh nhưng thiếu chỉ số đánh giá kết quả.

Ba là, kiểm soát quyền lực ở cấp xã, phường, đặc khu. Đây là nơi quyền lực nhà nước tiếp xúc trực tiếp, thường xuyên nhất với người dân và doanh nghiệp. Trong mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, cấp xã không chỉ thực hiện các thủ tục hành chính thông thường, mà còn đảm nhận nhiều nhiệm vụ quản lý dân cư, đất đai, trật tự xây dựng, an sinh xã hội, hòa giải cơ

sở, tiếp công dân, giải quyết kiến nghị và cung ứng dịch vụ công. Vì vậy, kiểm soát quyền lực ở cấp xã phải được coi là tuyến đầu của kiểm soát quyền lực.

Đặc điểm của quyền lực cấp cơ sở là gần dân, sát dân, nhưng cũng dễ phát sinh quan hệ thân quen, nể nang, cục bộ, thỏa thuận không chính thức. Nếu thiếu cơ chế công khai, minh bạch, số hóa quy trình, giám sát cộng đồng và trách nhiệm giải trình rõ ràng, quyền lực cấp cơ sở có thể bị lạm dụng trong những việc tưởng nhỏ nhưng ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống người dân.

Kiểm soát quyền lực ở cấp xã cần chuyển mạnh từ quản lý bằng kinh nghiệm sang quản trị bằng quy trình, dữ liệu và chuẩn mực phục vụ. Mọi thủ tục liên quan đến người dân, doanh nghiệp phải có thời hạn rõ, trách nhiệm rõ, phí và lệ phí rõ, kết quả xử lý rõ, kênh phản ánh rõ, cơ chế xin lỗi và khắc phục rõ. Đây là điều kiện để chính quyền địa phương 2 cấp thật sự gần dân, phục vụ dân, chịu sự giám sát của dân.

3. Những yêu cầu đặt ra trong kiểm soát quyền lực hiệu quả

Mục tiêu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao đặt Việt Nam trước yêu cầu phải chuyển từ quản lý hành chính truyền thống sang quản trị phát triển hiện đại. Trong điều kiện đó, kiểm soát quyền lực cần đáp ứng năm yêu cầu cơ bản sau đây.

Thứ nhất, bảo đảm quyền lực được kiểm soát nhưng không bị ách tắc. Một nền quản trị tốt không chỉ ngăn chặn sai phạm, mà còn thúc đẩy quyết định đúng, kịp thời, hiệu quả. Nếu kiểm soát quyền lực được hiểu giản đơn là tăng thêm thủ tục, tăng thêm phê duyệt, tăng thêm tầng nấc xin ý kiến, quá trình phát triển có thể chậm lại và đội ngũ cán bộ dễ rơi vào tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm. Kiểm soát quyền lực hiệu quả phải phân biệt rõ kiểm soát với cản trở, thận trọng với trì trệ, chặt chẽ với hình thức, trách nhiệm với đùn đẩy.

Muốn vậy, phải thiết kế cơ chế kiểm soát dựa trên rủi ro. Những lĩnh vực, dự án, quyết định có rủi ro cao về thất thoát, tham nhũng, tác động xã hội lớn thì phải kiểm soát chặt hơn, nhiều lớp hơn. Những công việc thường xuyên, ít rủi ro, đã được chuẩn hóa thì cần đơn giản hóa quy trình, tăng hậu kiểm, giảm tiền kiểm, ứng dụng công nghệ để giám sát tự động.

Thứ hai, bảo đảm kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ. Công tác cán bộ là then chốt của then chốt. Mọi cơ chế kiểm soát quyền lực cuối cùng đều được vận hành bởi con người cụ thể. Nếu công tác cán bộ bị chi phối bởi chạy chức, chạy quyền, thân hữu, cục bộ, lợi ích nhóm, thì cơ chế kiểm soát dù chặt chẽ trên giấy cũng khó phát huy tác dụng trong thực tiễn.

Kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ phải bao quát toàn bộ quy trình: phát hiện, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm, luân chuyển, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, cho từ chức. Trọng tâm là chống chạy chức, chạy quyền; đồng thời bảo vệ cán bộ có năng lực, liêm chính, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung.

Đánh giá cán bộ cần chuyển mạnh từ nhận xét định tính sang đo lường bằng sản phẩm, kết quả, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp, chất lượng thực thi nhiệm vụ, khả năng đổi mới sáng tạo và năng lực giải quyết vấn đề thực tiễn. Đánh giá đúng cán bộ là điều kiện để giao quyền đúng, kiểm soát quyền lực đúng và sử dụng quyền lực có hiệu quả.

Thứ ba, bảo đảm kiểm soát quyền lực trong quản lý nguồn lực phát triển. Để đạt mục tiêu năm 2045, Việt Nam phải huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực rất lớn: đất đai, tài chính công, đầu tư công, tài sản công, tài nguyên, dữ liệu, nhân lực chất lượng cao, khoa học - công nghệ, nguồn lực xã hội và nguồn lực quốc tế. Quyền lực trong phân bổ nguồn lực là quyền lực có nguy cơ cao về lợi ích nhóm, thất thoát, lãng phí, tham nhũng.

Vì vậy, kiểm soát quyền lực trong quản lý nguồn lực phải dựa trên ba trụ cột: công khai, cạnh tranh và giải trình. Công khai để xã hội biết và giám sát; cạnh tranh để giảm xin - cho, giảm đặc quyền, đặc lợi; giải trình để mọi quyết định phân bổ nguồn lực đều có căn cứ, có người chịu trách nhiệm, có cơ chế kiểm tra, đánh giá sau thực hiện.

Thứ tư, bảo đảm kiểm soát quyền lực trong môi trường số. Chuyển đổi số vừa tạo công cụ mới để kiểm soát quyền lực, vừa làm phát sinh hình thức quyền lực mới: quyền lực dữ liệu. Khi thủ tục hành chính, dịch vụ công, quản lý dân cư, đất đai, tài chính, y tế, giáo dục, an sinh xã hội được số hóa, dữ liệu trở thành tài sản công đặc biệt quan trọng. Chủ thể nắm giữ, khai thác và kết nối dữ liệu có khả năng ảnh hưởng trực tiếp đến quyết định quản lý, phân bổ nguồn lực, tiếp cận dịch vụ và quyền lợi của người dân.

Do đó, kiểm soát quyền lực trong môi trường số phải bao gồm kiểm soát việc thu thập, chia sẻ, khai thác, bảo vệ và sử dụng dữ liệu công. Cần ngăn ngừa cả hai xu hướng: độc quyền dữ liệu trong khu vực công gây khép kín, thiếu minh bạch; và thương mại hóa, lạm dụng dữ liệu công trái pháp luật gây tổn hại quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp.

Thứ năm, bảo đảm Nhân dân là chủ thể giám sát quyền lực. Kiểm soát quyền lực chỉ hiệu quả khi Nhân dân có điều kiện thực chất để giám sát quyền lực. Sự giám sát đó được thực hiện thông qua bầu cử, tiếp xúc cử tri, phản ánh kiến nghị, khiếu nại, tố cáo, báo chí, truyền thông, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, cộng đồng dân cư và các nền tảng số.

Muốn Nhân dân giám sát được quyền lực, phải công khai thông tin theo hướng dễ tiếp cận, dễ hiểu, dễ kiểm tra; bảo vệ người phản ánh, tố cáo, đấu tranh chống tiêu cực; xử lý kịp thời phản ánh của Nhân dân; coi mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp là một thước đo quan trọng về hiệu quả kiểm soát quyền lực.

4. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm soát quyền lực theo tinh thần Đại hội XIV

Một là, hoàn thiện thể chế kiểm soát quyền lực đồng bộ, thống nhất. Trước hết, cần tiếp tục thể chế hóa đầy đủ nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát trong thực hiện quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Cần làm rõ hơn cơ chế kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước; giữa cơ quan dân cử với cơ quan hành chính; giữa cơ quan tư pháp với các chủ thể thực thi quyền lực; giữa Trung ương và địa phương; giữa cấp tỉnh và cấp xã; giữa người đứng đầu và tập thể lãnh đạo.

Thể chế kiểm soát quyền lực phải khắc phục tình trạng vừa chồng chéo, vừa bỏ trống. Chồng chéo làm giảm hiệu quả, gây đùn đẩy trách nhiệm; bỏ trống tạo khoảng mờ để lạm quyền. Mỗi quyền hạn được giao phải đi kèm một cơ chế kiểm soát tương ứng; mỗi cơ chế

kiểm soát phải xác định rõ chủ thể kiểm soát, nội dung kiểm soát, phương thức kiểm soát, hậu quả pháp lý và trách nhiệm xử lý.

Hai là, kiểm soát quyền lực của người đứng đầu. Người đứng đầu có vai trò quyết định trong tổ chức thực thi quyền lực. Nếu người đứng đầu liêm chính, có năng lực, dám chịu trách nhiệm, bộ máy có điều kiện vận hành thông suốt. Nếu người đứng đầu lạm quyền, né tránh trách nhiệm hoặc để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, thì cơ quan, đơn vị khó có thể trong sạch, hiệu quả.

Kiểm soát quyền lực người đứng đầu cần tập trung vào ba phương diện: quyền quyết định nhân sự, tài chính, tài sản, dự án, quy hoạch, chính sách; trách nhiệm nêu gương, đạo đức công vụ, quan hệ lợi ích, tài sản, thu nhập; kết quả thực hiện nhiệm vụ, mức độ hoàn thành cam kết, chất lượng phục vụ Nhân dân, năng lực xử lý vấn đề phát sinh. Cần thực hiện nghiêm cơ chế người đứng đầu chịu trách nhiệm khi để xảy ra sai phạm nghiêm trọng trong phạm vi quản lý; đồng thời bảo vệ người đứng đầu dám đổi mới, dám chịu trách nhiệm, không vụ lợi, hành động vì lợi ích chung.

Ba là, đổi mới kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán theo hướng phòng ngừa. Kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán là các công cụ quan trọng của kiểm soát quyền lực. Để hiệu quả hơn, các công cụ này cần chuyển mạnh từ phát hiện sau sai phạm sang cảnh báo, phòng ngừa rủi ro. Cần xây dựng hệ thống chỉ báo rủi ro trong các lĩnh vực nhạy cảm; áp dụng kiểm toán hoạt động, kiểm toán hiệu quả, kiểm toán môi trường, kiểm toán dữ liệu; tăng cường giám sát thường xuyên thông qua nền tảng số.

Đồng thời, cần kết nối dữ liệu giữa thanh tra, kiểm toán, kiểm tra Đảng, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và quản lý cán bộ. Khi dữ liệu được liên thông, dấu hiệu bất thường về tài sản, ngân sách, đấu thầu, đất đai, đầu tư công, bổ nhiệm cán bộ có thể được phát hiện sớm hơn, qua đó giảm chi phí xử lý hậu quả.

Bốn là, tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình. Công khai, minh bạch là điều kiện cơ bản để kiểm soát quyền lực. Không công khai thì Nhân dân không thể giám sát; không minh bạch thì trách nhiệm bị che khuất; không giải trình thì quyền lực dễ trở thành đặc quyền.

Cần mở rộng công khai đối với các nội dung có tác động lớn đến người dân và doanh nghiệp: quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, ngân sách, đầu tư công, đấu thầu, tuyển dụng công chức, bổ nhiệm cán bộ, thủ tục hành chính, kết quả giải quyết kiến nghị, kết luận thanh tra, kiểm toán, xử lý trách nhiệm sau thanh tra, kiểm tra. Công khai phải đi liền với khả năng tiếp cận thực chất; thông tin công khai nhưng khó hiểu, khó tìm, khó kiểm chứng thì chưa phải minh bạch đúng nghĩa.

Trách nhiệm giải trình cần được coi là nghĩa vụ thường xuyên của cơ quan công quyền. Mỗi quyết định hành chính, mỗi chính sách, mỗi dự án công, mỗi khoản chi ngân sách đều phải có căn cứ, mục tiêu, người chịu trách nhiệm, tiêu chí đánh giá và cơ chế kiểm tra sau thực hiện.

Năm là, đẩy mạnh chuyển đổi số trong kiểm soát quyền lực. Chuyển đổi số tạo điều kiện để kiểm soát quyền lực theo thời gian thực, giảm tiếp xúc trực tiếp, hạn chế xin - cho, tăng khả năng truy vết trách nhiệm. Cần xây dựng các hệ thống quản trị số trong giải quyết thủ tục hành chính, quản lý đầu tư công, mua sắm công, đất đai, tài sản công, ngân sách, cán bộ, tiếp công dân, xử lý đơn thư, phản ánh hiện trường.

Mỗi hồ sơ công vụ cần có mã số, thời hạn, trạng thái xử lý, cán bộ phụ trách, kết quả, phản hồi của người dân. Mỗi quyết định điều chỉnh quy hoạch, phê duyệt dự án, lựa chọn nhà thầu, giao đất, cho thuê đất, bổ nhiệm cán bộ cần để lại dấu vết số. Khi mọi thao tác quyền lực đều có thể truy vết, không gian tùy tiện, trì hoãn, nhũng nhiễu sẽ bị thu hẹp.

Tuy nhiên, chuyển đổi số chỉ có ý nghĩa kiểm soát quyền lực khi dữ liệu đúng, quy trình đúng, người vận hành đúng và quyền tiếp cận thông tin được bảo đảm. Nếu số hóa một quy trình thiếu minh bạch, thì chỉ là số hóa sự thiếu minh bạch. Vì vậy, chuyển đổi số phải đi cùng cải cách thể chế, chuẩn hóa quy trình và nâng cao đạo đức công vụ.

Sáu là, phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, báo chí và xã hội. Kiểm soát quyền lực hiệu quả phải kết hợp giữa kiểm soát bên trong hệ thống với giám sát từ bên ngoài. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cần được tạo điều kiện thực chất hơn để thực hiện giám sát, phản biện xã hội. Báo chí cần phát huy vai trò phát hiện, phản ánh, đấu tranh với sai phạm, đồng thời lan tỏa các mô hình tốt, cách làm hay, gương cán bộ liêm chính, tận tụy.

Cần hoàn thiện cơ chế tiếp nhận, xử lý và phản hồi kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; bảo vệ người tố cáo, người phản ánh tiêu cực; xử lý nghiêm hành vi trù dập, gây khó dễ đối với người giám sát. Ở cấp cơ sở, cần phát huy vai trò của cộng đồng dân cư trong giám sát công trình, dự án, ngân sách, chính sách an sinh, đất đai, môi trường, trật tự xây dựng.

Bảy là, xây dựng văn hóa liêm chính và đạo đức công vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức. Thể chế kiểm soát quyền lực dù chặt chẽ đến đâu cũng không thể thay thế hoàn toàn văn hóa liêm chính. Một nền công vụ trong sạch cần những cán bộ biết tự trọng, biết liêm sỉ, biết đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân, biết trọng danh dự và biết chịu trách nhiệm trước Đảng, Nhà nước, Nhân dân.

Cùng với hoàn thiện pháp luật, cần xây dựng văn hóa không tham nhũng, không lãng phí, không quan liêu, không vô cảm. Giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức công vụ phải gắn với tình huống thực tiễn, trách nhiệm nêu gương, đánh giá cán bộ, khen thưởng và kỷ luật. Cán bộ liêm chính, tận tụy, sáng tạo phải được ghi nhận, bảo vệ và trọng dụng; cán bộ suy thoái, cơ hội, vụ lợi phải bị sàng lọc, thay thế kịp thời.

5. Kết luận

Kiểm soát quyền lực hiệu quả theo tinh thần Đại hội XIV là yêu cầu có ý nghĩa chiến lược đối với xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản trị quốc gia và thực hiện mục tiêu phát triển đất nước đến năm 2045. Trong bối cảnh vận hành mô hình quản trị 3 cấp theo cấu trúc Trung ương - cấp tỉnh - cấp xã, vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, phân cấp, phân quyền mạnh hơn, chuyển đổi số sâu rộng hơn, kiểm soát quyền

lực phải được nhận thức không chỉ là công cụ phòng, chống lạm quyền, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, mà còn là phương thức bảo đảm cho quyền lực được vận hành đúng hướng, đúng pháp luật, đúng trách nhiệm và tạo ra hiệu quả phát triển.

Kiểm soát quyền lực hiệu quả phải dựa trên sự kết hợp đồng bộ giữa kiểm soát trong Đảng, kiểm soát của Nhà nước, giám sát của Nhân dân, giám sát xã hội, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, tư pháp, báo chí, dữ liệu số và văn hóa liêm chính. Trọng tâm là kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, trong phân bổ nguồn lực, trong hoạt động của người đứng đầu, trong vận hành chính quyền cấp tỉnh và cấp xã, trong quản lý dữ liệu và trong tổ chức thực thi chính sách.

Tinh thần Đại hội XIV đặt ra yêu cầu rất rõ: bộ máy phải tinh, gọn, mạnh; hoạt động phải hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; cán bộ phải có đức, có tài, có uy tín; Nhà nước phải quản lý, quản trị, kiến tạo phát triển; quyền lực phải được kiểm soát chặt chẽ; Nhân dân phải được phát huy quyền làm chủ. Thực hiện tốt các yêu cầu đó là điều kiện căn bản để củng cố niềm tin của Nhân dân, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hiện thực hóa mục tiêu phát triển đất nước phồn vinh, văn minh, hạnh phúc vào năm 2045.

Tiến sĩ Nguyễn Đức Thắng - Học viện Hành chính và Quản trị công

Nguồn: tcnnld.vn

Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, ngày 06/02/2026.

3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Chương trình hành động của Ban Chấp hành Trung ương Đảng thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, ngày 06/02/2026.

4. Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

5. Bộ Chính trị. Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11/7/2023 về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ.

6. Bộ Chính trị. Quy định số 131-QĐ/TW ngày 27/10/2023 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật Đảng và trong hoạt động thanh tra, kiểm toán.

7. Bộ Chính trị. Quy định số 132-QĐ/TW ngày 27/10/2023 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án.

8. Bộ Chính trị. Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27/6/2024 về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật.

9. Bộ Chính trị. Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa".

10. Quốc hội. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15.

11. Quốc hội. Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025.

CHUYỂN ĐỔI SỐ KIẾN TẠO NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN MỚI CHO THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Chuyển đổi số tại Hà Nội đang chuyển từ mở rộng các nền tảng công nghệ sang nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành và chất lượng phục vụ. Trên cả ba trụ cột chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, Thành phố từng bước hình thành phương thức vận hành dựa trên dữ liệu, lấy nhu cầu và sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo.

Từ iHanoi đến chính quyền số phục vụ người dân

Một trong những dấu ấn nổi bật là ứng dụng Công dân Thủ đô số iHanoi, chính thức ra mắt tháng 6/2024. Tính đến nay, iHanoi có trên 6,6 triệu tài khoản định danh, trung bình khoảng 180.000 lượt truy cập mỗi ngày. Hệ thống đã tiếp nhận, xử lý 263.395 phản ánh, kiến nghị, trong đó có 27.689 phản ánh về thủ tục hành chính và 235.706 phản ánh hiện trường. Bình quân mỗi tháng, ứng dụng tiếp nhận khoảng 25.000 phản ánh, kiến nghị.

Thông qua iHanoi, người dân có thể gửi phản ánh kèm hình ảnh, vị trí và nội dung mô tả, đồng thời theo dõi quá trình xử lý trên môi trường số. Thay vì phải tự tìm kiếm cơ quan chức năng hoặc trực tiếp đến nhiều đầu mối, người dân có thêm một kênh tiếp cận tập trung, thuận tiện và minh bạch hơn

Giá trị của nền tảng không chỉ nằm ở khả năng tiếp nhận thông tin mà còn ở việc thúc đẩy bộ máy chính quyền vào cuộc giải quyết những vấn đề phát sinh từ thực tiễn. Mỗi phản ánh của người dân trở thành một đầu việc cụ thể, đòi hỏi cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận, xử lý và phản hồi.

Cùng với chức năng phản ánh, kiến nghị, iHanoi tiếp tục mở rộng hệ sinh thái tiện ích thông qua các miniapp như Hanoigo phục vụ du lịch trải nghiệm, HanoiSmart Police hỗ trợ tương tác giữa người dân với lực lượng công an, ứng dụng tư vấn phòng cháy, chữa cháy trong quản lý và sử dụng điện, trường học số, HanoiCheck và các tiện ích liên quan đến bảo hiểm xã hội.

Tại lễ kỷ niệm Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2026, ông Nguyễn Anh Tuấn, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội nhấn mạnh chuyển đổi số không phải để có thêm ứng dụng, mà nhằm giải quyết tốt hơn những vấn đề thực tế của người dân.

Từ 73 ứng dụng, điểm tiếp cận riêng lẻ, Hà Nội định hướng tích hợp các dịch vụ, tiện ích trên iHanoi theo mô hình siêu ứng dụng (Super App). Mục tiêu không chỉ là tập hợp nhiều tính năng trên cùng một nền tảng, mà còn giảm số đầu mối người dân phải tìm kiếm, đơn giản hóa thao tác và nâng cao trải nghiệm sử dụng dịch vụ số.

Song song với iHanoi, Hà Nội tiếp tục nâng cấp hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và chuẩn hóa các cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong những lĩnh vực như đất đai, quy hoạch, y tế, giáo dục. Đây là nền tảng quan

trọng để các cơ quan nhà nước từng bước khai thác dữ liệu phục vụ xử lý công việc, hạn chế tình trạng thông tin phân tán và nâng cao chất lượng chỉ đạo, điều hành.

Đáng chú ý, thành phố đang triển khai "bộ não số" của Thủ đô là Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh (Hanoi IOC), hướng tới tích hợp dữ liệu và hỗ trợ quản lý trên môi trường điện tử. Hệ thống được triển khai thử nghiệm phục vụ bốn trục của hệ thống chính trị thành phố, gồm Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và Mặt trận Tổ quốc thành phố.

Đến cuối tháng 9/2026, hệ thống IOC Thành ủy đã cấu hình 84 chỉ số, cấp 28.000 tài khoản tại 134 cơ quan, đơn vị và tổ chức tập huấn cho 126 xã, phường. Các chức năng về bảng điều khiển, chỉ tiêu, bản đồ thông tin địa lý (GIS), cảnh báo, kết nối dữ liệu, quản lý tài khoản và phân quyền đang từng bước được triển khai, kiểm chứng qua thực tế vận hành.

Động lực phát triển kinh tế số, xã hội số

Cùng với chính quyền số, Hà Nội đang thúc đẩy chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội, từng bước đưa công nghệ trở thành động lực nâng cao năng suất, sức cạnh tranh và chất lượng cuộc sống.

Một điểm sáng là Hà Nội tiếp tục dẫn đầu cả nước về Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII), phản ánh những lợi thế về nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và môi trường đổi mới sáng tạo.

Thành phố triển khai các chương trình tư vấn chuyên sâu, hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây và tự động hóa nhằm tối ưu chi phí vận hành. Các viện nghiên cứu, trường đại học và khu công nghệ cao phát huy vai trò trong nghiên cứu, phát triển và ươm tạo công nghệ.

Hà Nội cũng chú trọng xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, trong đó Nhà nước kiến tạo môi trường phát triển, doanh nghiệp giữ vai trò trung tâm ứng dụng và thương mại hóa công nghệ, còn viện nghiên cứu, trường đại học và đội ngũ nhà khoa học cung cấp nguồn tri thức.

Tại Triển lãm Robot, Trí tuệ nhân tạo (AI) và STEM năm 2026 diễn ra ngày 08/10, bà Nguyễn Tố Quyên, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ Hà Nội, nhấn mạnh khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang trở thành động lực nâng cao năng suất, sức cạnh tranh và chất lượng cuộc sống của người dân Thủ đô.

Theo bà Quyên, điều quan trọng là tạo điều kiện để các kết quả nghiên cứu, ý tưởng có giá trị sớm được hoàn thiện thành sản phẩm, giải quyết những bài toán cụ thể của thành phố. Đây cũng là mục tiêu mà các hoạt động kết nối, giới thiệu công nghệ hướng tới.

Trong quá trình đó, Hà Nội từng bước mở rộng không gian thử nghiệm công nghệ mới thông qua cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox). Thành phố đã cho phép thí điểm sandbox đối với hai dự án xe tự hành và đất hiếm, tạo điều kiện thử nghiệm, đánh giá các mô hình và công nghệ trước khi xem xét khả năng thương mại hóa rộng rãi.

Bên cạnh đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số còn mở ra hướng phát triển mới cho các làng nghề truyền thống. Sản phẩm đặc trưng của Thủ đô từng bước được đưa lên sàn thương mại điện tử, đồng thời áp dụng các tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc. Việc mở rộng kênh phân phối

và minh bạch thông tin sản phẩm giúp các cơ sở sản xuất tiếp cận thị trường thuận lợi hơn, tạo cơ hội nâng cao giá trị hàng hóa truyền thống.

Ở trụ cột xã hội số, các tiện ích công nghệ ngày càng hiện diện trong đời sống thường nhật. Tài khoản thanh toán điện tử, ví điện tử và định danh số VNeID tạo điều kiện để người dân tiếp cận các dịch vụ số. Những mô hình như "tuyến phố không tiền mặt" và chợ truyền thống 4.0 được triển khai từ nội đô đến ngoại thành, góp phần thay đổi phương thức giao dịch và thanh toán.

Trong các lĩnh vực an sinh, bệnh án điện tử, khám chữa bệnh từ xa và hệ thống giáo dục số, lớp học thông minh mở ra khả năng nâng cao chất lượng phục vụ, hỗ trợ người dân tiếp cận dịch vụ thuận tiện hơn.

Chuyển đổi số vì vậy không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan quản lý hay doanh nghiệp công nghệ, mà cần trở thành một phần trong hoạt động học tập, chăm sóc sức khỏe, sản xuất và tiêu dùng của cộng đồng.

Để các kết quả này phát huy hiệu quả bền vững, Hà Nội đang tập trung triển khai đồng bộ nhiều nhiệm vụ trọng tâm. Trong đó, hoàn thiện hạ tầng số, nâng cao năng lực kết nối và khai thác dữ liệu đi đôi với bảo đảm an toàn thông tin mạng, phòng, chống tấn công mã độc và bảo vệ dữ liệu cá nhân theo mô hình bốn lớp.

Thành phố đồng thời chú trọng phát triển nguồn nhân lực số, đẩy mạnh các chiến dịch tập huấn kỹ năng số cộng đồng, phổ biến kiến thức về thương mại điện tử và an toàn thông tin đến các tổ chuyển đổi số cộng đồng tại khu dân cư. Khu vực ngoại thành và các làng nghề truyền thống được quan tâm nhằm thu hẹp khoảng cách số, tạo điều kiện để nhiều nhóm người dân cùng tham gia và hưởng lợi từ quá trình chuyển đổi.

Ngày 14/7/2026, Uỷ ban Nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Kế hoạch số 277/KH-UBND về triển khai đợt cao điểm 100 ngày thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số. Kế hoạch đặt ra yêu cầu tháo gỡ những điểm nghẽn về dữ liệu, dịch vụ công và hạ tầng số; đẩy nhanh xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung, nâng cao hiệu quả chính quyền số và kinh tế số. Ý nghĩa của đợt cao điểm không chỉ nằm ở số lượng phần mềm được triển khai hay hồ sơ được số hóa, mà còn ở khả năng chuyển hóa công nghệ thành hiệu quả quản trị và chất lượng phục vụ. Thước đo quan trọng là các thủ tục có được giải quyết thuận tiện hơn, thông tin có dễ tiếp cận hơn và những vướng mắc của người dân, doanh nghiệp có được xử lý nhanh chóng, minh bạch hơn hay không.

Đây cũng là yêu cầu xuyên suốt trong định hướng chuyển đổi số của Hà Nội: lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả, lấy dữ liệu số làm tài nguyên cốt lõi phục vụ ra quyết định và coi an toàn, an ninh mạng là điều kiện tiên quyết.

Trong bối cảnh triển khai Nghị quyết 57 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Hà Nội đang từng bước kết hợp các nguồn lực về thể chế, công nghệ, dữ liệu và con người để tạo động lực phát triển mới. Chuyển đổi số không còn là một nhiệm vụ kỹ thuật riêng lẻ, mà gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo, quản lý, điều hành và phục vụ xã hội.

Từ iHanoi, Hanoi IOC đến các hoạt động thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, những dấu ấn chuyển đổi số của Thủ đô đang được thể hiện qua cả nền tảng công nghệ lẫn những thay đổi trong cách giải quyết công việc hằng ngày. Quá trình này vẫn cần tiếp tục hoàn thiện, nhưng hướng đi ngày càng rõ ràng: công nghệ phải phục vụ con người, dữ liệu phải tạo ra giá trị và đổi mới sáng tạo phải gắn với nhu cầu thực tiễn.

Nguồn: vietnamnet.vn

DỊCH VỤ CÔNG THẾ HỆ MỚI: ĐỔI MỚI TỪ DỮ LIỆU, THỂ CHẾ ĐẾN CÁCH PHỤC VỤ

Ngày 24/6/2026, Chính phủ ban hành Nghị định số 224/2026/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Chuyển đổi số. Việc hoàn thiện hành lang pháp lý đặt ra yêu cầu đưa các quy định vào thực tiễn, từ tổ chức dữ liệu, đầu tư cho chuyển đổi số đến đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ công.

Chuyển đổi số không còn chỉ là câu chuyện đưa thủ tục hành chính lên môi trường trực tuyến, mà hướng tới thay đổi phương thức vận hành của cơ quan nhà nước, tăng cường khai thác dữ liệu và chủ động đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia cũng nhấn mạnh Nhà nước giữ vai trò dẫn dắt, thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

Trong bối cảnh đó, vừa qua, Tọa đàm "Chính phủ số và dịch vụ công thế hệ mới" trong khuôn khổ Diễn đàn Cấp cao Chuyển đổi số quốc gia, đã tập trung thảo luận những vấn đề đặt ra khi đưa các định hướng, quy định về chuyển đổi số vào thực tiễn, từ dữ liệu, đầu tư, quản trị đến ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI).

Từ hoàn thiện thể chế đến giải bài toán dữ liệu

Phát biểu tại Diễn đàn, ông Trần Duy Ninh, Cục trưởng Cục Chuyển đổi số quốc gia, cho rằng để tạo ra những thay đổi thực chất trong hoạt động của cơ quan nhà nước cũng như đời sống người dân, doanh nghiệp, cần tập trung giải quyết những bài toán cụ thể thay vì chỉ trao đổi về công nghệ hay các nền tảng số riêng lẻ.

Một trong những vấn đề trọng tâm là dữ liệu. Theo ông Trần Duy Ninh, khoảng 125 cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu trọng yếu và cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã và đang được triển khai xây dựng. Tuy nhiên, việc hình thành các cơ sở dữ liệu mới chỉ là bước đầu. Điều quan trọng hơn là dữ liệu phải được kết nối, chia sẻ và tái sử dụng để phục vụ người dân hiệu quả.

Nguyên tắc chỉ khai báo một lần, dữ liệu được sử dụng lại và dịch vụ công được cung cấp chủ động được xác định là hướng đi quan trọng. Theo đó, thay vì yêu cầu người dân nhiều lần cung cấp những thông tin mà cơ quan nhà nước đã có, hệ thống cần có khả năng khai thác dữ liệu phù hợp để hỗ trợ hoàn thiện hồ sơ và thực hiện thủ tục.

Sự thay đổi này đòi hỏi các cơ quan không chỉ xây dựng cơ sở dữ liệu mà còn phải bảo đảm chất lượng, tính thống nhất và khả năng khai thác dữ liệu. Khi dữ liệu không đầy đủ, thiếu chính xác hoặc chưa sẵn sàng chia sẻ, việc tự động hóa quy trình và chủ động cung cấp dịch vụ sẽ gặp nhiều hạn chế.

Tại tọa đàm, Phó Giáo sư, Tiến sỹ Hoàng Hữu Hạnh, Phó Cục trưởng Cục Chuyển đổi số quốc gia cũng nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm dữ liệu "đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung." Theo Phó Giáo sư, Tiến sỹ Hoàng Hữu Hạnh, vấn đề không chỉ nằm ở việc dữ liệu đã được thu thập hay chưa, mà còn ở khả năng sẵn sàng sử dụng dữ liệu trong các quy trình thực tế.

Bên cạnh dữ liệu, hiệu quả đầu tư cũng là bài toán được đặt ra. Theo ông Trần Duy Ninh, việc tổ chức đầu tư, quản lý chất lượng và đo lường hiệu quả các hệ thống số cần được thực hiện đồng bộ, tránh đầu tư phân tán, trùng lặp và lãng phí nguồn lực.

Trong nội dung này, Khung Kiến trúc tổng thể quốc gia số có vai trò định hướng cách thức tổ chức các hệ thống số, giúp bảo đảm tính thống nhất trong tổng thể nhưng vẫn dành không gian cho các giải pháp phù hợp với đặc thù từng địa phương.

Ông Trần Duy Ninh cho rằng yêu cầu đặt ra là vừa bảo đảm sự thống nhất trong quản trị quốc gia, vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương, nhất là ở cấp xã - nơi người dân trực tiếp tiếp xúc với chính quyền. Khung kiến trúc không nên được hiểu như một khuôn khổ cứng nhắc khiến địa phương không còn không gian đổi mới, mà cần tạo nền tảng chung để các giải pháp được triển khai đồng bộ và hiệu quả.

Cùng với đó, ứng dụng AI trong quản trị và cung cấp dịch vụ công thế hệ mới cần được khuyến khích, nhưng phải đi kèm tiêu chuẩn an toàn, cơ chế thử nghiệm có kiểm soát, bảo vệ dữ liệu cá nhân và xác định rõ trách nhiệm của các chủ thể tham gia. Từ những vấn đề này, ông Trần Duy Ninh nhấn mạnh chuyển đổi số không chỉ là bài toán công nghệ, mà trước hết còn là bài toán về thể chế, mô hình quản trị và cách thức tổ chức thực hiện.

Đưa công nghệ vào thực tiễn, lấy hiệu quả phục vụ làm thước đo

Nếu dữ liệu và thể chế tạo nền tảng, việc chuyển đổi phương thức hoạt động của cơ quan nhà nước là điều kiện để dịch vụ công chủ động phát huy hiệu quả.

Theo Tiến sỹ Đỗ Trung Anh, Giám đốc Trung tâm Đổi mới sáng tạo, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, khó khăn không chỉ nằm ở việc triển khai công nghệ mà còn ở sự thay đổi của toàn bộ quy trình nghiệp vụ xung quanh dịch vụ công. Các đơn vị cung cấp dịch vụ cần thay đổi tư duy, nghiệp vụ, thái độ và tinh thần làm việc, hướng tới cách phục vụ lấy người dân làm trung tâm.

Ông Hoàng Hữu Hạnh nhấn mạnh nguyên tắc khai báo một lần, sử dụng nhiều lần, đồng thời cho rằng cần tạo điều kiện cho việc thí điểm các mô hình và giải pháp mới trước khi triển khai trên diện rộng.

Đối với AI, cần xác định rõ những công việc có thể tự động hóa, mức độ AI hỗ trợ con người và những quyết định vẫn phải do con người chịu trách nhiệm. Cùng với việc hoàn thiện

cơ chế, chính sách và tháo gỡ vướng mắc trong đầu tư, việc nâng cao năng lực số cho đội ngũ cán bộ là điều kiện cần thiết để các hệ thống được vận hành hiệu quả.

Ông Hoàng Hữu Hạnh cho rằng việc hoàn thiện hành lang pháp lý cần được tiếp nối bằng quá trình hướng dẫn, triển khai và tháo gỡ các vướng mắc trong thực tiễn. Cục Chuyển đổi số quốc gia sẽ tiếp tục tổng hợp ý kiến từ các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, viện, trường và đối tác quốc tế để nghiên cứu, thử nghiệm và đưa các mô hình phù hợp vào ứng dụng.

Từ dữ liệu dùng chung, đầu tư hiệu quả đến ứng dụng AI có kiểm soát, các nội dung thảo luận tại diễn đàn cho thấy dịch vụ công thế hệ mới không chỉ là sự thay đổi về công nghệ. Đó còn là quá trình đổi mới tư duy quản trị, tổ chức lại quy trình và nâng cao năng lực thực thi.

Khi dữ liệu được khai thác hiệu quả, quy trình được thiết kế phù hợp và cơ quan nhà nước chủ động hơn trong phục vụ, chuyển đổi số mới có thể tạo ra những thay đổi cụ thể trong trải nghiệm của người dân, doanh nghiệp. Đây cũng là thước đo quan trọng để đánh giá hiệu quả của quá trình xây dựng Chính phủ số.

Nguồn: vietnamnet.vn

THÍ ĐIỂM TRIỂN KHAI DỊCH VỤ CÔNG QUA MẠNG BƯU CHÍNH CÔNG CỘNG TẠI HÀ NỘI, HUẾ, GIA LAI

Ngày 13/10/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà ký Quyết định số 1969/QĐ-TTg phê duyệt "Đề án thí điểm triển khai dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng tại thành phố Hà Nội, thành phố Huế và tỉnh Gia Lai" (Đề án).

Mục tiêu tổng quát của Đề án là hình thành và tổ chức thí điểm mô hình Điểm cung cấp dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng nằm độc lập với Trung tâm Phục vụ hành chính công nhằm mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ công của người dân, doanh nghiệp; bố trí nhân viên bưu chính đảm nhận một số công việc tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Điểm cung cấp dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng. Trên cơ sở thực hiện thí điểm, đánh giá khả năng từng bước thay thế một số nhiệm vụ, dịch vụ hành chính công mà Nhà nước không nhất thiết trực tiếp thực hiện cho các tổ chức, doanh nghiệp có đủ điều kiện, góp phần nâng cao hiệu quả cải cách thủ tục hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, nâng cao chất lượng phục vụ và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp.

Cụ thể, 100% Điểm tham gia thí điểm thực hiện hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến, đăng ký thực hiện thủ tục hành chính, đăng ký, kích hoạt tài khoản VNeID theo quy định; tra cứu quá trình giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính và thanh toán trực tuyến đối với các thủ tục hành chính đủ điều kiện.

Lựa chọn tối thiểu 10% tổng số điểm thuộc mạng bưu chính công cộng trên địa bàn từng địa phương để thí điểm giao nhân viên bưu chính tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo phạm vi được giao.

Phấn đấu lựa chọn tối thiểu 20% tổng số thủ tục hành chính thuộc phạm vi tiếp nhận tại các Trung tâm trên địa bàn từng địa phương để thí điểm giao nhân viên bưu chính thực hiện các công đoạn: tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; ưu tiên lựa chọn các thủ tục hành chính thiết yếu, phát sinh nhiều, hồ sơ đơn giản, mức độ rủi ro thấp và có khả năng thực hiện trên môi trường số.

Giảm tải công việc cho Trung tâm Phục vụ hành chính công, tạo điều kiện tập trung nguồn lực cho cơ quan giải quyết thủ tục hành chính thông qua việc bổ sung các Điểm tại phường, xã có địa bàn rộng. Trên cơ sở kết quả thí điểm, nghiên cứu, đánh giá khả năng từng bước thay thế việc tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp đủ điều kiện thực hiện.

Mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ công cho người cao tuổi, người khuyết tật, người hạn chế kỹ năng số và người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn khó khăn.

7 nhiệm vụ, giải pháp

Để thực hiện được các mục tiêu nêu trên, Quyết định đưa ra 7 nhiệm vụ, giải pháp cụ thể bao gồm: 1- Xây dựng, hoàn thiện cơ sở pháp lý và cơ chế triển khai thí điểm dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng; 2- Xây dựng mô hình thí điểm; 3- Lựa chọn Điểm và thủ tục hành chính thí điểm; 4- Lựa chọn địa bàn, quy mô và thời gian thực hiện; 5- Phạm vi, công việc thực hiện; 6- Bảo đảm các điều kiện tổ chức và vận hành; 7- Theo dõi, kiểm tra, đánh giá và báo cáo.

Về xây dựng mô hình thí điểm, Quyết định nêu rõ, thí điểm giao Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam bố trí nhân viên bưu chính đảm nhận công việc tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết một số thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và Điểm cung cấp dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng theo phạm vi được cơ quan có thẩm quyền giao.

Điểm cung cấp dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng là điểm phục vụ thuộc mạng bưu chính công cộng, được tổ chức ngoài Trung tâm Phục vụ hành chính công để thực hiện một số công việc trong quá trình cung cấp dịch vụ công theo phạm vi được cơ quan có thẩm quyền giao (Điểm).

Điểm chỉ thực hiện các công việc được giao trong quá trình cung cấp dịch vụ công theo phạm vi được cơ quan có thẩm quyền giao; không làm thay đổi thẩm quyền, trách nhiệm của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong giải quyết thủ tục hành chính.

Lựa chọn Điểm và thủ tục hành chính thí điểm

Ưu tiên lựa chọn Điểm tại vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, địa bàn xa Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc nơi người dân khó tiếp cận dịch vụ công; đồng thời xem xét các khu công nghiệp, khu vực đô thị có nhu cầu giao dịch lớn.

Việc lựa chọn Điểm căn cứ vào nhu cầu phục vụ, quy mô dân cư, lưu lượng hồ sơ, khoảng cách đến Trung tâm Phục vụ hành chính công, điều kiện hạ tầng, khả năng kết nối và điều kiện thực tế của từng địa phương.

Yêu cầu thủ tục hành chính lựa chọn đưa vào thí điểm như sau:

Đơn giản, rủi ro thấp, phát sinh thường xuyên và phù hợp nhu cầu thực tế.

Thuộc thẩm quyền tiếp nhận không phụ thuộc địa giới hành chính hoặc thẩm quyền giải quyết của địa phương thực hiện thí điểm.

Đã được công bố, công khai đầy đủ về quy trình, thành phần hồ sơ, biểu mẫu, phí, lệ phí, thời hạn và kết quả giải quyết.

Có khả năng kết nối, tiếp nhận, số hóa, luân chuyển, theo dõi và trả kết quả trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, cổng Dịch vụ công quốc gia.

Phù hợp điều kiện hạ tầng, nhân lực và khả năng quản lý, kiểm tra, giám sát của địa phương.

Quyết định nêu rõ, không lựa chọn các thủ tục hành chính có hồ sơ, tài liệu chứa bí mật nhà nước hoặc thủ tục yêu cầu xác minh, kiểm tra thực tế mà không đáp ứng điều kiện thực hiện tại Điểm.

Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tại từng Điểm phải được công khai, trong đó xác định rõ tên, mã thủ tục hành chính, lĩnh vực, cơ quan giải quyết, công đoạn thực hiện tại Điểm và phương thức trả kết quả.

Danh sách Điểm, địa chỉ, thời gian phục vụ, danh mục thủ tục hành chính và phạm vi công việc được thực hiện phải được công khai trước khi Điểm đi vào hoạt động.

Việc điều chỉnh, bổ sung danh mục thủ tục hành chính được lựa chọn thí điểm trên cơ sở kết quả thực hiện, nhu cầu thực tế và điều kiện tổ chức triển khai nhưng không làm thay đổi mục tiêu, nguyên tắc, phạm vi thí điểm của Đề án.

Lựa chọn địa bàn, quy mô và thời gian thực hiện

Địa bàn thí điểm gồm thành phố Hà Nội, thành phố Huế và tỉnh Gia Lai.

Quy mô thí điểm: Gồm toàn bộ các Điểm thực hiện công việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến; đăng ký, kích hoạt tài khoản VNeID; tra cứu quá trình giải quyết thủ tục hành chính và thanh toán trực tuyến phí, lệ phí với tất cả các thủ tục hành chính đủ điều kiện; lựa chọn tối thiểu 10% tổng số Điểm của từng địa phương thí điểm để giao nhân viên bưu chính thực hiện tiếp nhận, số hóa hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo Đề án.

Đề án được thực hiện theo các giai đoạn sau:

- Giai đoạn chuẩn bị:

Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực (13/10/2026), các địa phương thực hiện thí điểm chuẩn bị các điều kiện nguồn lực cần thiết; phối hợp với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam dự kiến lựa chọn Điểm, danh mục thủ tục hành chính và công việc khác liên quan để đưa Điểm vào hoạt động.

Trình Chính phủ dự thảo Nghị quyết về thí điểm triển khai dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng tại 03 địa phương theo trình tự, thủ tục rút gọn của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- Giai đoạn triển khai thí điểm: Thực hiện trong 12 tháng kể từ ngày Nghị quyết của Chính phủ về thí điểm triển khai dịch vụ công qua mạng bưu chính công cộng tại 03 địa phương có hiệu lực.

- Giai đoạn tổng kết, đánh giá: Dự kiến quý I năm 2028.

Nguồn: baochinhphu.vn

CƠ CHẾ THU HÚT CHUYÊN GIA, TÀI NĂNG TRẺ TRONG HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, KHAI THÁC DỮ LIỆU

Ngày 12/10/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng thay mặt Chính phủ ký ban hành Nghị định số 386/2026/NĐ-CP quy định cơ chế đột phá phát triển cho hoạt động sáng

tạo, khai thác dữ liệu quốc gia; hoạt động sáng tạo, khai thác dữ liệu tại Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Nghị định này gồm 5 chương, 54 điều quy định về:

Cơ chế đột phá phát triển cho hoạt động sáng tạo, khai thác dữ liệu quốc gia gồm: cơ chế thu hút chuyên gia, tài năng trẻ và sáng kiến đột phá về hoạt động sáng tạo, khai thác dữ liệu; cơ chế tiếp cận, khai thác dữ liệu; cơ chế tài chính và đầu tư mạo hiểm; cơ chế đột phá về không gian đổi mới sáng tạo dữ liệu; cơ chế đột phá phát triển sản phẩm, dịch vụ dữ liệu, kinh tế dữ liệu.

Cơ chế đột phá phát triển cho hoạt động sáng tạo, khai thác dữ liệu tại Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Đối tượng áp dụng: Trung tâm Sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc Trung tâm dữ liệu quốc gia (Trung tâm); cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài có liên quan tới hoạt động trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo, khai thác dữ liệu tại Việt Nam.

Cơ chế ưu đãi chuyên gia, tài năng trẻ trong hoạt động đổi mới sáng tạo

Về cơ chế thu hút chuyên gia, tài năng trẻ trong hoạt động đổi mới sáng tạo, khai thác dữ liệu, Điều 5 của Nghị định quy định như sau:

1. Chuyên gia, tài năng trẻ trong hoạt động đổi mới sáng tạo, khai thác dữ liệu bao gồm:

a) Chuyên gia dữ liệu là người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm, công trình, sản phẩm, giải pháp, sáng chế, giải pháp hữu ích, mô hình công nghệ, kết quả nghiên cứu hoặc thành tích được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, tổ chức nghề nghiệp, cơ sở nghiên cứu, đào tạo hoặc doanh nghiệp công nghệ uy tín xác nhận thuộc một trong các lĩnh vực về dữ liệu, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, an ninh dữ liệu hoặc lĩnh vực có liên quan;

b) Tài năng trẻ là công dân Việt Nam từ đủ 16 tuổi đến 35 tuổi tính đến năm được phát hiện, tuyển chọn, tôn vinh, có thành tích, giải thưởng uy tín cấp quốc gia, quốc tế hoặc có công trình, sản phẩm, giải pháp, sáng kiến, mô hình công nghệ, kết quả nghiên cứu, dự án khởi nghiệp sáng tạo có tiềm năng ứng dụng, thương mại hóa thuộc một trong các lĩnh vực dữ liệu, công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, an ninh dữ liệu hoặc lĩnh vực có liên quan.

2. Bộ trưởng Bộ Công an quyết định tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể trong việc xác định chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, cá nhân có tài năng, tài năng trẻ trong hoạt động đổi mới sáng tạo, khai thác dữ liệu thuộc phạm vi quản lý, bao gồm:

a) Thành tích, giải thưởng, chứng nhận chuyên môn uy tín trong nước hoặc quốc tế;

b) Công trình khoa học, sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm, dịch vụ, mô hình công nghệ dữ liệu đã được công bố, ứng dụng, thử nghiệm hoặc thương mại hóa;

c) Kinh nghiệm chủ trì, tham gia triển khai nhiệm vụ, dự án về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an ninh dữ liệu, hạ tầng dữ liệu, phân tích dữ liệu hoặc công nghệ số;

d) Trình độ chuyên môn, học hàm, học vị, chứng chỉ đào tạo chuyên sâu phù hợp với lĩnh vực dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, công nghệ số.

3. Nhà nước thực hiện cơ chế đặc thù để thu hút, trọng dụng chuyên gia, tài năng trẻ trong và ngoài nước có trình độ cao tham gia hoạt động sáng tạo, nghiên cứu, phát triển, phân tích, quản trị, chia sẻ và khai thác dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với các hình thức như tham gia theo nhiệm vụ, chương trình, dự án hoặc hợp đồng hoặc làm việc lâu dài trong cơ quan nhà nước.

Áp dụng cơ chế thỏa thuận đặc thù với chuyên gia, tài năng trẻ về tiền lương, tiền thưởng

4. Chuyên gia, tài năng trẻ quy định tại khoản 1 nêu trên được hưởng một hoặc một số cơ chế ưu đãi sau đây:

a) Tuyển dụng, tiếp nhận, ký hợp đồng đối với chuyên gia, tài năng trẻ từ đủ 18 tuổi tại đơn vị theo quy định trên cơ sở năng lực, sản phẩm, bằng chứng về kết quả công trình nghiên cứu, sản phẩm công nghệ, bài báo khoa học hoặc giải pháp đã được ứng dụng thực tiễn; số năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực dữ liệu, trí tuệ nhân tạo hoặc công nghệ số; kết quả đánh giá hồ sơ theo tiêu chí công khai trước khi tiến hành tuyển dụng và kết quả đầu ra;

b) Hưởng thù lao, tiền thưởng, mức hỗ trợ tăng thêm, quyền lợi vật chất và phi vật chất khác tương xứng với trình độ, năng lực, giá trị đóng góp và hiệu quả công việc theo quy định tại khoản 5 dưới đây;

c) Được giao quyền chủ trì hoặc tham gia thực hiện đồng thời nhiều nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, dự án dữ liệu quan trọng;

d) Áp dụng cơ chế phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, ươm tạo, hỗ trợ nghiên cứu, thử nghiệm, phát triển tài năng và quy định tại điểm b, điểm c khoản này đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi.

5. Cơ quan, tổ chức được áp dụng cơ chế thỏa thuận đặc thù với chuyên gia, tài năng trẻ về tiền lương, tiền thưởng, quyền sở hữu trí tuệ, quyền khai thác kết quả nghiên cứu, phân chia lợi ích từ sản phẩm, dịch vụ, sáng kiến và giá trị gia tăng tạo ra từ hoạt động sáng tạo, khai thác dữ liệu, bảo đảm công khai, minh bạch, hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, tổ chức sử dụng và chuyên gia, tài năng trẻ, theo các nguyên tắc sau:

a) Thu nhập được xác định theo hiệu quả nhiệm vụ được giao, vị trí đảm nhiệm, sản phẩm tạo ra, mức độ đóng góp và kết quả đầu ra;

b) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt mức thu nhập, thưởng, tỷ lệ phân chia lợi ích, sau khi có ý kiến của bộ phận chuyên môn hoặc hội đồng đánh giá. Đối với nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước, thẩm quyền phải phù hợp với quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và quy định pháp luật khác có liên quan;

c) Nguồn kinh phí chi trả: nguồn ngân sách nhà nước theo nhiệm vụ được giao; nguồn thu hợp pháp của đơn vị; nguồn xã hội hóa, tài trợ, viện trợ theo quy định pháp luật. Việc sử dụng kinh phí phải đúng mục đích, đúng dự toán, có chứng từ và kiểm soát nội bộ.

Chuyên gia, tài năng trẻ được hưởng các ưu đãi tốt nhất về thuế thu nhập cá nhân

6. Chuyên gia, tài năng trẻ được hưởng các ưu đãi tốt nhất về thuế thu nhập cá nhân theo quy định pháp luật về thuế; được áp dụng quy định về miễn thuế thu nhập cá nhân tương tự như quy định của pháp luật về chính sách tài chính trong Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

7. Chuyên gia, tài năng trẻ được hưởng ưu đãi theo Điều này phải có cam kết về nhiệm vụ, sản phẩm, kết quả đầu ra, tiến độ thực hiện và nghĩa vụ tuân thủ pháp luật, thỏa thuận, hợp đồng hoặc quyết định giao nhiệm vụ.

Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp áp dụng chính sách ưu đãi đối với chuyên gia, tài năng trẻ có trách nhiệm đánh giá định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ, mức độ hoàn thành sản phẩm đầu ra và hiệu quả đóng góp của chuyên gia, tài năng trẻ dựa trên nhiệm vụ, sản phẩm, mốc tiến độ và chỉ số đầu ra đã được thỏa thuận trong hợp đồng hoặc quyết định giao nhiệm vụ. Trước khi đưa ra kết luận về việc không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nghĩa vụ, cơ quan, tổ chức tạo điều kiện để chuyên gia, tài năng trẻ giải trình bằng văn bản hoặc trực tiếp và lưu vào hồ sơ đánh giá.

Việc chấm dứt, điều chỉnh hoặc thu hồi ưu đãi được thực hiện theo thỏa thuận, hợp đồng, quyết định áp dụng ưu đãi và quy định của pháp luật trong trường hợp chuyên gia, tài năng trẻ không hoàn thành cam kết đầu ra, vi phạm nghĩa vụ, sử dụng ưu đãi sai mục đích, không còn đáp ứng điều kiện hưởng ưu đãi hoặc có hành vi gian lận, cố ý vi phạm pháp luật.

Không thu hồi ưu đãi đối với các rủi ro khách quan đã được nhận diện, báo cáo và xử lý đúng quy trình; các kết quả thử nghiệm thất bại nhưng nằm trong phạm vi rủi ro được chấp nhận của hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 52 của Nghị định này và quy định pháp luật khác có liên quan.

Nguồn: baochinhphu.vn

PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN "HỆ THỐNG HỌC LIỆU SỐ QUỐC GIA ĐỐI VỚI GIÁO DỤC PHỔ THÔNG"

Ngày 12/10/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu ký Quyết định số 1965/QĐ-TTg phê duyệt Đề án "Hệ thống học liệu số quốc gia đối với giáo dục phổ thông".

Hệ thống học liệu số quốc gia đối với giáo dục phổ thông (Hệ thống) là hạ tầng học liệu số dùng chung phục vụ giáo dục phổ thông, được Nhà nước quản lý thống nhất; bảo đảm tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số, kiến trúc số ngành giáo dục và quy định của pháp luật có liên quan. Quyền tác giả, quyền liên quan đối với học liệu do các tổ chức, cá nhân tạo lập được tôn trọng, bảo hộ theo quy định của pháp luật.

Hệ thống được thiết kế theo hướng mở, liên thông, lấy dữ liệu làm trung tâm; ưu tiên kế thừa, kết nối, khai thác các hạ tầng, nền tảng, dịch vụ và thành phần dùng chung của quốc gia.

Bảo đảm công bằng tiếp cận nguồn học liệu số chất lượng cao, chuẩn hóa và miễn phí cho mọi học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục trên cả nước; ưu tiên nguồn lực, hạ tầng, thiết bị và giải pháp truy cập cho học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, học sinh khuyết tật.

Hệ thống đồng bộ, hiện đại, liên thông, phục vụ đổi mới giáo dục phổ thông

Mục đích của Đề án là xây dựng Hệ thống đồng bộ, hiện đại, liên thông và dùng chung, phục vụ đổi mới giáo dục phổ thông; bảo đảm học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục được tiếp cận, khai thác học liệu số có chất lượng, phù hợp với nhu cầu dạy và học.

Về thể chế: Đề án phấn đấu hoàn thiện các văn bản, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định về định danh, thẩm định, bản quyền, quản lý, chia sẻ và khai thác học liệu số theo quy định của pháp luật; vận hành hiệu quả cơ chế bản quyền, chính sách khuyến khích đóng góp và cơ chế phối hợp liên ngành.

Về hạ tầng: Cổng học liệu số quốc gia đối với giáo dục phổ thông (Cổng học liệu số) được xây dựng, vận hành ổn định, an toàn, đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng tại 100% cơ sở giáo dục phổ thông trên phạm vi toàn quốc theo quy mô và yêu cầu kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Về học liệu: Hoàn thành bộ học liệu lõi quốc gia đối với các môn học, cấp học theo Chương trình giáo dục phổ thông, ưu tiên học liệu tương tác đa phương tiện, mô phỏng thực tế và thí nghiệm ảo.

Về người dùng: Giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, học sinh được bồi dưỡng năng lực số theo lộ trình, bảo đảm đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng và đóng góp học liệu số; học liệu được khai thác thường xuyên; mức độ hài lòng của người dùng đạt yêu cầu.

Về kết nối, chia sẻ dữ liệu và xác thực người dùng: Danh mục và dữ liệu học liệu số đã được chuẩn hóa được kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu, nền tảng dữ liệu quốc gia có liên quan; kết nối với ứng dụng định danh quốc gia (VNeID) và các phương thức xác thực phù hợp khác phục vụ xác thực người dùng; bảo đảm học sinh không bị hạn chế quyền tiếp cận học liệu do chưa có tài khoản định danh điện tử; đối với học liệu công khai, miễn phí, không bắt buộc đăng nhập. Danh mục và dữ liệu học liệu số được kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về trí tuệ nhân tạo trong lĩnh vực giáo dục phục vụ phát triển, huấn luyện các mô hình trí tuệ nhân tạo trong giáo dục.

Về an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân: Hệ thống được bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ phù hợp; tuân thủ pháp luật về an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

Về công bằng giáo dục: Học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tiếp cận nguồn học liệu chất lượng cao như học sinh khu vực đô thị và các vùng thuận lợi, góp phần thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa các vùng, miền.

Cấu trúc và các thành phần của hệ thống

Hệ thống là hạ tầng học liệu số dùng chung, gồm các thành phần chủ yếu sau: (i) Cổng học liệu số; (ii) Kho học liệu số quốc gia; (iii) Nền tảng quản lý và khai thác học liệu số; (iv)

Hệ thống dữ liệu và các dịch vụ kết nối, chia sẻ; (v) Hạ tầng kỹ thuật bảo đảm vận hành Hệ thống. Hệ thống là thành phần của Nền tảng số giáo dục quốc gia, được kết nối, liên thông với Nền tảng giáo dục thông minh quốc gia thuộc Danh mục nền tảng số dùng chung quốc gia.

Các thành phần của Hệ thống được thiết kế theo kiến trúc mở, bảo đảm khả năng tích hợp, liên thông và kế thừa các hệ thống, nền tảng, cơ sở dữ liệu hiện có, hạn chế đầu tư trùng lặp.

Mô hình quản lý, vận hành và yêu cầu kỹ thuật cụ thể của Hệ thống do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.

8 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Đề án

Để thực hiện được các mục tiêu trên, Đề án đưa ra 8 nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm gồm:

Hoàn thiện thể chế, chính sách, tiêu chuẩn kỹ thuật và khung bản quyền học liệu số:

Rà soát, xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền quản lý, thẩm định, phê duyệt, khai thác và chia sẻ học liệu số giữa các cấp theo quy định của pháp luật; ban hành quy định, hướng dẫn về học liệu, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đặc tả dữ liệu, phân loại dữ liệu, mã định danh học liệu và chia sẻ, liên thông dữ liệu.

Xây dựng cơ chế quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng học liệu số, bảo đảm quyền tác giả, quyền liên quan và khuyến khích phát triển học liệu mở phù hợp với quy định của pháp luật; phân định rõ quyền sở hữu và quyền sử dụng theo các nhóm chủ thể (Nhà nước đặt hàng; giáo viên đóng góp; doanh nghiệp, nhà xuất bản tham gia).

Ban hành chính sách khuyến khích đóng góp học liệu; chính sách bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Phát triển hạ tầng số và nền tảng công nghệ dùng chung:

Xây dựng và vận hành Cổng học liệu số đa nền tảng (web, ứng dụng di động); hỗ trợ truy cập băng thông thấp và chế độ ưu tiên cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Phát triển hạ tầng, nền tảng, dữ liệu và dịch vụ số lưu trữ trên nền điện toán đám mây, trung tâm dữ liệu dự phòng, mạng phân phối nội dung và giám sát 24/7; tuân thủ Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số; kết nối, liên thông, chia sẻ và sử dụng chung với các nền tảng, cơ sở dữ liệu dùng chung của quốc gia.

Xây dựng học liệu lõi quốc gia:

Đặt hàng biên soạn, số hóa học liệu lõi quốc gia bằng ngân sách nhà nước theo mục tiêu phát triển phẩm chất, năng lực học sinh của Chương trình giáo dục phổ thông, ưu tiên học liệu tương tác đa phương tiện, mô phỏng thực tế, thí nghiệm ảo và nội dung đặc thù.

Xây dựng, tổ chức thực hiện quy trình tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, cập nhật, chỉnh sửa, tạm dừng hoặc gỡ bỏ học liệu; ứng dụng công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong các khâu phù hợp, bảo đảm trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền.

Huy động nguồn học liệu xã hội hóa từ nhà xuất bản, doanh nghiệp công nghệ giáo dục và cộng đồng giáo viên qua chức năng đóng góp học liệu trên Cổng học liệu số.

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo hỗ trợ vận hành Kho học liệu số quốc gia:

Ứng dụng trí tuệ nhân tạo để hỗ trợ quản lý, phân loại, tìm kiếm, đề xuất và khai thác học liệu số phù hợp với yêu cầu của Hệ thống.

Việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo phải bảo đảm sự giám sát, kiểm soát và chịu trách nhiệm của con người đối với các quyết định thuộc thẩm quyền; bảo đảm khả năng kiểm tra, truy xuất và xử lý khiếu nại theo quy định của pháp luật.

Đối với các chức năng trí tuệ nhân tạo thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về trí tuệ nhân tạo, thực hiện đầy đủ các yêu cầu về quản lý rủi ro, minh bạch, giám sát của con người và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật.

Bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân:

Thiết kế kiến trúc bảo mật nhiều lớp; quản lý định danh, xác thực và phân quyền truy cập tập trung; mã hóa dữ liệu lưu trữ và truyền tải; giám sát an ninh mạng 24/7.

Đối với dữ liệu cá nhân của học sinh là trẻ em, người chưa thành niên: thực hiện theo quy định riêng của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân đối với nhóm chủ thể này và pháp luật về bảo vệ trẻ em trên môi trường mạng.

Ẩn danh hóa dữ liệu cá nhân trước khi phân tích, tổng hợp; thực hiện kiểm tra, kiểm thử, đánh giá và kiểm toán an toàn thông tin theo yêu cầu, cấp độ và quy định của pháp luật; tuân thủ đầy đủ Luật An ninh mạng và Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Đào tạo, bồi dưỡng năng lực số và truyền thông, thúc đẩy sử dụng thực chất:

Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành khung năng lực số; tổ chức tập huấn cốt cán và bồi dưỡng đại trà năng lực số cho giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục theo lộ trình; tích hợp kỹ năng số vào đào tạo sinh viên sư phạm.

Triển khai kế hoạch quản trị thay đổi và thúc đẩy sử dụng thực chất (mạng lưới giáo viên tiên phong, cộng đồng thực hành số, cơ chế thi đua - ghi nhận, đo lường áp dụng thực tế); ưu tiên hỗ trợ thiết bị, đường truyền cho giáo viên, học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Phối hợp liên ngành và liên thông dữ liệu:

Bảo đảm cam kết chất lượng dịch vụ; thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành định kỳ; kết nối, chia sẻ danh mục và dữ liệu học liệu số đã được chuẩn hóa với các cơ sở dữ liệu, nền tảng dữ liệu quốc gia có liên quan theo quy định của pháp luật; phạm vi, phương thức và tần suất chia sẻ do cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn.

Bảo đảm nguồn lực và phát triển bền vững:

Bố trí kinh phí theo nguyên tắc tách bạch vốn đầu tư công cho xây dựng hạ tầng, nền tảng cốt lõi và kinh phí chi thường xuyên cho vận hành, thuê dịch vụ điện toán đám mây, bảo đảm an toàn thông tin, thẩm định và cập nhật học liệu; kinh phí chi thường xuyên được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm theo quy định của pháp luật, phù hợp với nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

Đẩy mạnh xã hội hóa, hợp tác công - tư trên nguyên tắc bảo đảm cạnh tranh, công khai, minh bạch, không thu phí đối với học liệu lõi quốc gia; không gắn quyền tiếp cận học liệu lõi với việc mua sản phẩm, dịch vụ khác; không tạo độc quyền nền tảng và không gây bất bình đẳng trong tiếp cận.

Nguồn: baochinhphu.vn

BẢO ĐẢM VẬN HÀNH TỐT CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG SAU SẮP XẾP

Văn phòng Chính phủ vừa có Thông báo số 523/TB-VPCP kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu tại cuộc họp về tiến độ sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông; tình hình, tiến độ triển khai xây dựng và vận hành các trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới.

34/34 tỉnh, thành phố đã hoàn thành phương án sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông

Thông báo kết luận nêu rõ, Phó Thủ tướng Chính phủ ghi nhận sự cố gắng, nỗ lực của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ, cơ quan và các địa phương trong việc triển khai thực hiện việc sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập và xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới đất liền; đạt được những kết quả tích cực bước đầu.

Trong đó, 34/34 tỉnh, thành phố đã hoàn thành phương án sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giảm được 18.975 đầu mối cơ sở giáo dục công lập (tương đương 50,6%), vượt mức mục tiêu tối thiểu 30%; cơ cấu lại đội ngũ nhà giáo, tăng cường nhân lực trực tiếp giảng dạy với 28.217 cán bộ quản lý cơ sở giáo dục được chuyển sang công tác giảng dạy; hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục sau sắp xếp cơ bản được duy trì ổn định, bảo đảm quyền học tập của học sinh.

Việc xây dựng trường phổ thông nội trú liên cấp các xã biên giới được các Bộ, ngành, các địa phương tích cực triển khai, nỗ lực khắc phục khó khăn; đến nay 108 trường giai đoạn 01 đã tổ chức khai giảng phục vụ năm học 2026 - 2027, trong đó có 40 trường đã hoàn thành 100% hạng mục; đồng thời 121 trường khởi công giai đoạn 2 tại 17 tỉnh, thành phố đang được tập trung triển khai xây dựng theo quy định.

Bên cạnh kết quả đạt được, vẫn còn những hạn chế, khó khăn; trong đó sau quá trình sắp xếp các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, một số cơ sở giáo dục có quy mô rất lớn với nhiều phân hiệu, điểm trường dẫn đến khó khăn trong công tác quản trị nhà trường; vẫn còn một số cán bộ quản lý cơ sở giáo dục dự kiến chuyển sang giảng dạy, cán bộ quản lý và nhân viên chưa có phương án bố trí công việc; việc bàn giao tài chính, tài sản, dữ liệu và hoàn tất các thủ tục pháp nhân mới ở một số nơi thực hiện còn chậm.

Đối với các trường phổ thông nội trú liên cấp giai đoạn 1, vẫn còn nhiều trường chưa hoàn thành toàn bộ hạng mục, dẫn đến tình trạng vừa tổ chức dạy học vừa thi công; việc triển khai nhiều dự án gặp khó khăn do khan hiếm vật liệu, nhân công, vướng mắc trong giải phóng mặt bằng; quá trình vận hành các trường mới còn nhiều lúng túng, nhất là do thiếu hụt nhân lực quản sinh, tư vấn tâm lý, dinh dưỡng và giáo vụ.

Tuyệt đối tránh bệnh thành tích, sắp xếp cơ học, cào bằng

Để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nêu trên, bảo đảm thực hiện hiệu quả, vận hành tốt các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông sau sắp xếp và hoàn thành xây dựng các trường phổ thông nội trú liên cấp tại các xã biên giới bảo đảm chất lượng, tiến độ, an ninh, an toàn theo đúng chủ trương của Bộ Chính trị, chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan liên quan, các địa phương theo chức năng, nhiệm vụ được giao tập trung triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp đề ra.

Thống nhất quan điểm sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông phải gắn với nâng cao hiệu quả quản trị nhà trường và chất lượng giáo dục; xây dựng trường nội trú biên giới phải bảo đảm đầy đủ điều kiện vận hành, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, an ninh, an toàn. Trong đó, chất lượng giáo dục, an toàn và quyền lợi của học sinh là thước đo cuối cùng và quan trọng nhất; tuyệt đối tránh bệnh thành tích, sắp xếp cơ học, cào bằng; xác định rõ việc sắp xếp các cơ sở giáo dục chỉ hoàn thành khi bộ máy mới vận hành ổn định, hiệu quả, bảo đảm đầy đủ đội ngũ, nguồn lực và điều kiện dạy học tốt hơn.

Kịp thời điều chỉnh phù hợp đối với những cơ sở vượt khả năng quản trị

Về sắp xếp cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập: Phó Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm trực tiếp về kết quả sắp xếp và vận hành các cơ sở giáo dục trên địa bàn.

Trong đó, rà soát toàn bộ cơ sở giáo dục quy mô lớn, nhiều cấp học, nhiều phân hiệu, nhiều điểm trường, địa bàn rộng, nhất là đối với 114 cơ sở có trên 100 lớp; kịp thời điều chỉnh phù hợp đối với những cơ sở vượt khả năng quản trị, ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn hoặc quyền học tập của học sinh; hoàn thành trong tháng 10 năm 2026.

Bảo đảm các điều kiện vận hành của cơ sở giáo dục sau sắp xếp, bàn giao và quản lý tài chính, tài sản, hồ sơ, dữ liệu của nhà trường, con dấu, tài khoản, mã trường, cơ sở vật chất, phân định trách nhiệm tại các phân hiệu, điểm trường và các điều kiện bảo đảm an toàn, chất lượng giáo dục theo quy định; hoàn thành trong tháng 10 năm 2026.

Khẩn trương hoàn thành việc bố trí cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP của Chính phủ; có phương án xử lý dứt điểm đối với số cán bộ quản lý cơ sở giáo dục dự kiến chuyển sang giảng dạy, cán bộ quản lý và nhân viên chưa có phương án bố trí, báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo kết quả thực hiện; trường hợp chưa hoàn thành phải làm rõ nguyên nhân, trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân liên quan và xác định, đề xuất cụ thể thời hạn hoàn thành, gửi Bộ Nội vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ; hoàn thành trước ngày 15 tháng 10 năm 2026.

Nghiên cứu, đề xuất chế độ phù hợp đối với cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục quy mô lớn, nhiều cấp học

Phó Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Giáo dục và Đào tạo làm đầu mối tiếp nhận, tổng hợp các khó khăn, vướng mắc của địa phương trong quá trình thực hiện sắp xếp, tổ chức, vận hành cơ sở giáo dục; chủ động xử lý theo thẩm quyền đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền; phối hợp, đôn đốc các bộ, ngành liên quan giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề vượt thẩm quyền.

Rà soát, hoàn thiện các quy định về tổ chức, quản trị cơ sở giáo dục sau sắp xếp, nhất là trường có quy mô đặc biệt lớn, nhiều cấp học, nhiều phân hiệu, điểm trường; bảo đảm phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm quản lý, phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục.

Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan, địa phương rà soát, đề xuất hoàn thiện quy định về vị trí việc làm, số lượng người làm việc, số lượng cấp phó, cơ cấu đội ngũ, chế độ làm việc của giáo viên và các điều kiện bảo đảm hoạt động giáo dục, trong đó có tính đến quy mô học sinh, số lớp, số cấp học, số phân hiệu, điểm trường, khoảng cách địa lý và phạm vi quản lý bảo đảm phù hợp, hiệu quả; không cào bằng giữa các cơ sở giáo dục; hoàn thành trong tháng 10 năm 2026.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan khẩn trương nghiên cứu, xây dựng mô hình trường học xã hội chủ nghĩa tại những địa bàn có đủ điều kiện; báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15 tháng 11 năm 2026.

Bộ Nội vụ nghiên cứu, đề xuất chế độ, chính sách phù hợp đối với cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục quy mô lớn, nhiều cấp học, nhiều phân hiệu, điểm trường; chính sách đối với cán bộ quản lý, nhân viên sau sắp xếp không còn vị trí việc làm phù hợp, nhất là trường hợp có nguyện vọng nghỉ hưu, tinh giản biên chế, thôi giữ chức vụ quản lý hoặc chuyển công tác nhưng chưa thuộc đối tượng được giải quyết theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP và Nghị quyết số 37/2026/NQ-CP của Chính phủ; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong tháng 10 năm 2026. Rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về số lượng cấp phó trong các đơn vị sự nghiệp phù hợp với mô hình cơ sở giáo dục sau sắp xếp, hoàn thành trong năm 2026.

Nguồn: baochinhphu.vn

CHỈ SỐ BẢO ĐẢM AN NINH MẠNG GỒM 03 NHÓM TIÊU CHÍ VÀ 29 TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN

Ngày 12/10/2026, Phó Thủ tướng Chính phủ Thường trực Phạm Gia Túc ký Quyết định số 1964/QĐ-TTg về việc ban hành Chỉ số bảo đảm an ninh mạng.

Theo đó, giai đoạn 2027 - 2028: Triển khai thử nghiệm, đánh giá, cập nhật, điều chỉnh Chỉ số gồm 03 nhóm tiêu chí với 29 tiêu chí thành phần. Nội dung chi tiết, nguyên tắc, cấu trúc

chỉ số, quy trình tính toán, thang đánh giá của Chỉ số được thực hiện dựa trên 07 Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Cụ thể, về cấu trúc tổng thể Chỉ số, Quyết định nêu rõ: Chỉ số bao gồm 03 nhóm tiêu chí và 29 tiêu chí thành phần, trong đó, Nhóm I - Nhóm tiêu chí đánh giá chung và Nhóm II - Nhóm tiêu chí đánh giá đặc thù được dùng để tính toán Chỉ số, Nhóm III - Nhóm tiêu chí phục vụ chỉ đạo, điều hành không dùng để tính toán Chỉ số.

Nhóm I - Nhóm tiêu chí đánh giá chung (áp dụng đối với mọi hệ thống thông tin, chủ quản hệ thống thông tin) gồm 2 tiêu chí thành phần: 1- Đáp ứng hồ sơ đề xuất cấp độ; 2- Đáp ứng phương án bảo đảm an ninh mạng theo cấp độ.

Nhóm II - Nhóm tiêu chí đánh giá đặc thù (áp dụng đối với hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên, chủ quản hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên) gồm 18 tiêu chí thành phần: 1- Quản lý rủi ro an ninh mạng; 2- Quản lý tài sản phần cứng; 3- Quản lý tài sản phần mềm; 4- Quản lý tài sản thông tin; 5- Cấu hình an toàn cho phần cứng và phần mềm; 6- Quản lý tài khoản và quyền truy cập tài khoản của người dùng; 7- Quản lý lỗ hổng bảo mật; 8- Quản lý nhật ký an ninh mạng; 9- Bảo vệ cho trình duyệt web, dịch vụ thư điện tử; 10- Phòng chống phần mềm độc hại; 11- Sao lưu và khôi phục dữ liệu; 12- Quản lý hạ tầng mạng; 13- Giám sát phòng thủ an ninh mạng; 14- Nhân sự vận hành, quản trị hệ thống, bảo vệ an ninh mạng; 15- Quản lý nhà cung cấp sản phẩm, dịch vụ; 16- Phát triển ứng dụng an toàn; 17- Quản trị ứng phó sự cố an ninh mạng; 18- Quản lý kiểm tra an ninh mạng.

Nhóm III - Nhóm tiêu chí phục vụ chỉ đạo, điều hành (áp dụng đối với mọi hệ thống thông tin, chủ quản hệ thống thông tin) gồm 9 tiêu chí thành phần: 1- Tỷ lệ biện pháp xử lý rủi ro được thực hiện đúng hạn theo kế hoạch (%); 2- Tỷ lệ sự cố an ninh mạng được kiểm soát và xử lý kịp thời trên tổng số lượng sự cố an ninh mạng (%); 3- Số lượng sự cố an ninh mạng nghiêm trọng xảy ra (số vụ); 4- Số bản ghi dữ liệu cá nhân của công dân bị lộ lọt (số bản ghi); 5- Số Gigabyte dữ liệu bị lộ lọt (GB); 6- Số Gigabyte dữ liệu bị mất, mã hoá (GB); 7- Số vụ lộ bí mật nhà nước trên không gian mạng do sự cố an ninh mạng gây ra (vụ); 8- Số đầu tài liệu bí mật nhà nước bị đăng tải, truyền đưa trên không gian mạng do sự cố an ninh mạng gây ra (tài liệu); 9- Thiệt hại tài chính do các sự cố an ninh mạng gây ra trên tổng ngân sách chi cho công tác bảo đảm an ninh mạng (%).

Trong quá trình triển khai thử nghiệm, các nội dung quy định tại Phụ lục được cập nhật, hiệu chỉnh nhằm bảo đảm tính khả thi và phù hợp với thực tiễn trước khi áp dụng chính thức.

Quyết định cũng nêu rõ: Việc sơ kết giai đoạn triển khai thử nghiệm được thực hiện trong Quý II năm 2028. Kết quả đánh giá trong giai đoạn triển khai thử nghiệm này được cơ quan thường trực sử dụng làm cơ sở thực tiễn để rà soát, hoàn thiện Chỉ số, không tổng hợp làm căn cứ xét thi đua, khen thưởng hoặc đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (các bộ, cơ quan, địa phương).

Trên cơ sở kết quả sơ kết giai đoạn triển khai thử nghiệm, cơ quan thường trực báo cáo, đề xuất Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc áp dụng chính thức Chỉ số cho giai đoạn

2029 - 2030 và định hướng các năm tiếp theo, bảo đảm phù hợp với xu hướng công nghệ mới và yêu cầu quản trị an ninh mạng quốc gia.

Phạm vi triển khai thí điểm

Quyết định nêu rõ, trong giai đoạn 2027 - 2028, các bộ, cơ quan, địa phương tổ chức đánh giá thí điểm Chỉ số trên cơ sở áp dụng cấu trúc, nguyên tắc và phương pháp của Chỉ số nêu tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này. Cơ quan, tổ chức khác có nhu cầu có thể nghiên cứu, tham khảo để tự tổ chức đánh giá.

Hồ sơ đề xuất cấp độ hệ thống thông tin đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành (12/10/2026) tiếp tục được sử dụng làm căn cứ đánh giá Chỉ số cho đến khi được rà soát, điều chỉnh hoặc phê duyệt lại theo quy định.

Việc đánh giá Chỉ số trong giai đoạn thí điểm được thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan thường trực, trên cơ sở số liệu, kết quả triển khai thực tế và hồ sơ, tài liệu minh chứng của kỳ đánh giá tương ứng.

Xử lý kết quả đánh giá

Kết quả đánh giá Chỉ số được bảo mật, quản lý, sử dụng theo quy định; bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước đối với các nội dung có chứa bí mật nhà nước. Trường hợp công bố đối với kết quả đánh giá chính thức (từ năm 2029 trở đi), nội dung công bố gồm điểm số và mức xếp loại của cơ quan, tổ chức.

Đối với kết quả đánh giá thử nghiệm (giai đoạn 2027 - 2028): Kết quả giai đoạn này là cơ sở thực tiễn để rà soát, hoàn thiện cấu trúc, tiêu chí và phương pháp tính toán của Chỉ số.

Đối với kết quả đánh giá chính thức (từ năm 2029 trở đi): Kết quả đánh giá được tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ và tổ chức công bố, xếp hạng định kỳ theo quy định trước tháng 5 hằng năm; làm căn cứ quan trọng trong công tác quản lý nhà nước, phục vụ hoạch định chính sách vĩ mô, chiến lược về an ninh mạng quốc gia. Kết quả đánh giá chính thức có thể được sử dụng làm một trong các thông tin tham khảo phục vụ công tác đánh giá cán bộ, công chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và quy định khác có liên quan.

Bộ Công an là cơ quan thường trực theo dõi, đánh giá, tổng hợp kết quả đánh giá Chỉ số hằng năm

Thủ tướng Chính phủ giao Bộ Công an là cơ quan thường trực theo dõi, đánh giá, tổng hợp kết quả đánh giá Chỉ số hằng năm; chủ trì, phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Quốc phòng và các bộ, cơ quan, địa phương đề xuất điều chỉnh Chỉ số; sơ kết, tổng kết việc triển khai thử nghiệm; xem xét, điều chỉnh đối với các nhóm tiêu chí, tiêu chí thành phần để phù hợp với tình hình thực tiễn; hướng dẫn việc áp dụng Chỉ số, phương pháp đánh giá, phạm vi và thời điểm thu thập dữ liệu đánh giá, việc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Chỉ số; nghiên cứu, xây dựng công cụ hỗ trợ đánh giá tự động, xây dựng hệ thống thông tin phục vụ việc chấm điểm, tổng hợp, báo cáo, thống kê kết quả đánh giá hằng năm.

Các bộ, cơ quan, địa phương tổ chức đánh giá đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý, bao gồm hệ thống thông tin của các đơn vị trực thuộc; xây dựng cơ chế, chính

sách phù hợp để theo dõi, thống kê, tổng hợp số liệu các chỉ tiêu, đảm bảo cập nhật thường xuyên, liên tục, đầy đủ, chính xác và báo cáo về cơ quan thường trực để tổng hợp, đánh giá theo thời hạn do cơ quan thường trực hướng dẫn; tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ để hình thành hệ thống dữ liệu đầy đủ, hỗ trợ cho việc triển khai đánh giá Chỉ số.

Công an tỉnh, thành phố là đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả đánh giá theo quy định.

Nguồn: baochinhphu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

*** Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

Quyết định số 1966/QĐ-TTg ngày 12/10/2026 về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa-xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035.

Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng làm Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương.

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng làm Phó Trưởng ban Thường trực.

Các Phó Trưởng ban gồm: Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Thị Thanh Trà; Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng; Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Tiến Châu.

Các Ủy viên Thường trực: Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Trịnh Việt Hùng; Bộ trưởng Bộ Tài chính Ngô Văn Tuấn; Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hoàng Minh Sơn; Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Lâm Thị Phương Thanh; Bộ trưởng Bộ Y tế Đào Hồng Lan; Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo Nguyễn Đình Khang.

Các ủy viên gồm: Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Đặng Xuân Phong; Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Hoàng Hiệp; Thứ trưởng Bộ Tài chính Tạ Anh Tuấn; Thứ trưởng Bộ Công an Thượng tướng Lê Văn Tuyến; Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Thượng tướng Nguyễn Quang Ngọc; Thứ trưởng Bộ Tư pháp Nguyễn Thanh Tú; Thứ trưởng Bộ Xây dựng Nguyễn Văn Sinh; Thứ trưởng Bộ Nội vụ Nguyễn Thị Hà; Thứ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Việt Sơn; Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Minh Hằng; Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Nguyễn Ngọc Cảnh; đại diện lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ; Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội Nguyễn Thị Hằng; mời đại diện lãnh đạo: Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Ban Tuyên giáo Trung ương; Ban Chính sách, chiến lược Trung ương; Hội đồng Dân tộc của Quốc hội; Ủy ban Kinh tế và Tài chính của Quốc hội; Ủy ban Văn hóa và Xã hội của Quốc hội; Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội; mời Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Cao Xuân Thạo; Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam Phạm Hồng Hương; Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam Phan Như Nguyện; Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam Nguyễn Thu Hiền; Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Nguyễn Kim Quy; Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã Việt Nam Cao Xuân Thu Vân.

*** Thành phố Hà Nội**

- Ông Nguyễn Anh Quân thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và thôi giữ chức Bí thư Đảng ủy phường Ô Chợ Dừa, nhiệm kỳ 2025 - 2030; điều động, chỉ định ông tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Kim Anh, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Điều động, phân công ông Duy Hoàng Dương, Thành ủy viên, Trưởng ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố, đến công tác tại Sở Tư pháp thành phố để bổ nhiệm giữ chức Giám đốc Sở Tư pháp thành phố Hà Nội.

- Điều động, chỉ định ông Phan Thanh Quang, Giám đốc Trung tâm Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số nông nghiệp và môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố, tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Kim Anh, nhiệm kỳ 2025 - 2030; đồng thời giới thiệu để bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kim Anh, nhiệm kỳ 2026 - 2031.

- Ông Đỗ Minh Tuấn thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và thôi giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Kim Anh, nhiệm kỳ 2025 - 2030; được điều động đến công tác tại Văn phòng Thành ủy, làm thành viên Bộ phận nghiên cứu chuyên đề thành phố Hà Nội.

- Ông Đỗ Xuân Huân thôi tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và thôi giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Kim Anh, nhiệm kỳ 2025 - 2030; được điều động đến công tác tại Văn phòng Thành ủy, làm thành viên Bộ phận nghiên cứu chuyên đề thành phố Hà Nội.

*** Tỉnh Lào Cai**

- Ông Nguyễn Việt Cường, Phó Giám đốc Sở Tài chính, được điều động đến công tác tại Đảng ủy xã Bản Hồ, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Bản Hồ nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Đỗ Hiếu Thảo, Ủy viên chuyên trách Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, thôi tham gia các chức vụ hiện tại, được điều động đến công tác tại Đảng ủy xã Mường Bo, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Mường Bo nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Nguyễn Duy Tuyên, Phó Chánh Thanh tra tỉnh, thôi tham gia các chức vụ hiện tại, được điều động đến công tác tại Đảng ủy xã Cát Thịnh, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Cát Thịnh nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Nguyễn Thúc Mạnh, Phó Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai, được điều động đến công tác tại Đảng ủy xã Trấn Yên, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Trấn Yên nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Trần Quang Vinh, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trấn Yên, thôi giữ các chức vụ hiện tại và được phân công, điều động tham gia Ban Nghiên cứu, tư vấn cơ chế, chính sách cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Bà Nguyễn Thị Ngà, thành viên Ban Nghiên cứu, tư vấn cơ chế, chính sách cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thôi tham gia chức vụ hiện tại, được điều động đến công tác tại Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và giới thiệu để hiệp thương cử giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030.

- Ông Trương Mạnh Quyết, thành viên Ban Nghiên cứu, tư vấn cơ chế, chính sách cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy, thôi tham gia ban này và được điều động đến công tác tại Sở Dân tộc và Tôn giáo.

*** Tỉnh Hưng Yên**

- Ông Nguyễn Tuấn Phong, Tỉnh ủy viên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Hưng Yên được phân công, điều động, bổ nhiệm giữ chức Trưởng Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Hưng Yên.

*** Tỉnh Quảng Trị**

- Ông Nguyễn Văn Biên, Phó Giám đốc Sở Ngoại vụ được điều động, chỉ định tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Lao Bảo, giới thiệu bầu Chủ tịch UBND xã Lao Bảo.

- Ông Hoàng Đức Thiện, Phó Giám đốc Sở Tài chính được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy phường Đồng Hới, giới thiệu bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đồng Hới.

- Ông Võ Quốc Hoàng, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Cửa Tùng, giới thiệu bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cửa Tùng.

- Điều động, bổ nhiệm ông Mai Hồng Ngọc, Phó Giám đốc Sở Tài chính giữ chức Phó Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Quảng Trị.

- Ông Nguyễn Thanh Bắc, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hiếu Giang được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Cam Lộ nhiệm kỳ 2025 - 2030, giới thiệu bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cam Lộ.

- Ông Nguyễn Văn Ân, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cam Lộ được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Hiếu Giang, giới thiệu bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hiếu Giang.

- Ông Nguyễn Văn Tứ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hoàn Lão được điều động giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Bố Trạch, giới thiệu bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bố Trạch.

- Ông Đỗ Mạnh Tài, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bố Trạch được điều động giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Hoàn Lão, giới thiệu bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hoàn Lão.

- Ông Đinh Duy Hòa, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Minh Hóa được điều động giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Kim Điền, giới thiệu bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kim Điền.

- Ông Trần Mạnh Hùng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kim Điền được điều động, chỉ định giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Minh Hóa, giới thiệu bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Minh Hóa.

- Ông Lê Văn Sơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lệ Thủy được điều động giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Lệ Ninh, giới thiệu bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lệ Ninh.

- Ông Nguyễn Hữu Hán, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lệ Ninh được điều động giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Lệ Thủy, giới thiệu bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lệ Thủy.

- Bà Trần Thị Oanh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cồn Tiên được điều động giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Gio Linh, giới thiệu bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Gio Linh.

- Ông Lê Vĩnh Phú, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Gio Linh được điều động giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Cồn Tiên, giới thiệu bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Cồn Tiên.

- Ông Nguyễn Thế Hậu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Định được điều động giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Nam Hải Lăng, giới thiệu bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Hải Lăng.

- Ông Trần Hữu Bắc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Hải Lăng được điều động giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Vĩnh Định, giới thiệu bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Định.

- Ông Hoàng Ngọc Đan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Đồng Hới được điều động giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy xã Nam Trạch, giới thiệu bầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nam Trạch.

Nguồn: Tổng hợp từ baochinhphu.vn và vov.vn